

SỞ GDĐT TỈNH NINH BÌNH

DANH SÁCH NHÀ GIÁO (GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC) ĐÁP ỨNG ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỂ THAM DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, HẠNG II LÊN HẠNG I ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC LÀ NHÀ GIÁO TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2313 /QĐ-SGDĐT ngày 17/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<u>đáp ứng</u> <u>đủ</u> các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là <u>Đạt</u>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
	THPT chuyên Lê Hồng Phong																		
1	Nguyễn Hữu Thiểm	25/3/1978		Phó Hiệu trưởng	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/11/2000	15.113	ĐHSP Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/11/2025	Đạt	
2	Phạm Thanh Ngọc	26/7/1978		Hiệu trưởng	THPT chuyên LHP	01/11/2000	15.113	ĐHSP Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11//2023	Đạt	
	THPT A Trần Hưng Đạo																		
3	Hoàng Việt Hà	14/4/1978		Phó Hiệu trưởng	THPT A Trần Hưng Đạo	15/9/2001	15.113	ĐHSP	Địa Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2024	Đạt	
	THPT B Nguyễn Huệ																		
4	Nguyễn Thị Thu Thủy		03/6/1977	Hiệu trưởng	THPT B Nguyễn Huệ	01/9/1999	15.113	ĐH Vật Lí Thạc sỹ QLGD	Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/3/2026	Đạt	
	THPT Mỹ Lộc																		
5	Trần Nam Chung	04/8/1979		Phó Hiệu trưởng	THPT Mỹ Lộc	01/10/2003	15.113	Đại học SP Ngữ Văn; Thạc sỹ KHQL	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/7/2024	Đạt	
	THPT Trần Văn Lan																		
6	Cao Thị Nghĩa		05/05/1979	Phó Hiệu trưởng	THPT Trần Văn Lan	15/9/2001	15.113	ĐH SP Địa; Thạc sỹ QLGD	Địa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	

[illegible]

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ các tiêu chuẩn,</u></i> <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
23	Hoàng Thị Ngọc Bích		03/02/1979	Phó Hiệu trưởng	THPT B Nghĩa Hưng	15/9/2001	15.113	ĐHNN; Thạc sĩ QLGD	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh/QLGD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2024	Đạt	
THPT C Nghĩa Hưng																			
24	Nguyễn Đức Thọ	06/02/1966		Phó Hiệu trưởng	THPT C Nghĩa Hưng	14/09/1988	15.113	ĐHSP	Cử nhân Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	19%	01/07/2025	Đạt	
THPT Nghĩa Minh																			
25	Trần Văn Tuấn	01/12/1979		Hiệu trưởng	THPT Nghĩa Minh	01/10/2002	15.113	ĐHSP-Thạc sỹ	Ngữ Văn Thạc sỹ QLGD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2024	Đạt	
26	Nguyễn Hồng Phú	27/07/1984		Phó Hiệu trưởng	THPT Nghĩa Minh	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
THPT Trần Nhân Tông																			
27	Hoàng Văn Hà	16/04/1980		Hiệu trưởng	THPT Trần Nhân Tông	01/10/2002	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Quản lí Giáo dục	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2025	Đạt	
28	Nguyễn Quý Bình	11/8/1976		Phó Hiệu trưởng	THPT Trần Nhân Tông	20/12/1998	15.113	ĐHSP Hà Nội 2	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/09/2025	Đạt	
THPT Lý Tự Trọng																			
29	Phan Duy Hiền	02/04/1982		Phó Hiệu trưởng	THPT Lý Tự Trọng	01/10/2004	15.113	Đại học, Thạc sĩ QLGD	SP Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2024	Đạt	
30	Vũ Ngọc Khánh	20/11/1979		Hiệu trưởng	THPT Lý Tự Trọng	15/9/2001	15.113	Đại học; Thạc sĩ PP Toán Sơ cấp	SP Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/1/2024	Đạt	

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ các tiêu chuẩn,</u></i> <i><u>điều kiện thì ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
31	Nguyễn Ngọc Châu	16/8/1979		Phó Hiệu trưởng	THPT Lý Tự Trọng	01/9/2003	15.113	Đại học; Thạc sĩ QLGD	SP Sinh - KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,99		01/09/2025	Đạt	
THPT Nam Trực																			
32	Nguyễn Thị Nhân		10/10/1977	Phó Hiệu trưởng	THPT Nam Trực	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/05/2024	Đạt	
33	Đào Văn Duẩn	27/06/1974		Hiệu trưởng	THPT Nam Trực	01/09/1997	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/06/2026	Đạt	
34	Nguyễn Văn Nam	10/10/1981		Phó Hiệu trưởng	THPT Nam Trực	01/09/2005	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ	Hoá học; QLGD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2025	Đạt	
THPT Nguyễn Du																			
35	Nguyễn Thanh Tùng	29/10/1979		Hiệu trưởng	THPT Nguyễn Du	01/10/2002	15.113	Thạc sĩ khoa học quản lý; Cử nhân sư phạm hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	
36	Đỗ Văn Biển	03/09/1978		Phó Hiệu trưởng	THPT Nguyễn Du	01/10/2003	15.113	ĐHSP GDCT; Thạc sỹ QLGD	GDCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng III	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
THPT Trần Văn Bảo																			
37	Trần Đức Thiện	25/09/1984		Phó Hiệu trưởng	THPT Trần Văn Bảo	01/09/2006	15.113	Cử nhân SP Toán; Thạc sĩ Phương pháp giảng dạy môn Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2024	Đạt	
THPT Trục Ninh																			
38	Bùi Minh Thắng	11/02/1984		Phó Hiệu trưởng	THPT Trục Ninh	01/09/2009	15.113	- ĐHSP Sinh-KTNN; - Thạc sỹ Khoa học quản lý	- Sư phạm Sinh-KTNN; - Khoa học quản lý	Không	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ các tiêu chuẩn,</u></i> <i><u>điều kiện thì ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
39	Nguyễn Đình Dũng	12/08/1975		Phó Hiệu trưởng	THPT Trưc Ninh	01/09/1999	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Toán	Toán	Không	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/06/2026	Đạt	
40	Lâm Thị Hạnh		31/8/1972	Hiệu trưởng	THPT Trưc Ninh	01/9/1995	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/9/2025	Đạt	
THPT Trưc Ninh B																			
41	Nguyễn Huy Hoạt	12/02/1968		Hiệu trưởng	THPT Trưc Ninh B	01/9/1994	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	12%	01/03/2026	Đạt	
42	Tổng Thị Thu		01/08/1975	Phó Hiệu trưởng	THPT Trưc Ninh B	01/09/1997	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/09/2025	Đạt	
43	Vũ Tuấn Lợi	28/04/1983		Phó Hiệu trưởng	THPT Trưc Ninh B	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
THPT Nguyễn Trãi																			
44	Vũ Mạnh Hùng	01/08/1978		Phó Hiệu trưởng	THPT Nguyễn Trãi	01/10/2003	15.113	ĐH sư phạm chuyên ngành Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/07/2024	Đạt	
45	Nguyễn Thắng Cảnh	20/9/1965		Hiệu trưởng	THPT Nguyễn Trãi	01/09/1990	15.113	ĐH sư phạm chuyên ngành Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	14%	01/03/2025	Đạt	
THPT Lê Quý Đôn																			
46	Nguyễn Văn Đăng	03/08/1983		Hiệu trưởng	THPT Lê Quý Đôn	01/9/2005	15a.201	ĐHSP Hóa học; Thạc sĩ Khoa học Quản lý	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
47	Nguyễn Kiên Trung	11/03/1974		Phó Hiệu trưởng	THPT Lê Quý Đôn	01/11/2000	15.113	ĐH SP Lịch sử; Thạc sỹ Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2023	Đạt	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ các tiêu chuẩn,</u></i> <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệm khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
86	Phạm Thị Thanh		13/06/1986	Phó Hiệu trưởng	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2008	15.113	ĐHSP - Thạc sĩ	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
THPT Lê Hoàn																			
87	Lại Văn Long	04/05/1985		Phó Hiệu trưởng	THPT Lê Hoàn	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
THPT A Bình Lục																			
88	Vũ Quốc Hiệu	06/03/1980		Phó Hiệu trưởng	THPT A Bình Lục	29/8/2003	15.113	ĐHSP Toán, Thác sĩ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
THPT C Bình Lục																			
89	Nguyễn Xuân Huy	14/09/1981		Phó Hiệu trưởng	THPT C Bình Lục	29/8/2003	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ	Vật lí-KTCN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2024	Đạt	
THPT A Nguyễn Khuyến																			
90	Nguyễn Đức Thiện	02/6/1976		Hiệu trưởng	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2001	15.113	ĐHSP Toán-Tin; Ths QLGD	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/6/2026	Đạt	
91	Nguyễn Anh Tuấn	04/7/1973		Phó Hiệu trưởng	THPT A Nguyễn Khuyến	01/11/1997	15.113	ĐHSP Thạc sĩ	Tiếng Anh QLGD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/06/2026	Đạt	
92	Phan Viết Hạnh	15/12/1977		Phó Hiệu trưởng	THPT A Nguyễn Khuyến	29/8/2003	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2023	Đạt	
THPT Lý Nhân																			
93	Nguyễn Tiến Khoa	04/04/1982		Phó Hiệu trưởng	THPT Lý Nhân	01/09/2004	15.113	ĐHSP;Thạc sĩ	Toán- Tin; QLGD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2024	Đạt	

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề vụ su phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghề	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
	THPT Nam Cao																		
94	Nguyễn Viết Trường	10/12/1987		Phó Hiệu trưởng	THPT Nam Cao	01/09/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2026	Đạt	
	THPT A Phú Lý																		
95	Nguyễn Thị Thu Nga		19/07/1975	Phó Hiệu trưởng	THPT A Phú Lý	15/09/1996	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/8/2026	Đạt	
96	Nguyễn Thị Vân		10/4/1972	Phó Hiệu trưởng	THPT A Phú Lý	01/9/1994	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/9/2025	Đạt	
	THPT C Phú Lý																		
97	Lê Minh Thuận	20/10/1972		Hiệu trưởng	THPT C Phú Lý	01/09/2001	15.113	Thạc sỹ Hóa học Đại học Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/09/2025	Đạt	
	Trung tâm GDNN-GDTX Nam Định																		
98	Trần Văn Độ	16/09/1972		Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Nam Định	01/09/1994	15.113	ĐHSP Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử; Thạc sỹ Quản lý Giáo dục	Công nghệ kỹ thuật Điện -Điện tử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	10%	01/09/2025	Đạt	
99	Trần Đức Hậu	25/04/1980		Giám đốc	GDNN-GDTX Nam Định	01/10/2003	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/7/2024	Đạt	
100	Trần Văn Thọ	15/11/1980		Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Nam Định	01/10/2002	15.113	ĐH Văn học; Thạc sỹ QLGD	Văn học	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP 2002	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2024	Đạt	
101	Nguyễn Xuân Thu	25/10/1978		Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Nam Định	01/11/2000	15.113	ĐH SP Toán; Thạc sỹ QLGD	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2023	Đạt	

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ các tiêu chuẩn,</u></i> <i><u>điều kiện thì ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
102	Nguyễn Đức Long	02/07/1976		Phó Giám đốc	GDNN-GDTEX Nam Định	01/9/1999	15.113	Cử nhân Lịch sử	Lịch sử	CCNVSP 2016	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/12/2025	Đạt	
103	Nguyễn Đức Hiền	26/09/1975		Phó Giám đốc	GDNN-GDTEX Nam Định	01/09/1999	15.113	ĐH Sư phạm Lịch sử; Thạc sỹ QLGD	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/03/2026	Đạt	
Trung tâm GDTEX-HN Phú Lý																			
104	Đình Thanh Khương	05/08/1975		Giám đốc	GDTEX-HN Phú Lý	18/08/1999	15.113	ĐH ĐH ThS	Ngôn ngữ Ngôn ngữ TQ QLGD	Bậc I	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
105	Phạm Thị Hương		11/10/1981	Phó Giám đốc	GDTEX-HN Phú Lý	29/08/2003	15.113	ĐH ThS	SP Ngữ văn QLGD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
106	Dương Minh Tráng	14/11/1984		Phó Giám đốc	GDTEX-HN Phú Lý	01/09/2011	15.113	ĐH	Hoá học	NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
Trung tâm GDNN-GDTEX Nho Quan																			
107	Nguyễn Tiến Công	22/03/1973		Phó Giám đốc	GDNN-GDTEX Nho Quan	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
108	Bùi Đức Thịnh	05/10/1986		Phó Giám đốc	GDNN-GDTEX Nho Quan	15/09/2010	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
Trung tâm GDNN-GDTEX Gia Viễn																			
109	Bùi Thị Hòa		19/10/1981	Giám đốc	GDNN-GDTEX Gia Viễn	01/12/2005	15.113	Đại học	Hóa	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2026	Đạt	
110	Bùi Văn Tuyên	08/12/1978		Phó Giám đốc	GDNN-GDTEX Gia Viễn	04/09/2006	15.115	Đại học SP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	

[illegible]

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ các tiêu chuẩn,</u></i> <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghề	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
119	Nguyễn Tuấn Ảnh	20/06/1976		Giám đốc	GDNN-GDTEX Nam Trực	01/09/2005	15a.201	ĐHSP	Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
120	Đỗ Văn Cường	04/06/1978		Phó Giám đốc	GDNN-GDTEX Nam Trực	01/06/2006	15c.207	Đại học	Chính trị	CC NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
Trung tâm GDNN-GDTEX Vụ Bản																			
121	Trần Đức Tuyển	28/09/1986		Phó Giám đốc	GDNN-GDTEX Vụ Bản	01/09/2008	15.113	Đại học	Cử nhân Toán học	CC NVSP, chuyên ngành: Toán học	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
122	Trần Anh Bình	02/10/1984		Giám đốc	GDNN-GDTEX Vụ Bản	01/09/2006	15.113	ĐHSP Vật lý; Thạc sỹ Vật lý	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
Trung tâm GDNN-GDTEX Trực Ninh																			
123	Vũ Văn Khiêm	10/04/1976		Giám đốc	GDNN- GDTEXTrực Ninh	01/11/1997	15.113	Đại học, Thạc sỹ QL	Tiếng Anh, CNTT, QLGD	CC Phương pháp giảng dạy tiếng Anh dành cho giáo viên các trường PTTH	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
124	Đỗ Thanh Hương		15/10/1978	Phó Giám đốc	GDNN- GDTEXTrực Ninh	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	
125	Hoàng Anh Dũng	11/04/1977		Phó Giám đốc	GDNN- GDTEXTrực Ninh	15/09/2001	15.113	Đại học, Thạc sỹ QL	Tiếng Anh, CNTT, QLGD	Chứng chỉ Nghề vụ sư phạm	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
Trung tâm GDNN-GDTEX Giao Thủy																			
126	Đỗ Văn Thủy	07/11/1979		Phó Giám đốc	GDNN-GDTEX Giao Thủy	01/09/2005	15a.201	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
127	Vũ Thị Ngân		23/3/1979	Phó Giám đốc	GDNN- GDTEX Giao Thủy	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2024	Đạt	

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ các tiêu chuẩn,</u></i> <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
	Trung tâm GDNN-GDTX Hải Hậu																		
128	Trần Văn Biên	24/04/1973		Giám đốc	GDNN-GDTX Hải Hậu	15/09/2001	15.113	ĐH và Thạc sĩ	- ĐH, chuyên ngành: Sư phạm Hóa học; - ThS, chuyên ngành: Khoa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2024	Đạt	
129	Đỗ Văn Dự	12/08/1979		Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Hải Hậu	01/10/2004	15.113	ĐHSP	- ĐH, chuyên ngành: Sư phạm Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
	Trung tâm GDNN-GDTX Xuân Trường																		
130	Đặng Văn Chỉnh	24/04/1978		Giám đốc	GDNN-GDTX Xuân Trường	15/9/2001	15.113	ĐHSP - Lịch sử; Thạc sỹ QLGD	Lịch sử; QLGD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng III	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2023	Đạt	
131	Nguyễn Văn Phát	22/02/1980		Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Xuân Trường	01/9/2005	15a.201	ĐHSP - Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng III	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
132	Nguyễn Cảnh Toàn	25/8/1979		Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Xuân Trường	01/5/2004	13.095	Học viện nông nghiệp	SPKT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng III	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng III	V.09.02.07	8	4,65		01/02/2025	Đạt	
	Trung tâm GDNN-GDTX Nghĩa Hưng																		
133	Mai Văn Tụ	18/04/1976		Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Nghĩa Hưng	15/10/2003	15.113	ĐHSP	Sinh-Kĩ thuật nông nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/07/2024	Đạt	
	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Lục																		
134	Trần Thế Vinh	10/02/1979		Giám đốc	GDNN-GDTX Bình Lục	01/9/2001	15.113	- Cao đẳng Toán- Vật lý; ĐH chuyên ngành: Sư phạm Vật lý; -ĐH Luật kinh tế.	Toán- Vật Lý; Luật kinh tế		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2024	Đạt	
135	Đỗ Thị Thảo		05/08/1978	Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Bình Lục	29/8/2003	15.113	' Cử nhân khoa học, ngành Ngữ văn	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ các tiêu chuẩn,</u></i> <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nhiệm khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
136	Nguyễn Chính Thiện	12/02/1984		Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Bình Lục	28/08/2008	15.113	Cử nhân khoa học, ngành Vật lý	Vật lý	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
Trung tâm GDNN- GDTX Duy Tiên																			
137	Trần Văn Tiến	05/12/1978		Giám đốc	GDNN- GDTX Duy Tiên	04/09/2003	15.113	ĐH Toán	Toán	CC NVSP Bậc 1	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
Trung tâm GDNN-GDTX Lý Nhân																			
138	Cao Văn Thu	01/10/1988		Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Lý Nhân	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
Trung tâm GDNN-GDTX Kim Bảng																			
139	Nguyễn Thị Thực		05/07/1986	Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Kim Bảng	01/9/2011	15.113	Đại học	CN Toán	CC NVSP đối với giáo viên THPT	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Liêm																			
140	Nguyễn Xuân Thủy	27/04/1975		Giám đốc	GDNN-GDTX Thanh Liêm		15.113	ĐHSP	Lịch sử		GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/03/2024	Đạt	
141	Lê Văn Thịnh	05/10/1985		Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
142	Đinh Thị Giang		02/01/1982	Phó Giám đốc	GDNN-GDTX Thanh Liêm	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	

Danh sách có 142 người./.

SỞ GDĐT TỈNH NINH BÌNH

DANH SÁCH NHÀ GIÁO (KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC) ĐÁP ỨNG ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỂ THAM DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, HẠNG II LÊN HẠNG I ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC LÀ NHÀ GIÁO TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2026 (Kèm theo Quyết định số 2313/QĐ-SGDĐT ngày 17/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
		1. THPT chuyên Lê Hồng Phong																		
1	1	Phạm Hồng Thanh	09/02/1975		Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lê Hồng Phong	15/09/1996	15.113	ĐHSP Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/06/2026	Đạt	
2	2	Lê Thị Trung Thu		03/01/1970	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/1993	15.113	ĐHSP Hóa học	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	10%	01/12/2025	Đạt	
3	3	Phạm Bắc Phú	08/09/1984		Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/9/2006	15.113	ĐHSP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
4	4	Trần Thị Minh Thanh		20/01/1975	Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/1996	15.113	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/03/2026	Đạt	
5	5	Nguyễn Trung Sỹ	10/11/1982		Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lê Hồng Phong	05/9/2005	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sĩ Toán học	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2025	Đạt	
6	6	Trần Hải Tú		15/09/1988	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/2011	15.113	Đại học (Cử nhân Sư phạm Ngữ văn chất lượng cao) Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
7	7	Bùi Thị Nhung		27/09/1985	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/2007	15.113	Cử nhân SP Lịch sử; Thạc sĩ LLPP Dạy học Lịch sử	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
8	8	Đặng Trung Kiên	23/10/1990		Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11/09/2012	15.113	Đại học	Sư phạm Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/06/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
9	9	Ngô Thị Diễm Hong		22/11/1976	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	20/12/1998	15.113	ĐHSP Ngữ Văn; Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/06/2026	Đạt	
10	10	Phạm Trọng Thịnh	07/03/1987		Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/2009	15.113	ĐHSP Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
11	11	Phạm Kim Anh		01/12/1977	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/11/2000	15.113	ĐH chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh; Thạc sỹ chuyên ngành Sư phạm	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/8/2024	Đạt	
12	12	Nguyễn Hải Dương	01/04/1991		Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lê Hồng Phong	06/10/2015	15.113	ĐHSP Vật lý; Thạc sĩ Vật lý	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/07/2024	Đạt	
13	13	Lê Thị Loan		28/11/1990	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11/09/2012	15.113	ĐHSP Địa lí	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/06/2024	Đạt	
14	14	Nguyễn Trung Kiến	07/11/1977		Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/1999	15.113	ĐHSP Toán	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/12/2025	Đạt	
15	15	Trần Công Hưng	10/11/1980		Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	03/09/2008	15.113	ĐHSP GDCT cử nhân SPGDCT	SPGDCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
16	16	Trần Văn Huy	15/03/1973		Tổ trưởng chuyên môn	THPT chuyên Lê Hồng Phong	25/12/1997	15.113	Đại học	GDTC; GDQPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
17	17	Trần Mạnh Sang	16/11/1987		Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/2009	15.113	ĐH SP Toán; Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06//2024	Đạt	
18	18	Mai Thị Tuyết Hạnh		20/08/1985	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	05/09/2007	15.113	Cử nhân SP Địa lí; Thạc sỹ Địa lí học	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
19	19	Nguyễn Thị Bích Đào		08/10/1992	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/10/2014	15.113	Đại học sư phạm Tin học; Thạc sĩ Khoa học máy tính	Sư phạm Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/7/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
20	20	Hà Diệu Hương		01/06/1990	Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11/09/2012	15.113	ĐHSP Địa lí	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/06/2024	Đạt	
21	21	Trần Thị Hồng		21/10/1991	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/9/2013	15.113	Đại học	SP tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2025	Đạt	
22	22	Trần Thị Kim Thoa		05/09/1989	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/9/2011	15.113	ĐHSP Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2026	Đạt	
23	23	Lại Năng Duy	11/03/1988		Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/10/2011	15.113	ĐH Hoá học; Thạc sỹ Hoá học; Tiến sỹ Hoá học	Hoá học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/04/2024	Đạt	
24	24	Nguyễn Thành Trung	06/10/1993		Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	06/10/2015	15.113	ĐHSP Địa lí.	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/07/2024	Đạt	
25	25	Nguyễn Thị Huyền Trang		15/09/1988	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/2013	15.113	Đại học SP Lịch sử; Thạc sỹ Lịch sử	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2025	Đạt	
26	26	Phạm Thị Như Hoa		24/11/1990	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/10/2014	15.113	Thạc sỹ Ngữ văn, ĐHSP Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2026	Đạt	
27	27	Phạm Thị Hằng		20/11/1978	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/11/2000	15.113	Đại học (cử nhân sư phạm Lịch sử) Thạc sĩ LL và PPDH Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/02/2025	Đạt	
28	28	Đinh Thị Hồng Tươi		24/03/1991	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/2013	15.113	ĐH SP Vật lý; Thạc sỹ Vật lý	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2025	Đạt	
29	29	Phạm Thị Phương Thảo		14/05/1989	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/2011	15.113	ĐH SP Vật Lý, Thạc sỹ Khoa học giáo dục	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
30	30	Phạm Thị Ngọc		13/01/1989	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/2011	15.113	ĐHSPHN Cử nhân Sư phạm Tin học	Sư phạm Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính đề xét nâng bậc lương lần sau		
31	31	Ngô Khoa Học	15/01/1989		Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư Phạm TDDT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
32	32	Vũ Lan Phương		18/04/1976	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	20/12/1998	15.113	ĐHSP Văn; Thạc sĩ Giáo dục học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/12/2025	Đạt	
33	33	Vũ Thu Trang		03/12/1981	Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/10/2003	15.113	ĐHSP Sinh học; Thạc sỹ Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
34	34	Bùi Văn Toàn	15/06/1985		Giáo viên	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/09/2007	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sĩ Toán học	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
2. THPT chuyên Lương Văn Tụy																				
35	1	Nguyễn Thị Loan		03/07/1980	Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/09/2002	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Địa lí học	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/06/2025	Đạt	
36	2	Nguyễn Thị Thanh Nhân		29/05/1974	Tổ trưởng chuyên môn	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/11/1996	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ Sinh học	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/08/2025	Đạt	
37	3	Trương Thị Hồng Chiến		08/07/1970	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/07/1994	15.113	ĐHSP	Hoá Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/04/2026	Đạt	
38	4	Đinh Thị Hoa		20/10/1979	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/09/2001	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Quản lí giáo dục	Sinh-Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2024	Đạt	
39	5	Lê Thị Phương Lan		26/07/1980	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/9/2002	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/06/2026	Đạt	
40	6	Phạm Thị Lanh		15/04/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/10/2007	15.113	ĐH	Sư phạm kỹ thuật điện		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	7	4,32		01/07/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
41	7	Lê Thuỳ Dương		31/12/1985	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	05/09/2008	15.113	ĐHSP	Sư phạm Kỹ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
42	8	Đinh Thị Loan		02/03/1985	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/10/2007	15.113	ĐH	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2026	Đạt	
43	9	Nguyễn Thị Thu Hương		29/09/1986	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2025	Đạt	
44	10	Nguyễn Trường Sơn	01/08/1983		Tổ trưởng chuyên môn	THPT chuyên Lương Văn Tụy	12/09/2006	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
45	11	Vũ Thị Yến		03/07/1984	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	10/10/2008	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
46	12	Đinh Thị Thanh Dung		21/10/1981	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	15/01/2009	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
47	13	Vũ Thị Luận		01/02/1973	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/08/1995	15.113	ĐHSP	Sinh - KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/12/2025	Đạt	
48	14	Trần Thị Hoà		05/11/1987	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/10/2010	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Lịch sử	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2025	Đạt	
49	15	Đinh Thị Bích Ngọc		01/12/1984	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/09/2006	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Địa lí	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2024	Đạt	
50	16	Đinh Thị Phương Liên		31/03/1980	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/09/2002	15.113	ĐH	Tiếng Pháp - Sư phạm, Tiếng Anh sư phạm		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
51	17	Phạm Thu Hoà		27/3/1986	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	10/10/2008	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ SP Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
52	18	Vũ Thị Lý		13/03/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lương Văn Tụy	15/09/2011	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2023	Đạt	
53	19	Phạm Tuyết Minh		02/12/1981	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/9/2003	15.113	ĐH, Thạc sỹ Tiếng Anh	Tiếng Pháp SP, Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2023	Đạt	
54	20	Tạ Hoàng Tâm		22/03/1981	Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/09/2003	15.113	ĐH, Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.05.07.15	8	4,65		01/06/2024	Đạt	
55	21	Nguyễn Thị Tuyến Tĩnh		20/06/1985	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/10/2007	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Địa lí học	Địa lí,		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2024	Đạt	
56	22	Phạm Thị Thuý		14/10/1983	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/08/2005	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Địa lí	Địa lí,		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/02/2026	Đạt	
57	23	Nguyễn Thị Thu Thương		20/07/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT chuyên Lương Văn Tụy	15/01/2003	15.113	ĐH, Thạc sỹ Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh,	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/05/2025	Đạt	
58	24	Bùi Thị Vân Anh		01/09/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lương Văn Tụy	15/04/2012	15.113	ĐH, Thạc sỹ Tiếng Anh	Tiếng Anh Sư phạm		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2024	Đạt	
59	25	Đặng Thị Mai Hoa		09/08/1987	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	15/8/2009	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.05.07.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
60	26	Nguyễn Thùy Hương		04/07/1980	Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/09/2003	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2024	Đạt	
61	27	Đinh Xuân Quang	27/11/1982		Giáo viên	THPT chuyên Lương Văn Tụy	15/8/2004	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/08/2025	Đạt	
62	28	Nguyễn Việt Dũng	23/10/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Lương Văn Tụy	01/10/2005	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2024	Đạt	

[illegible]

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
73	1	Phạm Thành Công	27/6/1982		Tổ trưởng chuyên môn	THPT chuyên Biên Hòa	05/9/2006	15.113	Đại học Sư phạm Vật lí, Thạc sĩ sư phạm vật lí	Sư phạm vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/6/2024	Đạt	
74	2	Ngô Thị Thu Đình		17/5/1986	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2011	15.113	Đại học Sư phạm Vật Lí, Thạc sĩ Vật lí lí thuyết và Vật lí toán	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
75	3	Vũ Thị Hoa		09/8/1981	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	29/8/2003	15.113	Đại học sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2024	Đạt	
76	4	Nguyễn Thị Cúc		23/01/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2011	15.113	Cử nhân SP Sinh học - Chất lượng cao; Thạc sỹ Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2023	Đạt	
77	5	Nguyễn Thị Hương		08/8/1981	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	29/8/2003	15.113	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sĩ Ngữ Văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2023	Đạt	
78	6	Đinh Thị Xoan		15/3/1986	Tổ trưởng chuyên môn	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2008	15.113	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
79	7	Trần Thu Hương		18/3/1982	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9//2004	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sỹ Toán	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2023	Đạt	
80	8	Nguyễn Thị Lan Dung		08/5/1981	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	29/8/2003	15.113	Đại học sư phạm Ngữ văn, Thạc sỹ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/6/2024	Đạt	
81	9	Trương Thị Quyên		12/01/1982	Giáo viên	THPT Chuyên Biên Hòa	01/9/2004	15.113	Đại học sư phạm Lịch sử; Thạc sĩ LL và PPDH bộ môn Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
82	10	Lại Thanh Tinh		06/8/1988	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2011	15.113	Đại học - Tiếng Anh sư phạm, Thạc sỹ - Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
83	11	Nguyễn Thùy Dương		23/8/1986	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2008	15.113	Cử nhân Sư phạm Sinh học; Thạc sĩ Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
84	12	Phạm Thanh Xuân		07/11/1990	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/11/2016	V.07.05.15	Cử nhân Sư phạm Sinh học; Thạc sĩ Khoa học giáo dục	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/5/2026	Đạt	
85	13	Nguyễn Thị Thu Hoài		15/6/1994	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/11/2016	V.07.05.15	Cử nhân sư phạm Sinh học; Thạc sỹ LL và PP dạy học Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/11/2025	Đạt	
86	14	Trịnh Văn Thành	23/8/1989		Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/11/2016	V.07.05.15	Cử nhân Sư phạm Sinh học; Thạc sĩ Sư phạm Sinh học	Sư phạm Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2025	Đạt	
87	15	Vũ Quốc Anh	22/9/1995		Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/4/2020	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán Thạc sĩ Toán giải tích	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	3	3,00		01/11/2025	Đạt	
88	16	Nguyễn Quốc Hưng	23/7/1984		Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2006	15.113	Đại Học: Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ: Hóa học Hữu cơ	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
89	17	Cao Thị Thoan		09/01/1987	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/11/2016	V.07.05.15	Cử nhân Sư phạm Lịch sử; Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/5/2024	Đạt	
90	18	Hoàng Thị Thanh Thúy		28/7/1986	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/11/2016	V.07.05.15	Cử nhân tiếng Nga	Tiếng Nga	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2026	Đạt	
91	19	Phạm Thị Trang Nhung		13/7/1987	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2011	15.113	Cử nhân SP Vật Lý Chất lượng cao; Thạc sĩ khoa học giáo dục (Lý luận và phương pháp	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
92	20	Ngô Thị Hương		24/8/1984	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2006	15.113	ĐHSP Ngữ Văn; Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
93	21	Phạm Thị Nguyệt Thu		04/10/1978	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2001	15.113	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/6/2026	Đạt	
94	22	Dương Thị Lan		11/4/1982	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2004	15.113	Đại học sư phạm Địa lí; Thạc sĩ LL và PPDH bộ môn Địa lí	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
95	23	Nguyễn Thị Hóa		9/8/1985	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/11/2016	V.07.05.15	Thạc sĩ tiếng Nga, cử nhân sư phạm tiếng Nga	Tiếng Nga		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/5/2024	Đạt	
96	24	Hoàng Xuân Bính	26/10/1986		Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2008	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sỹ Toán học	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
97	25	Đoàn Hồng Anh		01/8/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2006	15.113	ĐHSP Tiếng Anh, Thạc sĩ Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
98	26	Nguyễn Thị Hà		18/4/1987	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	20/8/2010	15.113	Đại học: Cử nhân Sư phạm Địa lí, Thạc sĩ Địa lí	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
99	27	Trần Trung Hiếu	09/5/1990		Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/11/2016	V.07.05.15	Cử nhân Sư phạm Vật lí; Thạc sĩ Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/5/2024	Đạt	
100	28	Nguyễn Thị Thanh Nhân		26/02/1984	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2006	15.113	ĐHSP Ngữ Văn - Thạc sỹ lý luận văn học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
101	29	Nguyễn Thị Hồng Nhớ		07/11/1989	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	31/8/2011	15.113	ĐHSP Tin học - Thạc sỹ Khoa học máy tính	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
102	30	Lã Thị Thu		01/12/1988	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2011	15.113	Cử nhân Sư phạm Hóa học CLC; thạc sĩ Hóa lý thuyết và hóa lý	SP Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
103	31	Trương Thị Phương Thanh		02/3/1984	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2006	15.113	Cử nhân Tiếng Anh sư phạm; Thạc sỹ Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
104	32	Nguyễn Thị Hiền		27/12/1985	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2008	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
105	33	Nguyễn Khắc Kiều	18/02/1990		Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	01/11/2016	V.07.05.15	Đại học: Sư phạm Vật Lí. Thạc sĩ: Vật lí phương pháp dạy học Vật lí	Sư phạm Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/5/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
106	34	Trần Thị Phương Lan		10/10/1991	Giáo viên	THPT chuyên Biên Hòa	14/01/2020	V.07.05.15	Cử nhân Sư phạm Lịch sử; Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2026	Đạt	
107	35	Trương Thị Thúy Lan		07/09/1986		THPT chuyên Biên Hòa	01/9/2008	15.113	ĐHSP Tin học - Thạc sỹ Khoa học mấy tính	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01//03/2026	Đạt	
		4. THPT A Trần Hưng Đạo																		
108	1	Trần Thị Bích Hoa		17/5/1984	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2007	15.113	ĐHNgoại Ngữ- ĐHQGHN- Khoa SPTA	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
109	2	Trịnh Minh Nghĩa	31/10/1974		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/1996	15.113	ĐHSP	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/9/2025	Đạt	
110	3	Phan Viết Hiên	06/3/1977		Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/1999	15.113	ĐHSP	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/6/2026	Đạt	
111	4	Đào Thị Ngọc Phương		28/10/1987	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2009	15.113	ĐHSP HN; Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn; KHGD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2024	Đạt	
112	5	Phạm Thanh Xuân Mừng		09/01/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2005	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2025	Đạt	
113	6	Vũ Thị Thu		19/10/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2009	15.113	ĐHSP HN; Thạc sỹ	Sư phạm Địa lý; Địa lý tự nhiên		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2024	Đạt	
114	7	Lê Thị Minh Tiến		15/6/1976	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	20/12/1998	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/3/2026	Đạt	
115	8	Lê Huy Thường	25/8/1983		Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2008	15.113	Cử nhân sư phạm; Thạc sỹ	SPKT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
116	9	Đỗ Duy Hải	14/6/1984		Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2010	15.113	ĐHSP Thạc sỹ	Sư phạm Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
117	10	Lê Thị Mừng		01/12/1980	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	
118	11	Phạm Thị Khánh		05/8/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Trần Hưng Đạo	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
119	12	Trần Gia Khánh	02/01/1982		Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
120	13	Nguyễn Hồng Hà	27/3/1985		Tổ phó chuyên môn	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2010	15.113	Cử nhân Sư phạm thể dục thể thao	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
121	14	Phạm Phương Anh		30/5/1976	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/1999	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/6/2026	Đạt	
122	15	Nguyễn Thị Hà		14/01/1972	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/1994	15.113	Đại Học Sư Phạm	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/3/2026	Đạt	
123	16	Vũ Thị Thuý		23/6/1976	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/1999	15.113	ĐHSP	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
124	17	Nguyễn Thu Hiền		19/12/1983	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2005	15.113	Đại học sư phạm Sinh học, Thạc sỹ Sư phạm Sinh học	Sư phạm Sinh học; Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
125	18	Bùi Vũ Ngọc Nương		11/8/1986	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2008	15.113	ĐH SP - Thạc sỹ	ĐH SP Toán - Thạc sỹ Toán- Chuyên ngành Toán giải tích		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
126	19	Mai Thị Lý		16/9/1982	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
127	20	Đỗ Thị Thủy		27/10/1983	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2006	15.113	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
128	21	Nguyễn Thị Tâm		05/6/1978	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/10/2002	15.113	ĐH Sư phạm	Sư Phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	
129	22	Bùi Hương Giang		02/01/1979	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/10/2002	15.113	ĐHNN	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
130	23	Đặng Thị Hồng Quyên		18/3/1978	Tổ phó chuyên môn	THPT A Trần Hưng Đạo	01/11/2000	15.113	ĐHSP Hà Nội 1	SPKT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/5/2024	Đạt	
131	24	Đào Thị Kim Dung		06/5/1978	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/11/2000	15.113	ĐHSP	GD chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
132	25	Tổng Thị Phương Loan		27/5/1976	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/1999	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/3/2024	Đạt	
133	26	Nguyễn Thị Phương Mai		07/01/1981	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/10/2003	15.113	Đại học ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội	Cử nhân Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
134	27	Dương Mai Hương		22/12/1983	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2005	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học; Lí luận và phương pháp dạy học bộ		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2023	Đạt	
135	28	Nguyễn Thị Hà		18/4/1985	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2008	15.113	Đại học sư phạm Vật lý	Sư phạm Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
136	29	Phan Thị Tin		18/8/1992	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/10/2014	15.113	ĐH Sư phạm	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2024	Đạt	
137	30	Mai Thị Liễu		09/01/1979	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/11/2000	15.113	ĐHSP Hà Nội 1	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
138	31	Vũ Thị Hương Giang		23/3/1977	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/11/2000	15.113	ĐHSP Hà Nội 2	Sư phạm Sinh học-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2023	Đạt	
139	32	Trần Thị Tươi		15/05/1984	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/9/2010	15.113	ĐH: KHTN. Thạc sỹ: Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
140	33	Ngô Thị Ngọc Hà		04/3/1979	Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	25/9/2001	15.113	ĐHSP TSNV	Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
141	34	Lê Việt Phương	23/8/1982		Giáo viên	THPT A Trần Hưng Đạo	01/10/2004	15.113	ĐH Toán - Tin; Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
		5. THPT B Nguyễn Khuyến																		
142	1	Trần Thị Thúy		15/05/1980	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/08/2002	15.113	- Đại học ngành Tin học - Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học máy tính	- Tin học - Khoa học máy tính	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/11/2023	Đạt	
143	2	Phạm Thị Dung		24/10/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Nguyễn Khuyến	13/10/2005	15.113	ĐHSPHN	Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2024	Đạt	
144	3	Cáp Thị Yến		10/4/1983	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/01/2006	15.113	ĐH NN-ĐHQG HN	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2024	Đạt	
145	4	Nguyễn Thị Mai Nhiên		25/07/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Nguyễn Khuyến	01/9/2008	15.113	Đại học, thạc sĩ	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
146	5	Nguyễn Tài Tuệ	22/9/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT B Nguyễn Khuyến	01/9/2007	15.113	Đại học Sư phạm, thạc sĩ	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
147	6	Lục Trường Giang	08/7/1977		Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/11/2000	15.113	Đại học SP Toán; Thạc sỹ: PP Toán sơ cấp	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/5/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính đề xét nâng bậc lương lần sau		
148	7	Phạm Ánh Dương	08/08/1980		Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/10/2003	15.113	ĐH TDTT	SP GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2024	Đạt	
149	8	Trần Thị Quỳnh		23/01/1993	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	06/10/2015	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/4/2025	Đạt	
150	9	Trần Thị Ngoan		13/03/1985	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
151	10	Nguyễn Thị Hoài		28/10/1985	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/9/2007	15.113	Đại học Sư Phạm Hà Nội	Sinh - KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
152	11	Đình Thanh Yên	28/10/1980		Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/10/2004	15.113	ĐH TDTT	SP GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/7/2025	Đạt	
153	12	Trần Thị Minh Hạnh		10/01/1979	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	15/9/2001	15.113	Đại học Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/7/2025	Đạt	
154	13	Nguyễn Thị Hồng Diễm		19/03/1990	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	10/9/2015	V.07.05.15	Đại học Công nghệ thông tin	CNTT	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/09/2024	Đạt	
155	14	Đỗ Thị Hồng Tươi		28/02/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Nguyễn Khuyến	01/10/2003	15.113	Đại học Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2024	Đạt	
156	15	Hoàng Thị Phương		05/10/1978	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/11/2000	15.113	Đại học Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/5/2024	Đạt	
157	16	Vũ Thị Hương		17/04/1976	Tổ phó chuyên môn	THPT B Nguyễn Khuyến	20/12/1998	15.113	Đại học Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/6/2026	Đạt	
158	17	Trần Mai Nga		26/3/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Nguyễn Khuyến	01/10/2004	15.113	ĐH NN-ĐHQG HN	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
159	18	Trần Minh Kiến	12/10/1975		Tổ phó chuyên môn	THPT B Nguyễn Khuyến	20/12/1998	15.113	Đại học TDDT	Chuyên ngành TDDT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/3/2026	Đạt	
160	19	Trần Thị Anh		22/12/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Nguyễn Khuyến	01/10/2004	15.113	Đại học Sư Phạm Hà Nội	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
161	20	Phạm Văn Nghiêm	06/4/1983		Giáo viên	THPT Nguyễn Khuyến	01/9/2006	15.113	ĐHTDTTI	SP GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
162	21	Tạ Thị Thu Huyền		07/04/1977	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	03/9/1999	15.113	Đại học TDDT	Chuyên ngành TDDT	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
163	22	Vũ Thị Nga		02/01/1979	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/10/2003	15.113	ĐHSPhN	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
164	23	Dương Thị Yên		18/7/1984	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/9/2007	15.113	ĐHNN-ĐHGHN	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
165	24	Nguyễn Thị Thu Hiền		22/02/1977	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	03/9/1999	15.113	Đại học, thạc sỹ	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
166	25	Đinh Thị Mai Hương		08/10/1977	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/11/2000	15.113	ĐHNN-ĐHQGHN	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/5/2024	Đạt	
167	26	Đỗ Thị Ngọc Cúc		26/10/1974	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Nguyễn Khuyến	01/9/1997	15.113	Đại học Sư Phạm Hà Nội	Sinh - KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
168	27	Bùi Thị Thu Hằng		03/10/1977	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	03/9/1999	15.113	ĐHSP	Hoá		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
169	28	Trần Sỹ Minh	14/7/1980		Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/10/2004	15.113	Cử nhân Sư phạm	Vật lý - Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
170	29	Cao Thanh Hùng	16/12/1977		Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/11/2000	15.113	Đại học Vật lý	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/5/2024	Đạt	
171	30	Phạm Thị Minh Chiến		22/06/1977	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
172	31	Phạm Thị Ngà		12/08/1982	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/10/2004	15.113	Đại học Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
173	32	Vũ Thị Hải Châu		18/02/1977	Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/03/2000	15.113	Đại học sư phạm Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2024	Đạt	
174	33	Lê Mạnh Hùng	14/11/1982		Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	01/09/2005	15.113	Đại học Sư phạm	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2023	Đạt	
175	34	Nguyễn Thọng Phú	03/02/1984		Giáo viên	THPT B Nguyễn Khuyến	05/9/2007	15.113	ĐH CNTT	Công nghệ thông tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
		6. THPT Ngô Quyền																		
176	1	Đoàn Thị Hòa		19/10/1981	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/7/2024	Đạt	
177	2	Vũ Thị Tình		01/5/1979	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/10/2002	15.113	ĐHNN	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2024	Đạt	
178	3	Phạm Thị Thanh Phương		03/12/1989	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II			6	3,99		01/6/2026	Đạt	
179	4	Vũ Duy Luân	07/12/1979		Giáo viên	THPT Ngô Quyền	24/10/2003	15.113	ĐHSP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II			8	4,65		01/07/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
180	5	Trịnh Minh Phượng		06/11/1985	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/9/2007	15.113	Đại học	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
181	6	Nguyễn Thị Thúy		02/10/1980	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/10/2002	15.113	Đại học TDTT	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/7/2025	Đạt	
182	7	Vũ Thị Như Hằng		23/10/1976	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	20/12/1998	15.113	Đại học TDTT	Chuyên ngành TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/06/2026	Đạt	
183	8	Phạm Hùng Mạnh	13/01/1979		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Ngô Quyền	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
184	9	Phạm Thị Hằng		07/07/1985	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/10/2009	15.113	ĐHSP	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2025	Đạt	
185	10	Phạm Ngọc Cường	16/06/1977		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Ngô Quyền	25/9/2001	15.113	Đại học sư phạm; Thạc sĩ QLGD	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2025	Đạt	
186	11	Nguyễn Thị Thúy		03/03/1981	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/10/2003	15.113	ĐHSP Sinh - KTNN	Sư phạm Sinh - KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
187	12	Vũ Thị Thanh Tân		02/12/1976	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Ngô Quyền	20/12/1998	15.113	ĐHNN-ĐHQG	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/12/2025	Đạt	
188	13	Vũ Đình Bài	15/6/1974		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Ngô Quyền	15/9/1996	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/9/2025	Đạt	
189	14	Nguyễn Văn Bình	18/6/1979		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Ngô Quyền	25/9/2001	15.113	ĐHSP1 HÀ NỘI	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
190	15	Đoàn Thị Phương Thanh		04/5/1983	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	05/9/2005	15.113	ĐHSP	Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
191	16	Nguyễn Thị Tiến		02/5/1983	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/9/2005	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
192	17	Nguyễn Thị Ngoan		10/8/1983	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/9/2007	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
193	18	Vũ Thị Phương		05/10/1987	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/9/2009	15.113	ĐHSP	GDCD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
194	19	Cao Thị Minh Đào		12/01/1980	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	24/10/2003	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
195	20	Trần Ngọc Tú	30/8/1982		Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/9/2005	15.113	Đại học TĐTT I	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2026	Đạt	
196	21	Vũ Thị Hương Sen		16/12/1980	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/10/2002	15.113	Đại học sư phạm	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2024	Đạt	
197	22	Nguyễn Thị Thúy		10/6/1984	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	11/9/2012	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/7/2025	Đạt	
198	23	Trần Thị Lệ Vân		31/5/1988	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/9/2010	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
199	24	Trần Thị Duyên		05/5/1985	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/9/2008	15.113	ĐHSP	GDCD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
200	25	Bùi Thị Thủy		25/7/1974	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/9/1997	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/9/2025	Đạt	
201	26	Trần Thị Lan Phương		02/11/1983	Giáo viên	THPT Ngô Quyền	01/9/2005	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
		7. THPT B Nguyễn Huệ																		
202	1	Phạm Văn Đình	20/04/1986		Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Nguyễn Huệ	01/09/2009	15.113	ĐH Vật lý; Thạc sĩ LL&PPDH Vật lý	Vật lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
203	2	Cao Thị Thu		25/04/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Nguyễn Huệ	15/09/2001	15.113	ĐHSP Ngữ văn	Cử nhân SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2025	Đạt	
204	3	Lưu Minh Tuấn	02/12/1984		Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/09/2008	15.113	ĐHSP GDTC ĐHSP GDQPAN	GDTC GDQP-AN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
205	4	Đoàn Mạnh Toàn	13/09/1989		Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/10/2014	15.113	ĐHSP	GDTC; GDQPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2024	Đạt	
206	5	Lê Thanh Bình	30/07/1981		Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	10/10/2003	15.113	ĐHSP Toán Tin Thạc sĩ ngành Giải tích	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
207	6	Trần Thị Minh Phương		23/06/1976	Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/03/2026	Đạt	
208	7	Trần Thị Thanh Thủy		05/06/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Nguyễn Huệ	15/9/2001	15.113	ĐHNN-ĐHQGHN	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2024	Đạt	
209	8	Lý Hải Nhân		14/07/1987	Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
210	9	Trần Thị Hồng Ngân		14/05/1987	Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/09/2009	15.113	ĐHSP - GDTC	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
211	10	Trần Thị Kim Oanh		08/5/1972	Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	05/10/1993	15.113	ĐHSP Ngữ văn	Cử nhân sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/4/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
212	11	Trần Thị Ngọc Vân		18/10/1975	Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/01/2003	15.113	ĐHNN - ĐHQGHN	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/04/2026	Đạt	
213	12	Phùng Thị Hà		23/05/1983	Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
214	13	Vũ Thị Thu		05/01/1984	Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/09/2009	15.113	ĐH Nha Trang	Công nghệ thông tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
215	14	Trần Xuân Thủy	02/8/1980		Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
216	15	Trần Hữu Trường	25/09/1985		Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/09/2009	15.113	ĐHSP - GDTC	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
217	16	Đoàn Văn Dân	10/10/1982		Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/09/2009	15.113	ĐHSP Lịch sử	Cử nhân SP lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
218	17	Phạm Thị Thủy Hằng		02/01/1981	Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
219	18	Nguyễn Đức Đắc		11/01/1984	Giáo viên	THPT B Nguyễn Huệ	1/9/2007	15.113	ĐHSP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
		8. THPT Mỹ Lộc																		
220	1	Nguyễn Bội Hoàn		16/3/1981	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/10/2003	15.113	Đại học	Cử nhân Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2024	Đạt	
221	2	Đặng Văn Hải	02/04/1985		Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/9/2007	15.113	ĐH SP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32	0%	01/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
222	3	Nguyễn Thị Hằng		01/5/1975	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Mỹ Lộc	15/9/2001	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2025	Đạt	
223	4	Lê Thị Thu		21/9/1991	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Giáo dục Thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/01/2024	Đạt	
224	5	Nguyễn Đình Thuận	10/11/1977		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Mỹ Lộc	01/9/2000	15.113	Cử nhân ĐH, Thạc Sĩ	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	0%	01/6/2024	Đạt	
225	6	Lê Thị Thương		07/11/1988	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2023	Đạt	
226	7	Phạm Thị Thu Quê		05/7/1979	Tổ phó chuyên môn	THPT Mỹ Lộc	15/9/2001	15.113	ĐHSPHN	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2025	Đạt	
227	8	Trần Thị Hương		12/11/1985	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/9/2008	15.113	ĐH Hóa học, Thạc sĩ Hóa học	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2026	Đạt	
228	9	Phạm Thị Sáng		23/9/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Mỹ Lộc	01/9/1999	15.113	Cử nhân ĐH	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/3/2026	Đạt	
229	10	Lê Thị Thanh Hương		04/5/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Mỹ Lộc	01/10/2003	15.113	Cử nhân ĐH	Sinh - KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65	0%	01/10/2024	Đạt	
230	11	Nguyễn Thị Thanh Huyền		08/3/1987	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/9/2009	15.113	Thạc sỹ Vật lý Cử nhân Vật lý	Sư phạm Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
231	12	Tạ Thị Hằng		04/8/1986	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/9/2008	15.113	Cử nhân	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
232	13	Lâm Thị Ngân		17/7/1977	Tổ phó chuyên môn	THPT Mỹ Lộc	01/10/2002	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
233	14	Ngô Thị Thu Nhân		09/8/1978	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/10/2002	15.113	Đại học	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	0%	01/01/2026	Đạt	
234	15	Đặng Hữu Tuấn	28/4/1986		Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	11/9/2008	15a.201	Đại học	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2026	Đạt	
235	16	Trần Thị Tươi		07/8/1976	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	21/9/1998	15.113	Đại học	Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/6/2025	Đạt	
236	17	Vũ Đình Giáp	22/12/1987		Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/9/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2025	Đạt	
237	18	Trần Thị Hạnh Thuý		23/2/1978	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
238	19	Vũ Thị Nga		03/6/1979	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/10/2002	15.113	ĐHSPHN2	SINH - HOÁ		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	
239	20	Lê Hồng Vân		19/10/1987	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/9/2010	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
240	21	Trần Thị Hồng Đơn		24/12/1980		THPT Mỹ Lộc	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Sinh-Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	
241	22	Trần Thị Hà		12/8/1985	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32	0%	01/3/2026	Đạt	
242	23	Trần Thị Yến		04/01/1991	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/10/2014	15.113	ĐHNN	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/4/2024	Đạt	
243	24	Bùi Thị Quỳnh Nga		15/12/1984	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32	0%	01/9/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
244	25	Trần Thị Kim Liên		15/01/1984	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32	0%	01/3/2025	Đạt	
245	26	Nguyễn Trường Giang	03/8/1985		Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/9/2007	15.113	Cử nhân	Sư Phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32	0%	01/3/2025	Đạt	
246	27	Nguyễn Cẩm Linh		18/12/1979	Giáo viên	THPT Mỹ lộc	01/10/2004	15.113	Thạc sỹ	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	0%	01/10/2025	Đạt	
247	28	Nguyễn Thị Kim Dung		04/11/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Mỹ Lộc	01/9/2005	15.113	Đại học sư phạm	Vật lý-KTCN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2026	Đạt	
248	29	Ngô Thị Kim Dung		27/10/1980	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/10/2003	15.113	Cử nhân sư phạm	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	
249	30	Vũ Thị Liễu		04/10/1980	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/10/2003	15.113	Cử nhân sư phạm	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65	0%	01/4/2025	Đạt	
250	31	Hoàng Thị Đức Hồng		23/6/1980	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
251	32	Đinh Thị Phương Lan		05/3/1982	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/10/2004	15.113	Cử nhân	Địa lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	
252	33	Nguyễn Thị Hằng		26/10/1978	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/11/2000	15.113	Đại học	Cử nhân Sư phạm Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	9	4,98		01/5/2025	Đạt	
253	34	Đỗ Thị Ngọc Anh		04/07/1985	Giáo viên	THPT Mỹ lộc	05/9/2007	15.113	Đại học sư phạm	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
254	35	Bùi Thị Ngát		08/6/1987	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
255	36	Vũ Thị Hào		26/7/1989	Giáo viên	THPT Mỹ Lộc	11/9/2012	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
9. THPT Trần Văn Lan																				
256	1	Nguyễn Ngọc Mình	09/03/1986		Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Văn Lan	01/09/2009	15.113	ĐHSP	GDTC GDQP,AN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
257	2	Trần Thị Nguyệt Nga		16/06/1988	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
258	3	Trần Thị Luyến		11/9/1985	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
259	4	Bùi Thị Quyền		27/07/1984	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/2008	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
260	5	Nguyễn Thị Vân Anh		28/05/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Văn Lan	15/09/2001	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
261	6	Nguyễn Thị Len		11/11/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Văn Lan	15/09/2001	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2025	Đạt	
262	7	Vũ Văn Ban	03/12/1982		Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/2006	15a.201	ĐHSP; Thạc sỹ PPDH Hoá học	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2026	Đạt	
263	8	Trần Cẩm Chi		21/05/1983	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/2005	15.113	ĐH	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
264	9	Hà Thị Hằng		06/06/1992	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
265	10	Mai Thị Hường		10/01/1989	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/2013	15.113	ĐH SP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
266	11	Bùi Thị Định		27/07/1979	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
267	12	Nguyễn Văn Cử	16/01/1976		Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/1999	15.113	ĐH	Huấn luyện thể thao		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/09/2026	Đạt	
268	13	Phạm Ngọc Thao	21/08/1976		Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Văn Lan	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/09/2026	Đạt	
269	14	Hoàng Thị An		25/11/1983	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
270	15	Đỗ Thị Tám		30/09/1980	Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Văn Lan	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
271	16	Mai Thị Tuyệt Nhung		02/11/1992	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2023	Đạt	
272	17	Bùi Thị Thanh Huệ		11/05/1985	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/2008	15.113	ĐH	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2026	Đạt	
273	18	Nguyễn Thị Liên		04/09/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Văn Lan	01/09/2008	15.113	ĐH	Toán - Tin ứng dụng	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
274	19	Đỗ Thị Hồng		24/04/1987	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/2009	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ LL và PPDH	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
275	20	Nguyễn Thủy Hà		20/05/1983	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Vật lý - Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
276	21	Vũ Thị Thủy		18/01/1983	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
277	22	Phạm Thị Hồng Huân		20/10/1978	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	01/11/2000	15.113	ĐHSP	GDCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/05/2025	Đạt	
278	23	Trần Thị Huệ		09/02/1983	Giáo viên	THPT Trần Văn Lan	04/09/2007	15a.203	ĐH	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
279	24	Phạm Thị Huyền		14/10/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Văn Lan	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
		10. THPT Hoàng Văn Thụ																		
280	1	Ngô Mạnh Hùng	11/3/1987		Tổ phó chuyên môn	THPT Hoàng Văn Thụ	1/9/2009	15.113	ĐHSP	Sư phạm Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2024	Đạt	
281	2	Tổng Thị Thủy		03/7/1985	Giáo viên	THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Sư Phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
282	3	Nguyễn Tiến Lai	20/10/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT Hoàng Văn Thụ	01/09/2007	15.113	Đại Học	Công nghệ thông tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2025	Đạt	
283	4	Phạm Ngọc Hà		12/01/1989	Giáo viên	THPT Hoàng Văn Thụ	01/10/2011	15.113	ĐHSP	Sư phạm GDGD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/7/2026	Đạt	
284	5	Trần Thị Bích Ngọc		16/10/1985		THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	6	3,99		01/6/2024	Đạt	
285	6	Lê Thị Thanh Tú		05/3/1982		THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2005	15.113	ĐHSP	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
286	7	Vũ Thị Trang		22/12/1983		THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2006	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
287	8	Vũ Thị Thanh Nhân		19/4/1986		THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Sư Phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2023	Đạt	
288	9	Nguyễn Thị Khuy		17/12/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2006	15.113	Đại học sư phạm	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng II	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2024	Đạt	
289	10	Đào Thị Thuý		15/8/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2006	15.113	Đại học sư phạm	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V07.05.15	7	4,32		01/12/2023	Đạt	
290	11	Nguyễn Thị Thuý		08/03/1985	Giáo viên	THPT Hoàng Văn Thụ	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
291	12	Ngô Thị Linh Nhâm		04/02/1988	Tổ phó chuyên môn	THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V07.05.15	5	3,66		01/01/2024	Đạt	
292	13	Phạm Thị Hối		28/11/1976	Giáo viên	THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/1999	15.113	Đại học	Sư phạm Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V07.05.15	9	4,98	5%	01/3/2026	Đạt	
293	14	Phạm Thị Thanh Nga		23/12/1986		THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2008	15.113	Đại học	Sư Phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2026	Đạt	
294	15	Trần Thị Mai Dung		13/8/1989	Giáo viên	THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Sư phạm Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2023	Đạt	
295	16	Bùi Thị Nga		12/10/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2006	15.113	Đại học	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		1/9/2024	Đạt	
296	17	Mai Thanh Loan		11/11/1987	Giáo viên	THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2011	15.113	Đại học, Thạc sĩ	Thạc sĩ Khoa học giáo dục		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
297	18	Bùi Ngọc Cường		30/3/1985	Giáo viên	THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2009	15.113	Đại học	CNTT	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
298	19	Vũ Thị Thuý		14/11/1983		THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
299	20	Ngô Thuý Ninh		30/5/1979	Giáo viên	THPT Hoàng Văn Thụ	15/9/2001	15.113	ĐHSP	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II		V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
300	21	Nguyễn Thị Huyền		20/11/1981	Giáo viên	THPT Hoàng Văn Thụ	01/10/2004	15.113	Đại học	Cử nhân Sinh học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	
301	22	Mai Thanh Dung		15/11/1990	Giáo viên	THPT Hoàng Văn Thụ	01/9/2012	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2025	Đạt	
302	23	Lê Văn Khiêm	27/12/1979		Giáo viên	THPT Hoàng Văn Thụ	21/9/2004	15.113	ĐHSP	Sư phạm GDCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/7/2025	Đạt	
11. THPT Lương Thế Vinh																				
303	1	Ngô Thu Hằng		28/10/1985	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2008	15.113	ĐHSP	GDCD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
304	2	Phạm Thị Nhung		01/6/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2007	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam	Ngữ văn; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
305	3	Hoàng Thị Thu Hiền		25/04/1986	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2024	Đạt	
306	4	Ngô Thị Hiền		31/5/1971	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/9/1994	15.113	ĐHSP	Sư phạm Hóa Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	10%	01/04/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
307	5	Vũ Hải Triều	15/07/1985		Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
308	6	Khương Thị Tám		09/12/1974	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lương Thế Vinh	01/9/1995	15.113	ĐHSP	Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/03/2026	Đạt	
309	7	Trần Văn Chường	28/08/1992		Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/4/2024	Đạt	
310	8	Nguyễn Thị Lưu		12/8/1984	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
311	9	Trần Thị Thảo		07/02/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lương Thế Vinh	01/10/2002	15.113	ĐH	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/7/2025	Đạt	
312	10	Trần Thị Hồng Vân		26/03/1979	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	15/09/2001	15.113	ĐH Toán- Tin ứng dụng	Toán-Tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2025	Đạt	
313	11	Tạ Thị Phương		21/12/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lương Thế Vinh	15/9/2001	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2025	Đạt	
314	12	Nguyễn Thị Phương		17/12/1982	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	
315	13	Vũ Thị Ngân		06/7/1991	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2013	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2025	Đạt	
316	14	Nguyễn Thị Hà		05/06/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2005	15.113	ĐHSP	Sinh- KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
317	15	Bùi Thị Lan Hương		26/10/1984	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2007	15.113	Đại học	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
318	16	Vũ Thị Mai Quyên		25/06/1984	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Vật lý- tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
319	17	Trần Thị Hồng Lan		20/11/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Lương Thế Vinh	03/9/2008	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
320	18	Dương Thị Nhiên		12/11/1984	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
321	19	Phạm Thị Len		01/01/1971	Tổ phó chuyên môn	THPT Lương Thế Vinh	01/9/1995	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/3/2026	Đạt	
322	20	Nguyễn Thị Nhưng		20/04/1987	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/09/2009	15.113	Đại học Sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
323	21	Phạm Thị Phượng		13/6/1986	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2008	15.113	ĐHSP	SP TĐTT - GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2023	Đạt	
324	22	Trần Thị Bích Lê		11/10/1980	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/10/2002	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ, văn học và văn hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
325	23	Bùi Thị Nguyệt		01/3/1976	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	20/12/1998	15.113	ĐHSP	Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/12/2025	Đạt	
326	24	Vũ Xuân Nam	09/08/1978		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lương Thế Vinh	15/09/2001	15.113	ĐH Toán , Ths LL và PPDH bộ môn Toán học.	Toán	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2025	Đạt	
327	25	Phạm Xuân Phú	19/05/1986		Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Sư phạm Thể dục Thể thao Cử nhân GDQPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
328	26	Nguyễn Thị Loan		03/3/1989	Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/9/2011	15.113	ĐH SP Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
329	27	Trần Ngọc Khánh	10/09/1981		Giáo viên	THPT Lương Thế Vinh	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
		12. THPT Nguyễn Bỉnh																		
330	1	Trương Nhã Quyên		04/08/1981	Giáo viên	THPT Nguyễn Bỉnh	15/08/2005	15.113	Đại học; Thạc sỹ	Cử nhân SPGD chính trị; Thạc sỹ Lịch sử Đảng		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
331	2	Nguyễn Thị Hạnh		12/09/1978	Giáo viên	THPT Nguyễn Bỉnh	01/10/2002	15.113	Đại học	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
332	3	Phạm Thị Nguyễn		19/03/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Bỉnh	01/09/2005	15.113	Đại học	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
333	4	Triệu Thị Minh Nhâm		28/05/1982	Giáo viên	THPT Nguyễn Bỉnh	05/09/2005	15.113	Đại học	Sư phạm Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
334	5	Vũ Thị Anh Đào		12/02/1982	Giáo viên	THPT Nguyễn Bỉnh	01/10/2004	15.113	Đại học	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		11/9/2025	Đạt	
335	6	Phạm Ngọc Hoàng	01/03/1977		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Bỉnh	15/9/2002	15.113	Đại học	GDTC	Giấy chứng nhận NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2025	Đạt	
336	7	Nguyễn Đức Tuyền	01/10/1985		Giáo viên	THPT Nguyễn Bỉnh	03/09/2008	15.113	Đại Học	Sư phạm Toán	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
337	8	Đặng Nguyễn Hiền Lương		26/05/1992	Giáo viên	THPT Nguyễn Bỉnh	01/10/2014	15.113	Đại học	Sư phạm Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2024	Đạt	
338	9	Nguyễn Thị Cúc		16/02/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Bỉnh	11/09/2012	15.113	Đại học SP, thạc sĩ	Sư phạm ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		11/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
339	10	Nguyễn Thị Hương Quế		08/11/1976	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Bính	01/03/2000	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Nga , Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
340	11	Nguyễn Thị Thắm		27/01/1985	Giáo viên	THPT Nguyễn Bính	01/09/2008	15.113	Đại học	Cử nhân Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
341	12	Nguyễn Thị Thào		04/04/1987	Giáo viên	THPT Nguyễn Bính	01/10/2014	15.113	Đại học, Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn/ Văn học nước ngoài		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II		V.07.05.15	5	3,66		01/04/2025	Đạt	
342	13	Đỗ Thị Yến		13/04/1984	Giáo viên	THPT Nguyễn Bính	01/12/2007	15.113	Đại học, Thạc sỹ	Sư phạm Hoá học, Thạc sỹ ngành Hoá phân tích		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2023	Đạt	
343	14	Trần Chính Hữu	20/08/1985		Giáo viên	THPT Nguyễn Bính	01/09/2008	15.113	Đại học	Sư phạm Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
344	15	Bùi Hoàng Cường	17/10/1987			THPT Nguyễn Bính	01/09/2010	15.113	Đại học	Cử nhân Toán	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
345	16	Phạm Thị Phương Thảo		29/6/1983	Giáo viên	THPT Nguyễn Bính	01/10/2006	15.113	Đại học	Sư phạm Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II		V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
346	17	Bùi Thị Hải Anh		18/04/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Bính	01/10/2003	15.113	Đại học Sư phạm	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
347	18	Trần Thị Ngọc Lan		07/06/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Bính	01/09/2008	15.113	Đại học	Sư phạm Sinh -KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
348	19	Trần Văn Nam	27/05/1990		Giáo viên	THPT Nguyễn Bính	11/09/2012	15.113	Đại học	Sư phạm GDTC- GDQPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/09/2025	Đạt	
349	20	Triệu Thị Phương Thủy		01/09/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Bính	01/09/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II		V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
350	21	Phạm Thị Lan Hương		05/01/1987	Giáo viên	THPT Nguyễn Bính	01/09/2009	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
351	22	Trần Thị Dương		27/11/1987	Giáo viên	THPT Nguyễn Bính	01/09/2009	15.113	Đại học	Sư phạm ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
		13. THPT Nguyễn Đức Thuận																		
352	1	Vũ Đình Lý	16/08/1985			THPT Nguyễn Đức Thuận	01/9/2008	15.113	ĐH SP Vật lí	Cử nhân SP Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
353	2	Phạm Văn Sáng	24/06/1966		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/1987	15.113	ĐHSP	TDTT		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	15%	01/4/2026	Đạt	
354	3	Phùng Thị Mơ		28/11/1990	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/2014	15.113	- Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh - Thạc sĩ; ĐHNH ĐHQGHN	Lí luận và phương pháp giảng dạy môn Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/7/2026	Đạt	
355	4	Nguyễn Thị Hiền		16/4/1991	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/2014	15.113	Thạc sĩ; ĐHSP	Ngữ văn; Lý luận và PPDH bộ môn Văn và tiếng Việt		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2024	Đạt	
356	5	Vũ Ngọc Quyết	21/12/1987		Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/2015	15.113	ĐHSP Vật lí; Thạc sĩ LLPPDH Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT Hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/7/2024	Đạt	
357	6	Vũ Thị Thanh Thủy		28/5/1980	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/2002	15.113	ĐHSP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2026	Đạt	
358	7	Phạm Văn Trường	15/3/1987		Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/9/2010	15.113	ĐHSP	Thể dục thể thao		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2025	Đạt	
359	8	Trần Thu Thủy		10/6/1992	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Sư phạm Thể dục thể thao		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/7/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
360	9	Phạm Thị Hồng Thơ		29/8/1981	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/7/2026	Đạt	
361	10	Nguyễn Thị Huế		30/7/1988	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	03/01/2011	15.111	Thạc sỹ, Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/4/2026	Đạt	
362	11	Vũ Thị Kim Lan		25/5/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/2003	15.113	Cử nhân SP Lịch sử ; thạc sỹ sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II		V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
363	12	Phạm Thị Chuyên		11/9/1990	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	11/9/2012	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/3/2025	Đạt	
364	13	Trần Thị Thu Hiển		17/10/1980	Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/9/2006	15.113	ĐHSP HN ĐHBK HN	SPKT CNTT		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
365	14	Lê Thị Thanh Huyền		20/12/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/2003	15.113	ĐHSP	GDCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	
366	15	Phùng Thị Thanh Mai		24/8/1978	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/2002	15.113	ĐHSP Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
367	16	Trần Thị Trang		10/4/1987	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Sư Phạm Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
368	17	Lưu Thị Tư		05/04/1987	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/9/2009	15.113	ĐHSP	TĐTT-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
369	18	Lã Thị Thu Hường		18/5/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/9/2009	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
370	19	Trần Thị Dung		01/12/1992	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/2014	15.113	ĐHNN- ĐHQHVN	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/4/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
371	20	Trình Thị Quyên		08/5/1990	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	06/10/2015	15.113	Thạc sỹ, ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		06/01/2026	Đạt	
372	21	Vũ Thị Thu Huyền		21/11/1991	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/9/2013	15.113		ĐHSP Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2025	Đạt	
373	22	Vũ Thị Như Quỳnh		09/5/1988	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/9/2010	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
374	23	Phạm Thị Bích Thủy		21/12/1978	Giáo viên	THPT Nguyễn Đức Thuận	01/10/2002	15.113	Đại học KHXH và NV- ĐHQG Hà Nội	Văn học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	
		14. THPT Tổng Văn Trăn																		
375	1	Nguyễn Quốc Việt	10/03/1982		Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	01/9/2006	15.113	ĐH TĐTT	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
376	2	Nguyễn Chi Hiển	15/09/1983		Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	01/9/2014	15.113	Đại học	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2025	Đạt	
377	3	Trương Thị Liên		25/05/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Tổng Văn Trăn	01/9/2006	15.113	Đại học Sư phạm Sinh học Thạc sỹ Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
378	4	Nguyễn Thị Lan		06/10/1981	Tổ phó chuyên môn	THPT Tổng Văn Trăn	1/10/2004	15.113	Đại học sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2025	Đạt	
379	5	Bùi Thị Hương		16/3/1985	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	01/9/2007	15.113	Đại học SP Lịch sử Thạc sĩ SP Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
380	6	Đoàn Thị Vân		25/08/1990	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	11/9/2012	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
381	7	Nguyễn Thị Hiền		05/11/1989	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	01/09/2011	15.113	Đại học Sư phạm Sinh học Thạc sỹ Sư phạm Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2026	Đạt	
382	8	Nguyễn Viế t Tấn	06/01/1985		Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	03/09/2008	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
383	9	Trương Thị Thoa		03/12/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Tổng Văn Trăn	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
384	10	Nguyễn Thị Hân		15/03/1987	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
385	11	Nguyễn Thị Lương		22/12/1990	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	11/9/2012	15.113	Thạc sỹ LL&PPDH Tin học	LL&PPDH Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2024	Đạt	
386	12	Nguyễn Mai Hiếu		09/01/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tổng Văn Trăn	01/09/1997	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
387	13	Vũ Đình Chuyên	24/09/1987		Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	01/10/2010	15.113	ĐHSP	Hoá học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2026	Đạt	
388	14	Nguyễn Văn Phan	03/10/1990		Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	11/9/2012	15.113	ĐHSP	Toán học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/6/2024	Đạt	
389	15	Bùi Thị Hương		20/12/1977	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	01/9/1998	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Bằng TN Cao đẳng sư phạm	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/06/2025	Đạt	
390	16	Ngô Thị Loan		02/11/1987	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	01/9/2011	15.113		Cử Nhân Sư Phạm Thể Dục Thể Thao, Cử nhân GD QPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
391	17	Trần Công Toàn	18/05/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT Tổng Văn Trăn	01/09/2007	15.113		Cử Nhân Sư Phạm Thể Dục Thể Thao		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT HẠNG III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
392	18	Trần Tuấn Dũng	02/4/1986		Giáo viên	THPT TÔNG VĂN TRẦN	01/9/2009	15.115		Cử nhân sư phạm Thể dục thể thao - Giáo dục quốc phòng, an ninh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
393	19	Ngô Tiến Biên	14/04/1986		Giáo viên	THPT Tổng Văn Trần	01/09/2008	15.113	ĐHSP	SPToán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	THPT hạng III	V07.05.15	7	4,32		01/6/2026	Đạt	
394	20	Phạm Thị Bình Phương		19/01/1980	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trần	01/10/2002	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
395	21	Phạm Thị Thuý		28/01/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Tổng Văn Trần	01/09/2005	15.113	Đại học Tiếng Anh	Cử nhân Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/0302026	Đạt	
396	22	Tăng Thị Lý		21/04/1979	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trần	1/10/2003	15.113	Đại học sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
397	23	Nguyễn Thị Hương Giang		16/9/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tổng Văn Trần	1/10/2003	15.113	Đại học	Sư phạm Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2024	Đạt	
398	24	Hà Thị Thương Mến		05/07/1984	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trần	1/9/2006	15.113	Đại học	Sư phạm Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
399	25	Bùi Thị Hằng		16/03/1978	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trần	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Hoá Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	9	4,98		01/05/2025	Đạt	
400	26	Vũ Thị Ngân		02/02/1981	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trần	1/10/2003	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	8	4,65		1/04/2025	Đạt	
401	27	Nguyễn Thị Thảo		12/04/1986	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trần	01/09/2009	15.113	Đại học	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
402	28	Phạm Thị Diệp Quyên		29/09/1988	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trần	01/9/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
403	29	Nguyễn Hồng Hải		22/6/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tổng Văn Trăn	1/11/2000	15.113	Đại Học	Sư phạm Toán- Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
404	30	Phạm Thị Hạnh		05/09/1986	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	01/09/2008	15.113	Đại học	Sư phạm Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
405	31	Vũ Thị Hiền		25/09/1981	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	1/4/2004	15.113	ĐHSP	Sư phạm Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
406	32	Lê Thị Hà		04/05/1985	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	11/9/2012	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		11/06/2025	Đạt	
407	33	Đinh Thị Nhuận		29/5/1980	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	1/10/2002	15.113	Đại học	Sinh Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	III	V.07.05.15	8	4,65		1/10/2024	Đạt	
408	34	Nguyễn Thị Lan		14/06/1987	Giáo viên	THPT Tổng Văn Trăn	01/9/2010	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
		15. THPT Mỹ Tho																		
409	1	Hồ Tuấn Kiêm	14/02/1977		Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/11/2000	15.113	Đại học	Sư phạm Vật lý - Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/08/2024	Đạt	
410	2	Đỗ Thị Thuý		28/05/1980	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/10/2003	15.113	Đại học	Sư phạm Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2026	Đạt	
411	3	Vũ Xuân Hiếu	05/08/1985		Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2009	15.113	- ĐH. chuyên ngành : GDTC - ĐH. chuyên ngành GD QP-AN	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
412	4	Hoàng Hữu Đạt	22/10/1980		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Mỹ Tho	01/09/2005	15.113	Đại học	Sư phạm Toán -Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
413	5	Bùi Thị Thanh Thủy		14/09/1980	Tổ phó chuyên môn	THPT Mỹ Tho	01/10/2002	15.113	Đại học Sư phạm chuyên ngành Sinh- Hoá	Sư phạm Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
414	6	Nguyễn Thị Nhưng		08/10/1979	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	15/09/2001	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2025	Đạt	
415	7	Nguyễn Thị Hiền		09/01/1987	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2009	15.113	Đại học	Sư phạm Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
416	8	Nguyễn Xuân Chung	26/12/1991		Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/10/2014	15.113	Đại học	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2024	Đạt	
417	9	Phạm Thanh Luu		15/01/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Mỹ Tho	29/08/2003	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
418	10	Nguyễn Thị Hồng Nga		18/02/1985	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2008	15.113	Đại học	Địa lí kinh tế và phát triển vùng	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
419	11	Hoàng Thị Thủy		03/08/1983	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2006	15.113	Đại học	Cử nhân Vật Lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
420	12	Bùi Thị Tú Anh		01/07/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT Mỹ Tho	01/09/2009	15.113	Đại học	Địa lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
421	13	Ngô Thị Thủy Linh		17/09/1987	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2009	15.113	Đại học	Sư phạm Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
422	14	Nguyễn Thị Lê		09/01/1986	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2008	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
423	15	Ngô Viết Văn	05/06/1981		Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2006	15.113	Đại học	Cử nhân Toán - Tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
424	16	Nguyễn Thị Khánh Ly		18/07/1984	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2007	15.113	Đại học	Sư phạm Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
425	17	Vũ Thị Hải Vân		19/11/1989	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2024	Đạt	
426	18	Phan Viết Quyền	19/08/1987		Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2009	15.113	Đại học, chuyên ngành sư phạm vật lí	Sư phạm Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
427	19	Nguyễn Thị Quế		06/01/1983	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2007	15.113	Đại học	Giáo dục Công dân		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
428	20	Nguyễn Thị Bích Ngọc		11/04/1988	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
429	21	Ngô Thị Hằng		20/10/1982	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	06/09/2005	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
430	22	Đỗ Thị Đông		12/02/1978	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/11/2000	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/05/2025	Đạt	
431	23	Nguyễn Viết Sơn	21/02/1979		Tổ phó chuyên môn	THPT Mỹ Tho	20/10/2003	15.113	Đại học	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
432	24	Nguyễn Anh Thư	28/12/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT Mỹ Tho	01/09/2008	15.113	Đại học	Sư phạm Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
433	25	Lã Thị Hồng		19/02/1981	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/10/2003	15.113	Đại học	Sư phạm Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
434	26	Nguyễn Thị Yến		18/06/1987	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
435	27	Hoàng Thị Bích Quyên		06/08/1986	Giáo viên	THPT Mỹ Tho	01/09/2009	15.113	Đại học	Sư phạm Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
16. THPT Phạm Văn Nghị																				
436	1	Nguyễn Quốc Tuân	23/10/1978		Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	15/09/2001	15.113	ĐH Sư phạm	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2024	Đạt	
437	2	Đỗ Thị Thêu		04/02/1985	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Phạm Văn Nghị	05/09/2007	15.113	ĐH	Sinh học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
438	3	Nguyễn Thị Hường		25/12/1984	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2007	15.113	ĐH Sư phạm	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
439	4	Trịnh Thị Tâm		01/01/1980	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/10/2002	15.113	ĐH Sư phạm	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	
440	5	Tổng Thị Kim Tươi		02/02/1984	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2006	15.113	ĐH Sư phạm	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
441	6	Trương Quốc Quyên	29/04/1984		Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2007	15.113	ĐH	Vật lí	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
442	7	Bùi Thị Lê Hằng		21/04/1976	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Phạm Văn Nghị	01/9/1999	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/03/2026	Đạt	
443	8	Trương Thị Thu Hà		28/03/1986	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/9/2008	15.113	ĐH Sư phạm	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
444	9	Đinh Thành Trung	23/4/1973		Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/1996	15.113	Đại học ngoại ngữ Hà Nội	Tiếng Anh	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/3/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
445	10	Nguyễn Thị Chuyên		17/11/1987	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2011	15.113	ĐH Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
446	11	Nguyễn Văn Long	06/03/1980		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2005	15.113	ĐH Sư phạm	Toán-tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2023	Đạt	
447	12	Đoàn Thị Mừng		20/01/1990	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	06/11/2012	15.113	ĐH Sư phạm	Sư phạm Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/5/2025	Đạt	
448	13	Trần Thị Thanh Nga		07/03/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Phạm Văn Nghị	09/01/2007	15.113	Đại học Ngoại Ngữ	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		1/9/2025	Đạt	
449	14	Trịnh Thị Trang		08/06/1988	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/10/2014	15.113	ĐH Sư phạm	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/4/2024	Đạt	
450	15	Ngô Thị Thuý Hồng		05/04/1984	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2007	15.113	ĐH Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
451	16	Đinh Thị Đào		04/01/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2009	15.113	ĐH Sư phạm	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/7/2024	Đạt	
452	17	Ninh Thị Thắm		25/10/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Phạm Văn Nghị	01/10/2004	15.113	ĐH Sư phạm	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
453	18	Nguyễn Thị Nhật		18/04/1976	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	20/12/1998	15.113	ĐHSP Sinh - KTNN; Thạc sĩ Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		1/12/2024	Đạt	
454	19	Vũ Thu Hằng		29/11/1982	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2007	15.113	ĐH Sư phạm	Cử nhân Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
455	20	Hoàng Thị Thúy		12/03/1986	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2010	15.113	ĐH Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
456	21	Nguyễn Thị Yến		10/04/1987	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2010	15.113	ĐH Sư phạm	Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
457	22	Trương Thị Thuỷ		04/1/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2008	15.113	ĐH Sư phạm	Sư phạm Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
458	23	Đình Hồng Đức	17/07/1981		Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/10/2004	15.113	ĐH Sư phạm	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
459	24	Vũ Thị Hiền		21/11/1981	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/10/2004	15.113	ĐH Sư phạm	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
460	25	Vũ Thị Phương Hoa		25/12/1982	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2006	15.113	Đại học ngoại ngữ	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
461	26	Đỗ Thị Huyền		11/05/1980	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/10/2002	15.113	ĐH Sư phạm	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		1/10/2024	Đạt	
462	27	Phùng Thị Thanh		02/07/1982	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/10/2004	15.113	ĐH Sư phạm	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2026	Đạt	
463	28	Đình Gia Long	18/03/1984		Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2007	15.113	ĐH Sư phạm	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
464	29	Đỗ Thị Liên		10/09/1989	Giáo viên	THPT Phạm Văn Nghị	01/09/2011	15.113	ĐH Sư phạm	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
		17. THPT Đại An																		
465	1	Trần Thị Hà		29/07/1987	Giáo viên	THPT Đại An	01/09/2009	15.113	ĐH Sư phạm Lịch sử. Thạc sĩ Sư phạm Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
466	2	Phan Thị Hiền		27/02/1991	Giáo viên	THPT Đại An	01/09/2013	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
467	3	Nguyễn Chí Cường	07/06/1982		Giáo viên	THPT Đại An	01/09/2005	15.113	Đại học Sư phạm Tiếng Anh; Thạc sĩ Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
468	4	Đào Tiến Chiến	05/04/1993		Giáo viên	THPT Đại An	06/10/2015	15.113	ĐHSP	Tin Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/07/2024	Đạt	
469	5	Vũ Văn Tấn	13/8/1987		Giáo viên	THPT Đại An	01/9/2010	15.113	Đại học sư phạm Vật lí; Thạc sĩ sư phạm Vật lí	Vật lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
470	6	Đặng Thị Thu Phương		03/12/1979	Giáo viên	THPT Đại An	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
471	7	Nguyễn Thị Lan		04/12/1985	Giáo viên	THPT Đại An	01/09/2007	15.113	Đại học Thể dục thể thao I	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
472	8	Trần Gia Toán	23/04/1986			THPT Đại An	05/09/2008	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
473	9	Trình Thị Ngọc		11/10/1987	Giáo viên	THPT Đại An	01/09/2009	15.113	Đại học Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
474	10	Phạm Thị Tuyết		30/10/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Đại An	01/09/2007	15.113	Đại học Sư phạm	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
475	11	Đặng Thị Lan Anh		01/12/1987	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Đại An	01/09/2009	15.113	Đại học Sư phạm	Sư Phạm Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
476	12	Vũ Thế Toại	22/09/1979		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Đại An	01/10/2003	15.113	Đại học Khoa học Tự nhiên	Vật lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
477	13	Lê Thị Chen		05/01/1988	Giáo viên	THPT Đại An	01/9/2010	15.113	Đại học sư phạm	Sư phạm Sinh học -KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
478	14	Đặng Thị Nhân		22/02/1986	Giáo viên	THPT Đại An	05/09/2008	15.113	Đại học Sư phạm	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
479	15	Đinh Thị Tho		01/02/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Đại An	01/09/2006	15.113	Đại học Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
480	16	Trần Thị Diệu		18/10/1993	Giáo viên	THPT Đại An	06/10/2015	15.113	Đại học Sư phạm	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2025	Đạt	
481	17	Nguyễn Thị Mỹ		13/02/1986	Giáo viên	THPT Đại An	05/09/2008	15.113	Đại học	Hoá học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
482	18	Nguyễn Thị Bình		28/01/1983	Giáo viên	THPT Đại An	01/09/2006	15.113	Đại học Sư phạm	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2025	Đạt	
483	19	Ngô Thị Thi		22/06/1984	Giáo viên	THPT Đại An	01/09/2007	15.113	Đại học Sư phạm	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
484	20	Hoàng Thị Hong Vân		20/10/1979	Giáo viên	THPT Đại An	15/09/2001	15.113	Đại học Sư phạm	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
485	21	Vũ Tiến Trọng	18/04/1981		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Đại An	01/10/2003	15.113	Đại học Sư phạm	Toán- Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
486	22	Lê Thị Thanh Nga		21/04/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Đại An	01/09/1999	15.113	Đại học Sư phạm	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/03/2026	Đạt	
487	23	Nguyễn Thị Hoa		17/11/1984	Giáo viên	THPT Đại An	01/09/2007	15.113	Đại học Sư phạm	Sư phạm Sinh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
488	24	Phan Thị Nhi		05/11/1980	Giáo viên	THPT Đại An	01/10/2003	15.113	Đại học Sư phạm	Vật Lý- Kỹ Thuật công nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
489	25	Trịnh Thị Loan		15/09/1987	Giáo viên	THPT Đại An	01/09/2009	15.113	Đại học Sư Phạm	Sư phạm Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
490	26	Hoàng Đình Hùng	22/10/1982		Tổ phó chuyên môn	THPT Đại An	01/9/2006	15.113	- Đại học TDTT TWI, - Đại học Sư phạm Hà nội	- Cử nhân Sư phạm GDTC - Cử nhân Giáo dục Quốc phòng và An	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
491	27	Vũ Thị Ninh		30/10/1979	Giáo viên	THPT Đại An	01/10/2002	15.113	Đại học Sư Phạm	Ngữ Văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
		18. THPT Đỗ Huy Liệu																		
492	1	Nguyễn Thị Thao		17/7/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Đỗ Huy Liệu	01/9/2008	15a.201	Cử nhân	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
493	2	Đoàn Thị Cúc		24/08/1992	Tổ phó chuyên môn	THPT Đỗ Huy Liệu	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2024	Đạt	
494	3	Hoàng Thanh Hảo		26/9/1981	Giáo viên	THPT Đỗ Huy Liệu	1/9/2005	15a.201	ĐHKHTN - ĐHQGHN	Công nghệ hạt nhân	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/6/2026	Đạt	
495	4	Đoàn Đình Thành	08/2/1973		Giáo viên	THPT Đỗ Huy Liệu	1/10/2003	15.113	ĐHSPHN	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/7/2024	Đạt	
496	5	Nguyễn Thái Học	27/4/1989		Tổ phó chuyên môn	THPT Đỗ Huy Liệu	01/9/2011	15.113	ĐHSPHN	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2026	Đạt	
497	6	Ngô Văn Ngũ	03/2/1989		Giáo viên	THPT Đỗ Huy Liệu	30/8/2013	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
498	7	Đinh Thị Dung		13/02/1988	Giáo viên	THPT Đỗ Huy Liệu	01/9/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
499	8	Vũ Đình Văn	20/11/1985		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Đỗ Huy Liệu	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Toán	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
500	9	Đinh Thị Hoà		06/2/1980	Giáo viên	THPT Đỗ Huy Liệu	1/10/2003	15.113	ĐHKHTN - ĐHQGHN	Địa lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2024	Đạt	
501	10	Nguyễn Thị Thanh		16/11/1988	Giáo viên	THPT Đỗ Huy Liệu	30/8/2013	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/9/2023	Đạt	
502	11	Lê Thị Thuý Hoàn		21/3/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Đỗ Huy Liệu	29/8/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/02/2025	Đạt	
503	12	Đoàn Xuân Trình	18/11/1987		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Đỗ Huy Liệu	01/9/2009	15.113	ĐHSP, thạc sĩ	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
504	13	Nguyễn Thị Lâm		10/8/1991	Giáo viên	THPT Đỗ Huy Liệu	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/8/2024	Đạt	
505	14	Trần Văn Bắc	10/08/1989		Giáo viên	THPT Đỗ Huy Liệu	30/8/2013	15.113	ĐHTDTT	Sư phạm Thể dục		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
506	15	Dương Thị Hồng Nhung		28/8/1992	Giáo viên	THPT Đỗ Huy Liệu	01/10/2014	15.113	ĐHSPPHN	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/4/2024	Đạt	
507	16	Nguyễn Thị Tú		25/11/1992	Tổ phó chuyên môn	THPT Đỗ Huy Liệu	06/10/2015	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/04/2025	Đạt	
508	17	Trịnh Thị Hà		08/6/1992	Giáo viên	THPT Đỗ Huy Liệu	10/6/2015	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
509	18	Cao Thị Thảo		22/2/1993	Tổ phó chuyên môn	THPT Đỗ Huy Liệu	10/6/2015	15.113	ĐHSP	Tiếng anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/4/2025	Đạt	
510	19	Nguyễn Thị Thủy		10/7/1990	Giáo viên	THPT Đỗ Huy Liệu	01/9/2012	15.113	ĐHSPHN	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/9/2024	Đạt	
		19. THPT Lý Nhân Tông																		
511	1	Phạm Thị Quỳnh		14/3/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lý Nhân Tông	01/9/2005	15.113	Đại học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2025	Đạt	
512	2	Phạm Đức Minh	10/01/1990		Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Nhân Tông	11/9/2012	15.113	Đại học	TDĐT - GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/6/2024	Đạt	
513	3	Nguyễn Thị Phương		20/4/1991	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/9/2013	15.113	Đại học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2025	Đạt	
514	4	Đào Thị Diệu Linh		25/07/1989	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/09/2011	15.113	Đại học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
515	5	Ngô Thị Oanh		26/01/1987	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/09/2013	15.113	Đại học	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2026	Đạt	
516	6	Nguyễn Thị Thơ		01/04/1990	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lý Nhân Tông	11/09/2012	15.113	Đại học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/09/2024	Đạt	
517	7	Ngô Khắc Tâm	23/04/1985		Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Nhân Tông	01/9/2009	15.113	Đại học	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
518	8	Phạm Thị Hương		27/08/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lý Nhân Tông	01/10/2003	15.113	Đại học	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
519	9	Bùi Thị Lan		30/01/1987	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/9/2009	15.113	Đại học	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2025	Đạt	
520	10	Phạm Thị Chinh		25/7/1985	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	05/9/2008	15.113	Đại học	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
521	11	Trần Thị Nhân		09/4/1983	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/9/2006	15.113	Đại học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
522	12	Đinh Thị Lan Anh		16/9/1987	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/9/2009	15.113	Đại học	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
523	13	Phạm Thị Tuyết		15/3/1987	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/9/2009	15.113	Đại học, Thạc sĩ khoa học giáo dục	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
524	14	Trần Thị Thanh Nhâm		01/3/1991	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/9/2013	15.113	Đại học	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2026	Đạt	
525	15	Bùi Lê Quyền		14/8/1985	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	04/9/2007	15.113	Đại học	Toán học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
526	16	Nguyễn Thị Phương		01/04/1991	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/09/2013	15.113	Đại học, Thạc sĩ khoa học giáo dục	Hoá Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2026	Đạt	
527	17	Nguyễn Mạnh Linh	21/10/1991		Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/9/2013	15.113	Đại học	Giáo dục Thể Chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2026	Đạt	
528	18	Hoàng Thị Minh		17/10/1985	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/9/2011	15.113	Đại học	Cử nhân sư phạm TDTT; Cử nhân GD QPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2024	Đạt	
529	19	Nguyễn Thị Hiên		02/02/1989	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/10/2014	15.113	Đại học, Thạc sĩ khoa học giáo dục	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/04/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
530	20	Phan Thị Quỳnh Như		23/07/1989	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	15/9/2011	15.113	Đại học, Thạc sĩ khoa học giáo dục	Vật lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		15/9/2024	Đạt	
531	21	Nguyễn Thị Học		26/02/1986	Giáo viên	THPT Lý Nhân Tông	01/12/2009	15.113	Đại học, Thạc sĩ hoá học	Hoá Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
		20. THPT A Nghĩa Hưng																		
532	1	Nguyễn Thị Quế		04/11/1989		THPT A Nghĩa Hưng	11/9/2013	15.113	ĐHSP	Sử -GD quốc phòng		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
533	2	Đặng Thị Ngọc Hà		25/10/1975	Tổ phó chuyên môn	THPT A Nghĩa Hưng	01/09/1997	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
534	3	Đoàn Văn Vịnh	06/07/1972		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Nghĩa Hưng	05/12/1993	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/12/2025	Đạt	
535	4	Bùi Thị Hồng Nhưng		10/10/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Nghĩa Hưng	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2025	Đạt	
536	5	Đinh Văn Hoat	20/10/1976			THPT A Nghĩa Hưng	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2024	Đạt	
537	6	Đinh Văn Định	20/01/1978			THPT A Nghĩa Hưng	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
538	7	Nguyễn Văn Long	29/04/1985			THPT A Nghĩa Hưng	05/09/2008	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
539	8	Đặng Hợp Thanh	11/09/1985		Tổ phó chuyên môn	THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2007	15.113	ĐH	Cử nhân sư phạm TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
540	9	Ngô Bạch Đặng	26/11/1973		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Nghĩa Hưng	01/09/1996	15.113	ĐHSPKT	Điện khí hóa và cung cấp điện		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2025	Đạt	
541	10	Vũ Minh Phương	31/10/1986		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Nghĩa Hưng	05/09/2008	15.113	Đại học Sư phạm Thạc sĩ Vật lý	Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
542	11	Phạm Thị Duyên		12/11/1985		THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
543	12	Lê Văn Ước	04/11/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2012	15.113	ĐHSP; THs	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		11/06/2024	Đạt	
544	13	Đào Thị Thu Trang		20/10/1988	Giáo viên	THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
545	14	Đoàn Thị Đào		04/04/1988		THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
546	15	Hoàng Văn Dương	11/05/1977		Tổ phó chuyên môn	THPT A Nghĩa Hưng	1/9/1998	15.113	ĐHSP THs	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
547	16	Lê Văn Huỳnh	10/10/1990		Giáo viên	THPT A Nghĩa Hưng	11/09/2012	15.113	ĐHSP	GDTC- GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/06/2024	Đạt	
548	17	Vũ Duy Khải	28/06/1991			THPT A Nghĩa Hưng	01/10/2014	15.113	ĐH	Cử Nhân sư phạm TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/01/2024	Đạt	
549	18	Nguyễn Văn Lợi	05/06/1985			THPT A Nghĩa Hưng	05/09/2008	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
550	19	Bùi Thị Huyền		07/07/1982		THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
551	20	Mai Thị Thảo		02/04/1985		THPT A Nghĩa Hưng	05/09/2008	15.113	ĐH	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
552	21	Đinh Thị Hằng		29/03/1982		THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2006	15.113	ĐHSP	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
553	22	Đông Xuân Lượng	24/05/1986			THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2009	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
554	23	Lê Thị Minh		04/11/1982		THPT A Nghĩa Hưng	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
555	24	Phạm Thị Thủy		08/11/1984		THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
556	25	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		05/07/1986		THPT A Nghĩa Hưng	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
557	26	Nguyễn Thị Thủy Nga		20/02/1990		THPT A Nghĩa Hưng	11/9/2012	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/03/2025	Đạt	
558	27	Trịnh Văn Hoan	11/03/1984		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2010	15.113	ĐHSP; THs	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
559	28	Mai Thị Hoài		14/09/1976		THPT A Nghĩa Hưng	01/09/1997	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/06/2026	Đạt	
560	29	Nguyễn Thị Huyền		14/12/1976		THPT A Nghĩa Hưng	20/12/1998	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/01/2026	Đạt	
561	30	Đỗ Văn Dũng	14/08/1977			THPT A Nghĩa Hưng	01/09/1999	15.113	ĐHSP; THs	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
562	31	Đào Văn Tiến	08/01/1983			THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
563	32	Phạm Thị Vui		16/5/1977		THPT A Nghĩa Hưng	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/5/2024	Đạt	
564	33	Vũ Thị Vui		30/07/1984		THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
565	34	Trần Văn Huân	05/06/1982			THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2005	15.113	ĐHSP THs	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
566	35	Đoàn Thị Thu Huyền		15/06/1978		THPT A Nghĩa Hưng	10/1/2003	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
567	36	Vũ Thị Trang		23/10/1985		THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
568	37	Nguyễn Thị Hương		04/04/1977		THPT A Nghĩa Hưng	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
569	38	Trần Thị Tuyết		06/10/1977		THPT A Nghĩa Hưng	1/9/1999	15.113	ĐHSP	Sinh học - KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2023	Đạt	
570	39	Vũ Thị Thu Thủy		31/01/1990		THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2013	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
571	40	Đồng Thị Chinh		10/01/1985		THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Sư Phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
572	41	Nguyễn Văn Nhiên	01/05/1987		Tổ phó chuyên môn	THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2009	15.113	ĐH	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
573	42	Vũ Thị Hà		14/12/1977		THPT A Nghĩa Hưng	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/05/2025	Đạt	
574	43	Phạm Văn Huyện	01/03/1982			THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2005	15.113	DHNN I HN	Sư phạm KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
575	44	Trương Thị Hằng		01/05/1977		THPT A Nghĩa Hưng	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/5/2025	Đạt	
576	45	Triệu Thị Thủy Hà		28/11/1978		THPT A Nghĩa Hưng	01/10/2000	15.113	ĐHSP	tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2024	Đạt	
577	46	Nguyễn Thị Thu Thủy		12/11/1990		THPT A Nghĩa Hưng	01/09/2013	15.113	ĐH	Sư phạm tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2026	Đạt	
		21. THPT B Nghĩa Hưng																		
578	1	Nguyễn Văn Luyện	20/12/1977		Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	01/11/2000	15.113	ĐH	Tiếng anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/08/2023	Đạt	
579	2	Trần Thị Hoài		12/07/1991	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	01/09/2013	15.113	ĐH Tiếng anh	Tiếng anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2025	Đạt	
580	3	Nguyễn Thị Hải		06/01/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Nghĩa Hưng	01/11/2000	15.113	Đại học	Toán - Tin ứng dụng	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/02/2024	Đạt	
581	4	Trần Văn Công	20/10/1984		Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	15/10/2014	15.113	ĐH Văn- Ngữ văn, Thạc sĩ Văn	Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		15/8/2023	Đạt	
582	5	Phạm Thị Thu Hưng		27/06/1984	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	11/09/2012	15.113	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sỹ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
583	6	Nguyễn Thị Phượng		16/04/1984	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	01/9/2007	15.113	ĐH Ngoại Ngữ Hà Nội	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
584	7	Trần Thị Thoa		20/09/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT B Nghĩa Hưng	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2025	Đạt	
585	8	Nguyễn Quốc An	15/11/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT B Nghĩa Hưng	05/09/2008	15.113	Đại học	Sư phạm Tin học	Không áp dụng	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
586	9	Trần Thị Dương		10/01/1976	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	01/9/1999	15.113	ĐH Thể dục thể thao	Thể dục thể thao		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/3/2026	Đạt	
587	10	Đỗ Thị Hương		16/03/1981	Tổ phó chuyên môn	THPT B Nghĩa Hưng	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
588	11	Trần Văn Vinh	23/07/1981		Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	01/09/2006	15.113	Đại học	CNTT	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
589	12	Nguyễn Thị Thủy Dung		29/07/1993	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	06/10/2015	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/10/2024	Đạt	
590	13	Phạm Thị Huyền		01/10/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT B Nghĩa Hưng	03/09/2008	15.113	ĐH Sư phạm Sinh, Thạc sỹ phương pháp giảng dạy Sinh học	sư phạm Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
591	14	Lục Thị Xuyến		21/7/1985	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
592	15	Vũ Thị Xiêm		18/01/1983	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	01/09/2006	15.113	ĐHSP HÀ NỘI I	SP Giáo dục Chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
593	16	Phạm Văn Bình	16/02/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT B Nghĩa Hưng	01/9/2007	15.113	Đại học sư phạm	Sư phạm Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
594	17	Nguyễn Văn Cửu	01/02/1976		Tổ phó chuyên môn	THPT B Nghĩa Hưng	01/9/2005	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2023	Đạt	
595	18	Lương Thị Khánh		23/6/1979	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	01/10/2002	15.113	ĐHSP Hà Nội	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
596	19	Trần Thị Bích		13/12/1992	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	26/09/2014	15.113	ĐHSP	Tin		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2024	Đạt	
597	20	Nguyễn Thị Thu		03/7/1979	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	15/9/2001	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2025	Đạt	
598	21	Nguyễn Thị Đào		15/06/1993	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	06/10/2015	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/04/2025	Đạt	
599	22	Nguyễn Thị Thuan		13/06/1976	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Nghĩa Hưng	01/09/1997	15.113	ĐH Mở	SP Tiếng anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/6/2026	Đạt	
600	23	Phạm Thị Hải		20/06/1984	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	01/9/2007	15.113	Cử nhân Lịch sử	Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
601	24	Nguyễn Thị Liễu		02/01/1983	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	1/9/2005	15.113	ĐHSP	Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2023	Đạt	
602	25	Đinh Thị Huyền Trang		03/01/1993	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	06/10/2015	15.113	ĐHSP	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/04/2025	Đạt	
603	26	Nguyễn Thị Thơm		09/03/1990	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	05/9/2012	15.113	ĐHSP	SP Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/09/2025	Đạt	
604	27	Trần Thị Thu Phương		07/01/1984	Giáo viên	THPT B Nghĩa Hưng	01/9/2006	15.113	Đại học, Thạc sĩ Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
		22. THPT C Nghĩa Hưng																		
605	1	Trần Trọng Đôn	01/11/1986		Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	11/09/2012	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/6/2024	Đạt	
606	2	Bùi Văn Quân	25/10/1978		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Nghĩa Hưng	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2024	Đạt	
607	3	Nguyễn Thị Thu		27/03/1971	Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/1994	15.113	ĐHSP	Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9 %	01/12/2025	Đạt	
608	4	Ngô Thị Tầm		09/11/1983	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/2006	15.113	ĐH Toán - Tin ứng dụng.	Toán	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2024	Đạt	
609	5	Phạm Thị Thanh Nhân		24/11/1978	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/08/2023	Đạt	
610	6	Vũ Thị Thủy		15/10/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
611	7	Nguyễn Thanh Bình	20/8/1974		Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/1997	15.113	ĐH, chuyên ngành: Cử nhân Tiếng Anh	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
612	8	Nguyễn Xuân Cánh	08/08/1987		Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
613	9	Nguyễn Văn Hiền	07/11/1989		Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
614	10	Nguyễn Thị Lý		12/03/1982	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
615	11	Trần Thị Phương		23/11/1988	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/10/2014	15.113	ĐH chuyên ngành: sư phạm Hoá học; Thạc Sỹ Hoá vô cơ	SP Hoá Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/10/2023	Đạt	
616	12	Nguyễn Thị Hòa		16/10/1992	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	06/10/2015	15.113	ĐHSP	Sư phạm Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2025	Đạt	
617	13	Vũ Thị Nhung		14/04/1975	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/1997	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
618	14	Nguyễn Thị Mai Lan		20/10/1977	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/1998	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/03/2026	Đạt	
619	15	Phạm Thị Ngân		05/11/1984	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/2006	15.113	ĐHNN	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
620	16	Vân Thúy Hương		30/08/1976	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Sinh-Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2023	Đạt	
621	17	Trần Thị Pho		12/09/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT C Nghĩa Hưng	01/10/2004	15.113	ĐH TĐTT	SP GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
622	18	Nguyễn Thị Quyết		06/07/1986	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/2009	15.113	ĐHSP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
623	19	Nguyễn Văn Đỉnh	08/01/1976		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/1999	15.113	ĐH TĐTT I	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2024	Đạt	
624	20	Nguyễn Anh Đỉnh	22/03/1985		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/2007	15.113	Đại học sư phạm Ngữ văn, Thạc sỹ Ngữ văn	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
625	21	Nguyễn Thị Nga		16/02/1984	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/2007	15.113	Đại học	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
626	22	Phạm Thị Thúy		25/06/1976	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/1997	15.113	ĐHSP	Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/06/2026	Đạt	
627	23	Nguyễn Thị Thu Nguyệt		26/09/1977	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/03/2000	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
628	24	Nguyễn Thị Út		03/10/1989	Giáo viên	THPT C Nghĩa Hưng	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
		23. THPT Nghĩa Minh																		
629	1	Hoàng Phương Thảo		11/12/1987	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nghĩa Minh	01/09/2011	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
630	2	Nguyễn Thị Lương		04/06/1988	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nghĩa Minh	01/09/2013	15.113	Đại học Sư phạm; Thạc sỹ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
631	3	Nguyễn Văn Phúc	05/07/1985		Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	01/9/2008	15.113	ĐHSP	TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
632	4	Vũ Đình Chất	12/04/1989		Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	01/01/2012	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/10/2023	Đạt	
633	5	Trần Thị Phương		28/11/1988	Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	01/09/2013	15.113	ĐHSP	Sư Phạm Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2026	Đạt	
634	6	Đồng Quốc Tuấn	15/07/1981		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nghĩa Minh	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
635	7	Vũ Lan Hương		27/08/1987	Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	11/09/2012	15.113	Đại học, Thạc sỹ	Sư phạm tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
636	8	Bùi Thị Thanh Mai		02/10/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Nghĩa Minh	01/09/2009	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
637	9	Hoàng Hữu Nam	16/01/1980		Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
638	10	Đỗ Thị Mi Lê		26/08/1989	Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
639	11	Tổng Thị Thanh Lương		14/09/1982	Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	01/10/2004	15.113	Đại học	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
640	12	Phạm Văn Tuấn	13/06/1981		Tổ phó chuyên môn	THPT Nghĩa Minh	05/09/2007	15.113	ĐHSP	SP Sinh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
641	13	Trần Văn Mạnh	17/07/1979		Tổ phó chuyên môn	THPT Nghĩa Minh	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
642	14	Bùi Thị Bích Phương		21/03/1990	Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	11/9/2012	15.113	Đại học	SP GDTC-GDQP,GDQP-AN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/09/2024	Đạt	
643	15	Vũ Thị Hậu		23/02/1983	Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	01/9/2007	15.113	ĐH	Lịch sử Đảng	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
644	16	Nguyễn Thị Yến		03/07/1986	Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2025	Đạt	
645	17	Tổng Thị Nga		20/05/1980	Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Sư phạm Kỹ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
646	18	Ngô Tất Thắng	04/08/1979		Giáo viên	THPT Nghĩa Minh	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
		24. THPT Trần Nhân Tông																		
647	1	Đỗ Thị Hoa Lý		08/11/1979	Giáo viên	THPT Trần Nhân Tông	15/9/2001	15.113	ĐH Sư phạm Thái Nguyên	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2024	Đạt	
648	2	Vũ Thị Thúy		19/03/1986	Giáo viên	THPT Trần Nhân Tông	05/9/2008	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
649	3	Vũ Đình Biển	11/11/1983		Giáo viên	THPT Trần Nhân Tông	01/9/2007	15.113	ĐH TDĐT Từ Sơn Bắc Ninh	TDĐT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
650	4	Khuông Văn Sơn	02/08/1978		Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Nhân Tông	1/10/2004	15.113	ĐH TDĐT Từ Sơn Bắc Ninh	TDĐT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/07/2024	Đạt	
651	5	Nguyễn Văn Nam	11/01/1974		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Nhân Tông	1/10/2002	15.113	ĐH Khoa học tự nhiên Thạc Sĩ sư phạm Vật Lí	Vật Lí	CCNVSP -THPT	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	
652	6	Trần Thị Ngoan		08/4/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Nhân Tông	1/9/2005	15a.201	ĐH Sư phạm	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
653	7	Phạm Thị Thảo		16/06/1977	Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Nhân Tông	1/9/1998	15.113	ĐH	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/3/2025	Đạt	
654	8	Nguyễn Văn Phương	03/07/1981		Giáo viên	THPT Trần Nhân Tông	01/9/2008	15.113	Đại học kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên	Sư Phạm Kỹ Thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
655	9	Nguyễn Thị Thanh		02/11/1986	Giáo viên	THPT Trần Nhân Tông	01/09/2009	15.113	ĐH sư phạm Huế	Tin Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
656	10	Phạm Thị Thanh Huyền		04/06/1988	Giáo viên	THPT Trần Nhân Tông	01/9/2010	15.113	ĐH Sư phạm Hà Nội 2	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
657	11	Trần Thị Hoa		28/01/1992	Giáo viên	THPT Trần Nhân Tông	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2023	Đạt	
658	12	Nguyễn Thị Dung		31/05/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Nhân Tông	01/9/2007	15.113	ĐH Khoa học tự nhiên Thạc Sĩ sư phạm Toán	Toán-Tin ứng dụng	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
659	13	Phạm Quang Điền	02/05/1985		Giáo viên	THPT Trần Nhân Tông	01/9/2009	15.113	ĐH TDĐT Từ Sơn Bắc Ninh	TDĐT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
660	14	Nguyễn Thị Phân		30/12/1986	Giáo viên	THPT Trần Nhân Tông	01/9/2009	15.113	ĐH Tây Nguyên	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
661	15	Lâm Văn Duân	17/08/1985		Giáo viên	THPT Trần Nhân Tông	01/9/2009	15.113	ĐH TDĐT Từ Sơn Bắc Ninh	TDĐT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
		25. THPT Lý Tự Trọng																		
662	1	Bùi Thị Hoa		11/08/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Tự Trọng	31/08/2007	15.113	Đại học	Địa lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
663	2	Nguyễn Thị Tươi		12/08/1989	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2011	15.113	Đại học	SP Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
664	3	Trần Thị Dung		25/07/1987	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2009	15.113	Đại học	Sư phạm Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
665	4	Ngô Thị Thu Trang		02/10/1986	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2008	15.113	Đại học	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
666	5	Vũ Ngọc Phương	23/05/1983		Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2008	15.113	Đại học	SP Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
667	6	Đoàn Văn Mạnh	05/04/1985		Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	31/08/2007	15.113	Đại học	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
668	7	Nguyễn Xuân Kiến	16/10/1980		Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/10/2004	15.113	Đại học	Sư phạm kĩ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2025	Đạt	
669	8	Tô Thị Hương		20/6/1985	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lý Tự Trọng	31/08/2007	15.113	Đại học	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
670	9	Vũ Thị Hằng		10/06/1975	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lý Tự Trọng	15/09/1996	15.113	Đại học	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/03/2026	Đạt	
671	10	Đỗ Thị Mậu		08/03/1978	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/11/2000	15.113	Đại học	SP Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
672	11	Dương Thị Mình		03/12/1987	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2010	15.113	Đại học	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
673	12	Nguyễn Thị Duyên		14/06/1986	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2010	15.113	Đại học	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
674	13	Bùi Thị Tuyết		02/11/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2008	15.113	Đại học	SP Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
675	14	Đỗ Thị Anh Thư		24/06/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lý Tự Trọng	01/10/2003	15.113	Đại học	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
676	15	Phan Thị Thu Trang		09/08/1989	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2011	15.113	Đại học	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
677	16	Trần Thị Mai		11/08/1987	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2009	15.113	Đại học	SP Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
678	17	Nguyễn Thị Hiền		05/05/1989	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2011	15.113	Đại học	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
679	18	Trần Thị Hạnh		14/08/1989	Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2011	15.113	Đại học	SP Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
680	19	Đoàn Quốc Tú	30/08/1988		Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2010	15.113	Đại học	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
681	20	Nguyễn Xuân Công	19/10/1984		Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	31/8/2007	15.113	Đại học	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
682	21	Trần Thị Phương Minh		18/01/1978	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	15//09/2001	15.113	Đại học	Hoá học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
683	22	Nguyễn Thị Thu		20/05/1977	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/11/2000	15.113	Đại học	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/08/2024	Đạt	
684	23	Trần Thị Thu Hương		14/09/1980	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/10/2002	15.113	Đại học	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	
685	24	Đặng Thị Phương Nhung		02/08/1988	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2011	15.113	Đại học	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
686	25	Bùi Thị Lương		17/01/1988	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2010	15.113	Đại học	SP Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
687	26	Bùi Thị Hiền		09/10/1985	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2008	15.113	Đại học	SP Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
688	27	Trần Thị Mai Liên		11/03/1982	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/10/2004	15.113	Đại học	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
689	28	Lưu Thị Thủy		18/12/1977	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/1999	15.113	Đại học	SP Sinh- KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2023	Đạt	
690	29	Vũ Thanh		06/01/1991	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/09/2014	15.113	Đại học	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/03/2024	Đạt	
691	30	Hoàng Thị Hương		25/01/1979	Giáo viên	THPT ý Tự Trọng	01/10/2003	15.113	Đại học	SP kỹ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
692	31	Lâm Thị Hoà		12/10/1981	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	01/10/2004	15.113	Đại học, Thạc sĩ Ngôn ngữ học	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
693	32	Hoàng Thị Dung		10/8/1989	Giáo viên	THPT Lý Tự Trọng	11/9/2012	15.113	Đại học	SP kỹ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/03/2025	Đạt	
		26. THPT Nam Trực																		
694	1	Nguyễn Thị Thu Hương		28/03/1985	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nam Trực	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
695	2	Hoàng Quốc Việt	14/06/1985		Tổ phó chuyên môn	THPT Nam Trực	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
696	3	Đoàn Văn Doanh	12/06/1981		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nam Trực	01/10/2004	15.113	ĐHSP Hà Nội 2	Vật lý-KTCN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2025	Đạt	
697	4	Đoàn Văn Hiện	21/10/1987		Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2009	15.113	ĐH	Sư phạm Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
698	5	Lưu Thị Nga		05/10/1985	Giáo viên	THPT Nam Trực	05/09/2008	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
699	6	Trần Thị Thanh Thúy		08/02/1991	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2013	15.113	ĐHSP	Giáo dục Thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2025	Đạt	
700	7	Đỗ Hải Thu		07/11/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nam Trực	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
701	8	Lê Thị Xuân Thu		20/02/1980	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
702	9	Trần Thị Tho		07/05/1982	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
703	10	Vũ Thị Thúy		15/08/1983	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		1/9/2024	Đạt	
704	11	Nguyễn Thị Vân		03/05/1979	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		1/4/2026	Đạt	
705	12	Trần Công Đắc	01/04/1986		Tổ phó chuyên môn	THPT Nam Trực	01/09/2010	15.113	Cử nhân Sư phạm TDTT	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
706	13	Trần Thị Hạnh		12/09/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nam Trực	15/09/2001	15.113	ĐH Ngoại ngữ - ĐH QG Hà Nội- Phiên dịch Tiếng Anh	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		1/10/2024	Đạt	
707	14	Trần Thị Nhưng		26/10/1984	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2006	15.113	ĐHNN	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
708	15	Vũ Thị Minh Ngọc		21/12/1977	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2023	Đạt	
709	16	Nguyễn Lê Thúy		08/05/1989	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/10/2011	15.113	ĐH	Vật lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/10/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
710	17	Nguyễn Như Quỳnh		01/03/1983	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Sư phạm Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		1/9/2024	Đạt	
711	18	Trần Thị Dung		05/04/1987	Giáo viên	THPT Nam Trực	11/09/2012	15.113	Thạc sỹ, DHSP	Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		11/09/2024	Đạt	
712	19	Trần Thanh Mai		19/09/1981	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
713	20	Trần Thị Minh Ngọc		07/10/1985	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2007	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ	SP Toán, Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32	0	01/03/2026	Đạt	
714	21	Trần Thị Hải Ly		04/03/1990	Giáo viên	THPT Nam Trực	11/09/2012	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2025	Đạt	
715	22	Lê Thị Mỹ		18/01/1985	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
716	23	Đỗ Văn Ngôi	05/05/1979		Giáo viên	THPT Nam Trực	01/10/2002	15.113	ĐH TĐTT I	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
717	24	Phạm Thị Loan		15/08/1981	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Giáo dục công dân		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
718	25	Đỗ Thị Yến		21/01/1977	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2023	Đạt	
719	26	Vũ Thị Hiền		02/02/1992	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2024	Đạt	
720	27	Tô Thị Huệ		19/08/1985	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
721	28	Trần Thị Dừa		18/03/1988	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nam Trực	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Sư phạm Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
722	29	Trần Quang Phụng	16/10/1980		Tổ phó chuyên môn	THPT Nam Trực	05/09/2008	15.113	Cử nhân địa lý	Địa lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
723	30	Trần Văn Chiêm	28/02/1977		Tổ phó chuyên môn	THPT Nam Trực	15/09/2001	15.113	ĐHSP	Sinh - KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2025	Đạt	
724	31	Trần Văn Toàn	02/09/1981		Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Vật lý -KTCN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
725	32	Đoàn Văn Ngự	18/02/1984		Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Sư phạm kỹ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
726	33	Lê Xuân Tiến	30/09/1986		Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2011	15.113	ĐHSP	GDTC; GDQP- AN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II		V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
727	34	Triệu Thị Hào		23/01/1988	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2010	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
728	35	Trần Thị Khánh Linh		08/10/1981	Giáo viên	THPT Nam Trực	05/09/2007	15.113	ĐHSP Thạc sĩ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
729	36	Trần Thị Xuyến		24/10/1990	Giáo viên	THPT Nam Trực	06/11/2012	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		06/05/2025	Đạt	
730	37	Cao Thị Thắm		20/09/1988	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2010	15.113	Thạc sĩ, ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
731	38	Bùi Thị Thủy		09/12/1988	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính đề xét năng bậc lương lần sau		
732	39	Nguyễn Thị Phượng		25/12/1986	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2008	15.113	Cử nhân sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Vật lý	Lí luận và phương pháp dạy học môn Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2023	Đạt	
733	40	Đặng Quang Bốn	30/04/1988		Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
734	41	Mai Thị Thanh		26/08/1986	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/09/2009	15.113	ĐH Thể Thể Thao Bắc Ninh	Điền Kinh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
735	42	Trần Thị Xuân Nhiệm		13/04/1977	Giáo viên	THPT Nam Trực	01/9/1999	15.113	ĐHKHXH-NV- THAC Sĩ Học viện khoa học xã hội	Văn học Việt Nam	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/03/2026	Đạt	
		27. THPT Nguyễn Du																		
736	1	Trần Thị Diệu Linh		14/08/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Du	01/09/2005	15a.201	Đại học	Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
737	2	Nguyễn Hoàng Hiệu	24/08/1977		Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/08/2001	15.113	ĐH SPHNI	SP Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/08/2023	Đạt	
738	3	Phùng Thị Thu Hiển		07/07/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Du	01/10/2004	15.113	ĐHSP	SPKT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
739	4	Lê Thị Hoài		03/06/1985	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/09/2008	15.113	Đại học, Sư phạm Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
740	5	Chu Quang Phát	02/08/1986		Giáo viên	THPT Nguyễn Du	06/10/2015	15.113	ĐHSP	TDDT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/7/2024	Đạt	
741	6	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		20/06/1988	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/09/2013	15.113	ĐHSP Hóa học; Thạc sỹ Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
742	7	Vũ Ngọc Phan	14/12/1971		Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/09/1995	15.113	ĐH tổng hợp	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/03/2026	Đạt	
743	8	Phạm Thị Thùy Dương		24/10/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Du	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
744	9	Trần Thị Trang		03/05/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Du	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
745	10	Đoàn Đức Duy	19/09/1979		Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/10/2002	15.113	ĐHTDĐT	SP GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
746	11	Nguyễn Thị Thanh Ngọc		01/07/1985	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/09/2007	15.113	ĐH tổng hợp- Cử nhân khoa học	Vật lí	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
747	12	Tô Đức Anh	20/10/1980		Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Du	01/10/2004	15.113	ĐH TĐTT	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
748	13	Đặng Thị Thu Hà		20/10/1989		THPT Nguyễn Du	11/09/2012	15.113	ĐH chuyên ngành SP Tiếng Anh Thạc sỹ Sư phạm tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/03/2025	Đạt	
749	14	Phạm Thị Thoa		05/09/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Du	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2026	Đạt	
750	15	Ngô Thị Thư		28/12/1981	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
751	16	Trần Thị Tươi		21/02/1985	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Du	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
752	17	Nguyễn Thế Phúc	16/11/1980		Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
753	18	Mai Thị Lý		03/07/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/09/2009	15.113	Đại học	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
754	19	Đoàn Thị Hương		03/10/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	16/01/2010	15.113	Đại học	Ngữ Văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		16/07/2025	Đạt	
755	20	Trần Thị Quý		04/08/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
756	21	Lê Thị Lam		26/06/1990	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	11/09/2012	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
757	22	Nguyễn Thị Thương		02/10/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
758	23	Hoàng Thị Ánh		17/10/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
759	24	Đoàn Văn Đối	08/09/1986		Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
760	25	Nguyễn Thị Bích		06/10/1984	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/12/2008	15.113	ĐHSP	KTNN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2024	Đạt	
761	26	Đào Thị Huyền		22/10/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
762	27	Đoàn Văn Thắng	06/06/1979			THPT Nguyễn Du	15/09/2001	15.113	ĐHTDĐT	Bóng đá		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	
763	28	Phạm Thị Mai		04/11/1991	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/09/2013	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
764	29	Đỗ Thị Thanh		19/07/1989	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	01/10/2014	15.113	ĐH, Sư phạm Vật lí; Thạc sĩ Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/10/2024	Đạt	
765	30	Nguyễn Thị Thanh Thủy		25/10/1990	Giáo viên	THPT Nguyễn Du	11/09/2012	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2025	Đạt	
		28. THPT Trần Văn Bảo																		
766	1	Nguyễn Duy Cường	03/7/1986		Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	1/9/2008	15.113	ĐHSP: Vật lí	Sư phạm Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2023	Đạt	
767	2	Phan Thị Ngân		12/10/1986	Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	1/9/2008	15.113	ĐHSP: Sinh học, Thạc sĩ Sinh học	Sư phạm Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
768	3	Trần Quốc Việt	18/6/1986		Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	5/9/2008	15.113	ĐH TDĐT ĐH SP Vinh	GDTC QPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
769	4	Nguyễn Hồng Sơn	14/11/1981		Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	1/9/2005	15.113	ĐH TDĐT Bắc Ninh	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/6/2026	Đạt	
770	5	Nguyễn Thị Duyên		4/4/1978	Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Văn Bảo	1/9/1999	15.113	ĐH TDĐT	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/3/2026	Đạt	
771	6	Tổng Thị Tuyết		15/5/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Văn Bảo	1/11/2000	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/5/2025	Đạt	
772	7	Vũ Thị Yên		31/01/1978	Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Văn Bảo	1/10/2002	15.113	ĐHSP	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
773	8	Nguyễn Hồng Cúc	03/02/1978			THPT Trần Văn Bảo	25/10/2004	15.113	ĐH Ngoại ngữ	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
774	9	Nguyễn Thị Duyên		25/9/1986		THPT Trần Văn Bảo	1/9/2008	15.113	ĐSP Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
775	10	Đoàn Thị Tuyệt		12/11/1988	Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	1/9/2011	15.113	ĐHSP	Sư phạm Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2024	Đạt	
776	11	Đoàn Kim Phụng	10/7/1987		Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Văn Bảo	1/9/2010	15.113	ĐHSP: Hoá học, Thạc sĩ Hoá học	Sư phạm Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
777	12	Nguyễn Thị Mến		23/10/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Văn Bảo	1/11/2000	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
778	13	Vũ Thị Nga		10/6/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Văn Bảo	1/9/2009	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
779	14	Nguyễn Thị Tâm		15/12/1986	Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	1/9/2009	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
780	15	Bùi Thị Thu Huyền		17/9/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Văn Bảo	1/9/1999	15.113	ĐHSP- Đại học Quốc gia Hà Nội	Cử nhân khoa học ngành giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
781	16	Trần Thị Khánh Huyền		24/8/1993	Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	6/10/2015	V.07.05.15	ĐHSP: Sinh học	Sư phạm Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/4/2025	Đạt	
782	17	Bùi Đình Hiền	30/01/1980			THPT Trần Văn Bảo	1/10/2003	15.113	ĐHSP Hà Nội	SPKT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	
783	18	Phạm Thị Thanh Huyền		22/10/1982	Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	1/10/2004	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
784	19	Nguyễn Thị Thủy Linh		11/5/1986	Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	1/9/2008	15.113	Đại học	Cử nhân Hóa phân tích	Chứng chỉ NVSP bậc I,II	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
785	20	Hà Tuấn Anh	15/3/1981		Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Văn Bảo	1/9/2006	15.113	ĐH CNTT	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
786	21	Trần Lê Phong	10/08/1978		Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	1/10/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	
787	22	Nguyễn Thị Xuân		14/6/1991	Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	1/9/2013	15.113	ĐHSP: Sinh học, Thạc sĩ LL&PPDHSinh học	Sư phạm Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/9/2023	Đạt	
788	23	Vũ Thị Hào		5/10/1979	Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	25/10/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2026	Đạt	
789	24	Nguyễn Thị Thủy		16/5/1989	Giáo viên	THPT Trần Văn Bảo	1/9/2011	15.113	ĐHSP: Hoá học, Thạc sĩ Hoá học	Sư phạm Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2024	Đạt	
		29. THPT Trục Ninh																		
790	1	Vũ Đình Ngo	25/4/1966		Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/1994	15.113	Cử nhân giáo dục Thể chất	Cầu lông	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	13%	01/9/2025	Đạt	
791	2	Đặng Nguyễn Phương	30/11/1975		Giáo viên	THPT Trục Ninh	20/12/1998	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/12/2025	Đạt	
792	3	Lưu Thị Thanh Thủy		25/12/1980	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/10/2002	15.113	ĐH sư phạm Thái Nguyên	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
793	4	Phạm Văn Thường	02/05/1977		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trục Ninh	01/11/2000	15.113	ĐH TDĐT I	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/08/2026	Đạt	
794	5	Nguyễn Thị Thu Phương		19/3/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trục Ninh	01/10/2004	15.113	ĐH - Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
795	6	Lê Thị Huyền		20/06/1978	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
796	7	Ngô Thị Trinh		27/04/1983	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2026	Đạt	
797	8	Đỗ Thị Thanh Huệ		04/05/1979	Giáo viên	THPT Trục Ninh	15/09/2001	15.113	ĐH Khoa học tự nhiên	Toán-Tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2025	Đạt	
798	9	Vũ Đức Thọ	21/01/1980		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trục Ninh	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Sinh - KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/07/2024	Đạt	
799	10	Đỗ Mạnh Thường	25/10/1984		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trục Ninh	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Vật lí- KTCN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
800	11	Vũ Thị Thanh Nga		09/9/1984	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
801	12	Trần Trung Dũng	01/05/1984		Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
802	13	Bùi Văn Tuấn	14/02/1978		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trục Ninh	01/11/2000	15.113	Đại học Văn học	Văn học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
803	14	Lê Thị Hoa		04/01/1976	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/1997	15.113	ĐH TĐTT	Sư phạm Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
804	15	Vũ Văn Mừng	10/01/1972		Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/10/2002	15.113	ĐHSP Ngoại Ngữ	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
805	16	Trần Thị Thêm		23/03/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trục Ninh	01/10/2003	15.113	Đại học Sư phạm	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
806	17	Ngô Thu Trang		03/12/1984	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2006	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
807	18	Nguyễn Thị Hải Châu		23/11/1979	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/10/2002	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	
808	19	Trương Văn Hiếu	15/01/1976		Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/09/2026	Đạt	
809	20	Nguyễn Xuân Chinh	12/11/1986		Tổ phó chuyên môn	THPT Trục Ninh	1/9/2008	15.113	ĐH Sư phạm Tin học	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
810	21	Trần Văn Ngọc	25/10/1980		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trục Ninh	01/09/2005	15.113	ĐHSP- Thạc sỹ Toán học	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
811	22	Đinh Thị Len		29/04/1985	Giáo viên	THPT Trục Ninh	11/9/2008	15.113	ĐH	Cử nhân Toán	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
812	23	Vũ Thị Thúy Quỳnh		15/06/1985	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2007	15.113	ĐH Hóa học, Thạc sỹ Sư phạm Hóa học	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
813	24	Vũ Thị Tươi		20/08/1987	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2009	15.113	ĐH Sư phạm Hà Nội	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
814	25	Đỗ Thị Hồng Nhưng		24/04/1985	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2007	15a.201	ĐH	Văn học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
815	26	Nguyễn Thị Lan		16/07/1985	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
816	27	Phan Quang Tiếp	20/12/1985		Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/9/2011	15.113	ĐHGD-ĐHQGHN	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính đề xét nâng bậc lương lần sau		
817	28	Trần Thị Luyện		23/12/1986	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2026	Đạt	
818	29	Hoàng Thị Trí		01/09/1984	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2007	15.113	ĐHQG HN - Khoa Sư phạm - Cử nhân SP Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
819	30	Trần Huyền Trang		07/05/1987	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
820	31	Từ Thị Quyên		20/04/1987	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/10/2014	15.113	ĐHSP Lịch sử; Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/04/2024	Đạt	
821	32	Trương Thị Chanh		05/11/1979	Giáo viên	THPT Trục Ninh	15/09/2001	15.113	ĐHSP Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2025	Đạt	
822	33	Trình Thị Hương		19/06/1987	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2009	15.113	ĐH Ngoại Ngữ-SP Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
823	34	Bùi Thị Hằng		17/11/1981	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/9/2005	15.113	ĐHSP	Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
824	35	Phạm Thị Hoà		10/09/1991	Giáo viên	THPT Trục Ninh	06/10/2015	15.113	Đại học chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2025	Đạt	
825	36	Nguyễn Thị Lựu		14/12/1984	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
826	37	Phạm Thị Thắm		01/01/1991	Giáo viên	THPT Trục Ninh	06/10/2015	15.113	ĐHSP Tin học	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2025	Đạt	
827	38	Đặng Thị Thảo		29/06/1985	Giáo viên	THPT Trục Ninh	01/09/2007	15.113	ĐH KHTN- ĐHQGHN, Toán Tin ứng dụng; Thạc sỹ ngành Toán học	Toán	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
828	39	Vũ Thị Mận		22/02/1980	Giáo viên	THPT Trực Ninh	01/10/2004	15.113	ĐH Nông nghiệp Hà Nội	Sư phạm kĩ thuật Nông nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
829	40	Nguyễn Thị Hồng Hiền		01/12/1986	Giáo viên	THPT Trực Ninh	01/09/2008	15.113	Đại học sư phạm	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
830	41	Vũ Thị Thúy		23/11/1987	Giáo viên	THPT Trực Ninh	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
831	42	Phạm Thị Hải		07/02/1984	Giáo viên	THPT Trực Ninh	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Địa Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
832	43	Trịnh Thị Hậu		17/05/1988	Giáo viên	THPT Trực Ninh	01/09/2011	15.113	ĐH Sư Phạm Hà Nội 2 - Sư phạm kĩ thuật	Kĩ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
		30. THPT Trực Ninh B																		
833	1	Nguyễn Văn Tiệp	20/10/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT Trực Ninh B	01/09/2006	15.113	ĐH Sư phạm Ngữ Văn	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2023	Đạt	
834	2	Hoàng Thị Lợi		18/09/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Trực Ninh B	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
835	3	Trần Thị Hằng		02/01/1984	Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2024	Đạt	
836	4	Nguyễn Văn Khánh	03/01/1987		Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/09/2013	15.113	ĐH sư phạm Hóa, Thạc sĩ sư phạm Hóa	Sư phạm Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
837	5	Vũ Thị Thảo		21/10/1987	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trực Ninh B	11/09/2012	15.113	ĐH Sư phạm Hoá học; Thạc sỹ Hoá học	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		11/06/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
838	6	Bùi Thị Tuyết		06/5/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT Trực Ninh B	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Sư phạm Sinh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2025	Đạt	
839	7	Bùi Thị Gái		08/3/1976	Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2024	Đạt	
840	8	Vũ Quốc Việt	07/08/1981		Giáo viên	THPT Trực Ninh B	15/10/2007	15.113	ĐH Vật lí, Thạc sĩ Vật lí kỹ thuật	Vật lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
841	9	Nguyễn Thị Huyền		06/08/1989	Giáo viên	THPT Trực Ninh B	11/09/2012	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/12/2024	Đạt	
842	10	Vũ Thị Sơn		07/05/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trực Ninh B	01/09/2006	15.113	ĐH Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
843	11	Vũ Văn Đạt	08/09/1978		Giáo viên	THPT Trực Ninh B	15/09/2001	15.113	ĐH TĐTT	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
844	12	Đỗ Thị Thuý		09/04/1982	Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
845	13	Trần Mạnh Hùng	31/07/1981		Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
846	14	Đình Công Bình	16/12/1977		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trực Ninh B	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2024	Đạt	
847	15	Nguyễn Đức Tiến	20/07/1990		Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/10/2012	15.113	ĐH	Vật Lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/10/2024	Đạt	
848	16	Mai Văn Bình	12/07/1979		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trực Ninh B	01/10/2002	15.113	ĐH sư phạm Toán- Tin	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
849	17	Nguyễn Thị Duyên		08/08/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trực Ninh B	01/09/2006	15.113	ĐH	Vật lí	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bậc 1	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
850	18	Phạm Minh Tú	06/06/1982		Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
851	19	Đỗ Văn Dân	26/08/1985		Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/09/2011	15.113	ĐHSP	GDTC, GDQPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	05	3,66		01/09/2023	Đạt	
852	20	Trần Thị Hồng		24/10/1984	Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
853	21	Nguyễn Văn Triển	27/07/1987		Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
854	22	Phạm Thị Thảo		05/11/1992	Giáo viên	THPT Trực Ninh B	06/10/2015	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/4/2025	Đạt	
855	23	Nguyễn Văn Hiển	14/05/1979		Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/10/2002	15.113	ĐH Sư phạm	Giáo dục Chính trị;		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
856	24	Phạm Văn Hoàng	19/02/1979		Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/9/2005	15a.201	ĐH	Hoá Học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
857	25	Nguyễn Thị Hoa		06/09/1979	Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/09/2005	15a.201	ĐH Lịch sử	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
858	26	Nguyễn Thị Lanh		01/09/1987	Giáo viên	THPT Trực Ninh B	01/10/2014	15.113	ĐHSP Lịch sử; Thạc sĩ Lịch sử	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/08/2024	Đạt	
859	27	Ngô Xuân Hoà	18/10/1975		Giáo viên	THPT Trực Ninh B	18/01/1997	15.113	ĐHSP TĐTT	SP GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/01/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
860	28	Ngô Thị Ánh Tuyệt		22/10/1980	Giáo viên	THPT TRƯC NINH B	10/01/2002	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
861	29	Nguyễn Thị Hồng		26/06/1984	Giáo viên	THPT Trưc Ninh B	01/09/2007	15.113	ĐHSP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
862	30	Phạm Thị Diệp		16/08/1973	Giáo viên	THPT Trưc Ninh B	01/9/1997	15.113	ĐH Ngoại Ngữ	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/6/2025	Đạt	
		31. THPT Nguyễn Trãi																		
863	1	Vũ Văn Hải	01/09/1979		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Trãi	01/10/2002	15.113	ĐH, chuyên ngành Sư phạm Sinh-Hoá	Sinh-Hoá		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
864	2	Đoàn Thị Diễm		19/02/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Trãi	01/10/2004	15.113	ĐH, Chuyên ngành Sư phạm GDTC	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2025	Đạt	
865	3	Cao Thị Thuý Hương		26/01/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Trãi	01/10/2004	15.113	ĐH, chuyên ngành: Cử nhân Văn học	Văn học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
866	4	Trần Thị Trung Thuý		15/10/1976	Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	02/10/2002	15.113	ĐH, chuyên ngành: Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
867	5	Vũ Văn Thor	29/04/1983		Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	01/9/2008	15.113	ĐHSP, chuyên ngành: Sư phạm Tin học	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
868	6	Vũ Thị Mai		11/12/1987	Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	01/9/2009	15.113	Ths GDTC; ĐH Sư phạm chuyên ngành GDTC	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
869	7	Đoàn Văn Diễm	01/05/1980		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Trãi	1/10/2002	15.113	ĐH, chuyên ngành: Sư phạm Toán - Tin	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
870	8	Vũ Thị Dữ		27/01/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Trãi	1/11/2000	15.113	ĐH, chuyên ngành: Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/02/2024	Đạt	
871	9	Phạm Thị Thu Hương		12/07/1980	Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	1/10/2003	15.113	ĐH, chuyên ngành: Sư phạm Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
872	10	Vũ Thị Thúy		14/ 04/ 1977	Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Trãi	1/11/2000	15.113	ĐH quốc gia Hà Nội; Chuyên ngành cử nhân Hóa học	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/08/2024	Đạt	
873	11	Đông Thị Duyên		05/09/1985	Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	01/9/2007	15.113	ĐH quốc gia Hà Nội; Chuyên ngành cử nhân Hóa học	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
874	12	Nguyễn Văn Huân	07/07/1986		Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	01/9/2009	15.113	ĐH, Chuyên ngành Sư phạm TD; ĐH. Chuyên ngành II GDQP-AN	TD; QP-AN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
875	13	Vũ Văn Thanh	13/04/1986		Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	01/9/2009	15.113	ĐH, Quốc gia Hà Nội. Chuyên ngành: Cử nhân Công nghệ thông tin	Cử nhân CNTT	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
876	14	Phan Thị Hoài Ninh		13/04/1979	Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	1/10/2002	15.113	ĐH, chuyên ngành: Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
877	15	Phạm Thị The		04/06/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	01/09/2008	15.113	ĐH, chuyên ngành: Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
878	16	Dương Thị Nguyệt		15/11/1981	Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	01/10/2004	15.113	ĐH, chuyên ngành Sư phạm Sinh- KTNN	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
879	17	Vũ Xuân Lộc	30/6/1983		Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	10/09/2006	15.113	- ĐHKHH: Toán học; Thạc sĩ Toán giải tích	Toán	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
880	18	Đỗ Thị Thoa		20/09/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	01/09/2010	15.113	ĐH, chuyên ngành: Sư phạm Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
881	19	Trần Văn Trường	10/03/1984		Giáo viên	THPT Nguyễn Trãi	01/09/2008	15.113	ĐH, chuyên ngành: Cử nhân Tin học	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
882	20	Cao Thị Mơ		06/11/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Trãi	01/09/2005	15.113	ĐH, chuyên ngành: Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
883	21	Ngô Minh Nguyệt		11/08/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Trãi	15/09/2001	15.113	ĐH, chuyên ngành Sư phạm GD Chính trị	GD Chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
		32. THPT Lê Quý Đôn																		
884	1	Nguyễn Văn Diễn	13/03/1985		Tổ phó chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	01/09/2007	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sỹ : Phương pháp Toán sơ cấp	Sư phạm Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2025	Đạt	
885	2	Nguyễn Thị Thanh Hào		21/12/1979	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	25/09/2001	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2025	Đạt	
886	3	Nguyễn Văn Hưng	15/08/1990		Tổ phó chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	11/09/2012	15.113	ĐHSP	Sư phạm Kĩ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2024	Đạt	
887	4	Nguyễn Thị Anh Thư		10/07/1980	Tổ phó chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	1/10/2003	15.113	ĐHSP	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
888	5	Nguyễn Thị Oanh		18/03/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Sư phạm Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
889	6	Vũ Thị Hoa		25/07/1977	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/08/2024	Đạt	
890	7	Phan Văn Đồng	27/06/1981		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Sư Phạm Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
891	8	Nguyễn Phương Anh		15/08/1990	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	11/09/2012	15.113	ĐH sư phạm Ngữ văn. Thạc sỹ Ngữ văn	Sư phạm ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2024	Đạt	
892	9	Lâm Huy Đạt	10/10/1971		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	01/9/1994	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/06/2026	Đạt	
893	10	Lê Thành Quý	27/06/1982		Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
894	11	Nguyễn Thị Thu Lê		28/08/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2023	Đạt	
895	12	Đặng Thị Mỹ		01/09/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Sư phạm tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT Hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	
896	13	Vũ Thị Quý		30/01/1981	Tổ phó chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
897	14	Vũ Thị Ngân		13/04/1981	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
898	15	Đinh Văn Hai	09/08/1983		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	01/09/2005	15.113	ĐSHP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
899	16	Đỗ Thị Thúy		03/07/1985	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/9/2008	15.113	Đại học	Sư phạm tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
900	17	Nguyễn Thị Thanh Thúy		30/12/1990	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	11/09/2012	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2025	Đạt	
901	18	Nguyễn Thúy Hằng		13/02/1977	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/9/1998	15.113	Đại học	Sư phạm tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT Hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/3/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
902	19	Triệu Văn Đạo	18/08/1982		Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/09/2006	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
903	20	Nguyễn Văn Cường	10/10/1977		Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/09/1998	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/10/2025	Đạt	
904	21	Trương Thị Đông		11/8/1983	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	09/03/2008	15.113	Đại học Ngoại Ngữ- ĐHQG Hà Nội	Sư Phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
905	22	Nguyễn Thanh Thủy		09/08/1982	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
906	23	Phạm Thị Lương		23/03/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
907	24	Phạm Thị Hiền		10/01/1979	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
908	25	Nguyễn Thị Thu		03/04/1983	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/09/2005	15.113	Đại học Quốc Gia Hà Nội Khoa Sư phạm	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
909	26	Vũ Thị Quế Lương		30/10/1978	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
910	27	Nguyễn Thị Thảo		06/05/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT Lê Quý Đôn	01/09/2008	15.113	ĐHSP	TDDT-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
911	28	Nguyễn Thị Len		10/08/1984	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Sư phạm Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
912	29	Phạm Thị Thu Hà		25/03/1989	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/09/2011	15.113	Đại học cử nhân Sư phạm Sinh học; Thạc sĩ chuyên ngành LL & PPDH Sinh học	Sư phạm Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
913	30	Bùi Thị Duyên		06/08/1988	Giáo viên	THPT Lê Quý Đôn	01/10/2011	15.113	ĐH sư phạm Toán học, Thạc sĩ Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/04/2024	Đạt	
33. THPT A Hải Hậu																				
914	1	Vương Văn Thành	01/7/1985		Tổ phó chuyên môn	THPT A Hải Hậu	01/09/2009	15.113	ĐH TDĐT Bắc Ninh; ĐH Vinh	Cử nhân GDTC; Cử nhân GDQPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
915	2	Đoàn Thị Khánh Trang		12/07/1982	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/09/2006	15.113	ĐH Sư Phạm; Thạc sỹ: LL&PP Dạy học Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2024	Đạt	
916	3	Lại Thị Bích Nhài		08/04/1981	Tổ phó chuyên môn	THPT A Hải Hậu	01/10/2003	15.113	Đại học	Sư phạm Sinh -KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/07/2024	Đạt	
917	4	Đỗ Văn Lợi	28/05/1977		Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/09/1999	15.113	- Cử nhân chuyên ngành sư phạm Địa lý - ThS chuyên ngành Bản đồ viễn thám	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/09/2025	Đạt	
918	5	Phạm Văn Duyệt	01/01/1975		Giáo viên	THPT A Hải Hậu	20/12/1998	15.113	Cử nhân GDTC	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/09/2025	Đạt	
919	6	Phan Văn Thiện	02/11/1982		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Hải Hậu	01/10/2004	15.113	ĐH TDĐT Bắc Ninh	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
920	7	Phạm Xuân Khu	10/08/1988		Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/09/2011	15.113	Đại học Sư phạm Thể dục thể thao	Cử nhân GDTC - GDQPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
921	8	Nguyễn Thị Hương		19/05/1988	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/09/2010	15.113	ĐH	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
922	9	Bùi Thị Yên		22/01/1988	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/09/2010	15.113	ĐH sư phạm	Kĩ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
923	10	Nguyễn Thị Thúy Mùi		07/06/1979	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/10/2003	15.113	ĐH Sư phạm	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
924	11	Nguyễn Văn Chiêu	02/09/1975		Giáo viên	THPT A Hải Hậu	20/12/1998	15.113	Cử nhân GDTC	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/03/2026	Đạt	
925	12	Trần Kỳ Nam	10/09/1975		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Hải Hậu	01/10/1997	15.113	ĐH Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
926	13	Nguyễn Văn Hiển	09/09/1975		Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/09/1999	15.113	ĐHSP tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5 %	01/03/2026	Đạt	
927	14	Phạm Thị Thu Hiển		10/08/1980	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/10/2002	15.113	ĐH Sư Phạm; Thạc sỹ: LL&PP Dạy học Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	
928	15	Nguyễn Thị Tuyết Thanh		23/02/1981	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/10/2003	15.113	ĐH Sư phạm	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2025	Đạt	
929	16	Vũ Văn Đạm	30/11/1987		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Hải Hậu	01/09/2009	15.113	Đại học Sư phạm	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
930	17	Nguyễn Thị Mai		12/12/1977	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/09/1999	15.113	ĐHSP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/03/2026	Đạt	
931	18	Trần Thế Huỳnh	28/12/1978		Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/10/2003	15.113	Cử nhân GDTC	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
932	19	Nguyễn Thị Thanh Nhà		05/11/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Hải Hậu	01/10/2004	15.113	Đại học Sư phạm Hà Nội Thạc sĩ: LL và PPDH	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
933	20	Phạm Văn Dương	06/06/1967		Tổ phó chuyên môn	THPT A Hải Hậu	30/11/1989	15.113	ĐHSP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	16%	01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
934	21	Trần Thị Thu		02/08/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT A Hải Hậu	05/09/2007	15.113	Cử nhân Tin học	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2025	Đạt	
935	22	Trần Thị Minh Thúy		30/06/1992	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/10/2014	15.113	Đại học sư phạm Hà Nội	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2024	Đạt	
936	23	Lê Thị Diệp		05/07/1980	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/10/2002	15.113	ĐH sư phạm	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
937	24	Nguyễn Thị Hà		23/09/1991	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/09/2013	15.113	Đại Học Ngoại Ngữ - Đại Học Quốc Gia Hà Nội	Sư Phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
938	25	Nguyễn Hoài Nam	18/10/1978	x	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/11/2000	15.113	ĐHSP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2025	Đạt	
939	26	Trần Thị Phương Nhung		04/11/1984	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/09/2006	15.113	ĐHNN-ĐHQGHN: Sư phạm Tiếng Anh Thạc sỹ: Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
940	27	Quách Công Quang	05/06/1985		Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/09/2009	15.113	ĐH	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
941	28	Trần Văn Đoàn	21/06/1988		Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/09/2010	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
942	29	Bùi Thị Nụ		22/01/1978	Giáo viên	THPT A Hải Hậu	01/11/2000	15.113	ĐH Sư phạm	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/05/2025	Đạt	
		34. THPT B Hải Hậu																		
943	1	Vũ Thế Viên	27/03/1976		Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Hải Hậu	25/12/1997	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	9	4,98	8%	01/6/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
944	2	Nguyễn Thị Hạt		08/01/1981	Giáo viên	THPT B Hải Hậu	15/10/2003	15.113	Đại học Thạc sĩ	SP Ngữ văn; Ngôn ngữ VN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	- ' GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/05/2024	Đạt	
945	3	Đỗ Thị Huệ		28/10/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Hải Hậu	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Toán -Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
946	4	Nguyễn Văn Tịch	12/05/1985		Giáo viên	THPT B Hải Hậu	11/09/2008	15a.201	ĐHSP	TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
947	5	Trần Thị Lan		06/07/1987	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Hải Hậu	01/09/2011	15.113	ĐHSP	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GGVTHPT hạng III	VV0705.15	6	3,99		01/09/2026	Đạt	
948	6	Trần Thị Bích		20/06/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Hải Hậu	01/09/2006	15.113	Đại học	SP Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
949	7	Đinh Thị Trang		30/09/1990	Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/09/2013	15.113	ĐH	TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2026	Đạt	
950	8	Phạm Văn Chung	12/10/1984		Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
951	9	Vũ Anh Tuấn	19/04/1981		Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/10/2004	15.113	ĐHTDTT	SP GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
952	10	Trần Văn Thường	17/01/1983		Giáo viên	THPT B Hải Hậu	05/09/2007	15.113	ĐH	SP GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
953	11	Đinh Thị Nhưng		19/09/1985	Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/09/2009	15.113	Đại học	SP Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
954	12	Trần Thị Hải		24/08/1982	Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/10/2004	15.113	ĐHSP	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
955	13	Triệu Thị Thu Thủy		17/04/1986		THPT B Hải Hậu	03/09/2008	15.113	Đại học sư phạm	SP vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
956	14	Hoàng Thị Luyến		02/08/1987	Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/09/2009	15.113	ĐHSP	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
957	15	Nguyễn Thị Thoa		11/09/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Hải Hậu	01/09/2007	15.113	Đại học	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
958	16	Nguyễn Thị Huyền		04/05/1983	Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/09/2006	15.113	Đại học	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	- ' GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
959	17	Nguyễn Thị Trang		26/07/1989	Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/09/2013	15.113	Đại học	SP Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
960	18	Vũ Thị Thoa		23/01/1987	Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/09/2009	15.113	ĐHNN	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
961	19	Ngô Thị Tâm		28/03/1990	Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/09/2012	15.113	Đại học	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2025	Đạt	
962	20	Trần Thị Thu Dung		27/06/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Hải Hậu	03/09/2008	15.113	Đại học	Sp Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	- GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2026	Đạt	
963	21	Phạm Văn Lượng	02/02/1980		Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/09/2006	15a.201	Đại học	SP Sinh-hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
964	22	Phạm Thị Nhu		06/05/1990	Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/09/2013	15.113	Đại học	SP Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2026	Đạt	
965	23	Nguyễn Xuân Tân	10/02/1981		Giáo viên	THPT B Hải Hậu	01/09/2005	15.113	ĐHSP	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
976	1	Đình Văn Vang	20/01/1979		Tổ phó chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/10/2002	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Toán Giải tích	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/7/2025	Đạt	
977	2	Lại Văn Trường	20/05/1979		Tổ phó chuyên môn	THPT C Hải Hậu	15/09/2001	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Khoa học quản lý	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/7/2024	Đạt	
978	3	Trần Văn Hiến	06/12/1979		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/10/2002	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Khoa học quản lý	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2025	Đạt	
979	4	Nguyễn Thị Huê		06/10/1982	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/7/2024	Đạt	
980	5	Trần Đức Hiếu	26/09/1983		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Hóa Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
981	6	Vương Thị Xuyến		12/01/1983	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Hóa Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2024	Đạt	
982	7	Nguyễn Văn Hùng	28/10/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/09/2009	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2025	Đạt	
983	8	Nguyễn Thị Hoài		17/05/1979	Tổ phó chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2023	Đạt	
984	9	Trần Văn Ban	07/10/1988		Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/09/2010	15.113	ĐH Toán - Tin ứng dụng	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
985	10	Trần Thị Thuý Loan		14/7/1970	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/09/1994	15.113	ĐHSP Ngữ văn Thạc sỹ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	10 %	01/3/2026	Đạt	
986	11	Trần Thị Nụ		23/07/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/10/2003	15.113	ĐHSP HN2	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
987	12	Trần Văn Quế	15/01/1986		Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/9/2010	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
988	13	Lê Thị Hiền		04/04/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
989	14	Vũ Anh Tuấn	28/02/1981		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/09/2005	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2023	Đạt	
990	15	Đỗ Thị Đạm		09/07/1979	Tổ phó chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/10/2002	15.113	ĐH Ngoại Ngữ	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	
991	16	Vũ Thị Nhung		26/12/1990	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	11/09/2012	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
992	17	Phan Ngọc Tuân	10/01/1984		Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/09/2007	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
993	18	Lê Ánh Tuyết		28/07/1985	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/09/2007	15.113	ĐHKHTN	Địa lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2026	Đạt	
994	19	Phạm Thị Hằng		15/07/1976	Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/11/2000	15.113	ĐHSP	SP Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
995	20	Lê Tiến Thành	20/04/1975		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Hải Hậu	20/12/1998	15.113	ĐHSP I HN	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5 %	01/12/2025	Đạt	
996	21	Nguyễn Thị Thúy		25/3/1982	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/10/2004	15.113	ĐHSP HN2	Sinh - CTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2026	Đạt	
997	22	Bùi Văn Quảng	25/11/1982		Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/09/2006	15.113	ĐH Quốc Gia HN	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
998	23	Nguyễn Trung Thông	30/06/1968		Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/09/1994	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II		V.07.05.15	9	4,98	11 %	01/9/2026	Đạt	
999	24	Nguyễn Thị Nguyệt		16/06/1987	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/09/2009	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
1000	25	Phạm Thị Ninh		20/01/1990	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	11/09/2012	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/09/2024	Đạt	
1001	26	Đỗ Thuý Vân		05/05/1979	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
1002	27	Nguyễn Thị Luyến		25/10/1983	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1003	28	Mai Thị Nhung		05/07/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
1004	29	Bùi Thị Dung		05/02/1982	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
1005	30	Phạm Thị Thu Hiển		28/10/1982	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2026	Đạt	
1006	31	Trần Thị Ngọc Lan		21/04/1976	Tổ phó chuyên môn	THPT C Hải Hậu	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Sư phạm Kĩ Thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
1007	32	Vũ Thị Chiêu		16/10/1977	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/11/2000	15.113	ĐHTD TT	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/5/2024	Đạt	
1008	33	Bùi Thị Vũ Hoài		23/02/1981	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/1023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1009	34	Lê Thị Khuyến		03/09/1983	Giáo viên	THPT C Hải Hậu	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
36. THPT Thịnh Long																				
1010	1	Lê Thị Thủy Chung		10/08/1976	Tổ phó chuyên môn	THPT Thịnh Long	01/9/2000	15.113	Đại học sư phạm	Tiếng anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/3/2026	Đạt	
1011	2	Đặng Thị Hiền		28/02/1982	Giáo viên	THPT Thịnh Long	01/10/2004	15.113	Đại học sư phạm	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
1012	3	Vũ Văn Thịnh	24/10/1982		Tổ phó chuyên môn	THPT Thịnh Long	01/9/2007	15.113	Đại học Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
1013	4	Lê Phan Vũ	06/08/1979		Giáo viên	THPT Thịnh Long	01/10/2002	15.113	Đại học sư phạm	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/7/2025	Đạt	
1014	5	Bùi Thị Thêu		20/11/1980	Giáo viên	THPT Thịnh Long	01/10/2004	15.113	Đại học KHXH&NV;Thạc sĩ sư phạm ngữ văn	Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2025	Đạt	
1015	6	Trần Thị Lan Anh		14/04/1981	Giáo viên	THPT Thịnh Long	01/10/2003		Đại học sư phạm	Toán - Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/7/2024	Đạt	
1016	7	Nguyễn Thị Bích Ngọc		23/05/1979	Giáo viên	THPT Thịnh Long	15/9/2001	15.113	Đại học sư phạm	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/7/2025	Đạt	
1017	8	Nguyễn Thị Hằng		21/02/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT Thịnh Long	01/9/2007	15.113	Đại học sư phạm	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
1018	9	Nguyễn Quang Vinh	13/11/1981		Tổ phó chuyên môn	THPT Thịnh Long	01/10/2003	15.113	Đại học sư phạm	Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/07/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1019	10	Nguyễn Văn Đu	27/02/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT Thịnh Long	1/9/2007	15.113	Đại học Lịch sử	Cử nhân Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
1020	11	Nguyễn Minh Trí	04/12/1980		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Thịnh Long	01/10/2004	15.113	Đại học sư phạm	Văn học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/7/2025	Đạt	
1021	12	Lê Thị Bích Hong		13/01/1981	Giáo viên	THPT Thịnh Long	01/9/2005	15.113	Đại học sư phạm	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/6/2026	Đạt	
1022	13	Trần Thị Hoa		06/05/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Thịnh Long	01/10/2004	15.113	Đại học sư phạm	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
1023	14	Đỗ Văn Hùng	08/03/1987		Giáo viên	THPT Thịnh Long	01/9/2009	15.113	Đại học sư phạm	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
1024	15	Trần Thị Xuân		26/03/1985	Giáo viên	THPT Thịnh Long	01/9/2008	15.113	Đại học ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2023	Đạt	
1025	16	Hoàng Văn Phượng	11/02/1978		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Thịnh Long	01/9/2005	15.113	Đại học sư phạm	Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2023	Đạt	
1026	17	Vũ Văn Cảnh	19/02/1983		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Thịnh Long	01/9/2005	15.113	Đại học sư phạm	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
1027	18	Nguyễn Văn Nhị	22/02/1973		Giáo viên	THPT Thịnh Long	1/3/2000	15.113	Đại học Khoa học xã hội & nhân văn	Triết học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
1028	19	Vũ Văn Khanh	26/07/1987		Giáo viên	THPT Thịnh Long	01/9/2009	15.113	Đại học sư phạm Thể dục thể thao	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
1029	20	Bùi Thị Vân		25/05/1979	Giáo viên	THPT Thịnh Long	15/9/2001	15.113	Đại học sư phạm	Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1030	21	Nguyễn Văn Long	08/08/1978		Giáo viên	THPT Thịnh Long	15/9/2001	15.113	Đại học sư phạm; Thạc sĩ Toán học	Toán - Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	
1031	22	Đinh Thị Hiền		15/10/1990	Giáo viên	THPT Thịnh Long	01/09/2013	15.113	Đại học sư phạm	TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3.33		01/09/2023	Đạt	
		37. THPT Trần Quốc Tuấn																		
1032	1	Phan Văn Tiến	29/5/1985		Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	05/9/2008	15.113	-Đại học TDTT I; - Đại học Vinh	Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng an ninh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
1033	2	Vũ Duy Hữu	09/02/1978		Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	25/09/2001	15.113	ĐH TDTT I	Giáo dục thể chất		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2025	Đạt	
1034	3	Vũ Văn Hoà	18/08/1978		Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/11/2000	15.113	ĐH Thể dục thể thao	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/05/2024	Đạt	
1035	4	Nguyễn Trung Hiệu	12/08/1980		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Quốc Tuấn	01/10/2002	15.113	ĐH, Thạc sĩ Sư phạm	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
1036	5	Phạm Thị Thuý Hồng		20/07/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Quốc Tuấn	09/05/2005	15.113	Đại Học Sư Phạm, Thạc sĩ	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
1037	6	Trần Thị Vui		04/05/1979	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	15/09/2001	15.113	ĐHSP	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2025	Đạt	
1038	7	Bùi Văn Vụ	05/10/1984		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Quốc Tuấn	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
1039	8	Đinh Văn Bằng	05/03/1980		Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	02/01/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/07/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1040	9	Nguyễn Thị Tuyệt Hoa		01/12/1982	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
1041	10	Lương Thị Hoàng Anh		20/10/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Quốc Tuấn	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
1042	11	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		17/04/1979	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/10/2004	15.113	Đại học, Thạc sĩ văn học	Văn học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
1043	12	Trần Thị Kim Hoa		05/01/1977	Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Quốc Tuấn	01/11/2001	15.113	ĐHSP	Hoá Học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/05/2025	Đạt	
1044	13	Nguyễn Ngọc Hoá	03/06/1984		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Trần Quốc Tuấn	01/09/2006	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Toán học	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1045	14	Nguyễn Thanh Huyền		01/12/1990	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	11/09/2012	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/09/2024	Đạt	
1046	15	Phạm Thị Thanh Nga		18/09/1984	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/09/2006	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Toán học	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1047	16	Phạm Văn Thọ	17/12/1986		Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	10/12/2020	V.07.05.15	ĐH, Thạc sĩ Sư phạm	Vật lí	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		10/06/2026	Đạt	
1048	17	Nguyễn Thị Minh Thuận		19/11/1983	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	05/9/2006	15.113	ĐHSP, Thạc Sĩ Triết học	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1049	18	Nguyễn Ánh Dương	28/06/1978		Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	05/09/2001	15.113	ĐH TĐTT I	SP GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2025	Đạt	
1050	19	Vũ Thị Thu Thương		28/8/1990	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	14/9/2012	15a.201	ĐHSP, Thạc sĩ SP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/01/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1051	20	Đoàn Thị Thuý Chung		06/10/1980	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
1052	21	Trần Thị Hiền		06/09/1986	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Hoá Học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1053	22	Trần Thị Thuý		10/12/1980	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/10/2002	15.113	Đại học Sư phạm	Toán - Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
1054	23	Đỗ Thị Hiền		10/01/1987	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/09/2009	15.113	ĐH SP	Tiếng anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1055	24	Lê Thị Thường		25/12/1985	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1056	25	Mai Thị Lượ		01/08/1977	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/10/2003	15.113	ĐH Sư phạm	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
1057	26	Kim Văn Sơn	28/08/1981		Tổ phó chuyên môn	THPT Trần Quốc Tuấn	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Tiếng anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1058	27	Trần Thị Khuyên		12/07/1989	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1059	28	Trịnh Thị Chuyên		05/06/1983	Giáo viên	THPT Trần Quốc Tuấn	01/09/2005	15a.201	ĐHSP, Thạc sĩ SP Hoá	Hoá Học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
		38. THPT An Phúc																		
1060	1	Trần Văn Thái	16/10/1979		Tổ trưởng chuyên môn	THPT An Phúc	15/10/2003	15.113	ĐH Sư phạm Toán; - ThS: LL và PP dạy học môn Toán	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/02/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1061	2	Trần Quang Huy	02/12/1985		Giáo viên	THPT An Phúc	01/09/2013	15.113	ĐH TDĐT Bắc Ninh	TDĐT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/6/2025	Đạt	
1062	3	Hoàng Thu Giang		02/7/1987	Tổ trưởng chuyên môn	THPT An Phúc	11/9/2012	15.113	ĐHSP Lịch sử Thạc sĩ SP Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		11/9/2024	Đạt	
1063	4	Trần Thị Thanh		13/01/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT An Phúc	01/09/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
1064	5	Vũ Ngọc Tinh	14/12/1983		Giáo viên	THPT An Phúc	01/09/2007	15.113	ĐHSP Toán	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
1065	6	Trần Thị Chắt		26/10/1981	Giáo viên	THPT An Phúc	01/10/2003	15.113	ĐH Sư phạm Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	
1066	7	Nguyễn Thị Ngọc		12/01/1983	Giáo viên	THPT An Phúc	01/09/2009	15.113	ĐHSP Hóa học Thạc sĩ Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
1067	8	Kim Hồng Quản	31/10/1983		Tổ trưởng chuyên môn	THPT An Phúc	1/9/2006	15.113	ĐHSP Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
1068	9	Trần Thị Nguyệt		18/11/1987	Giáo viên	THPT An Phúc	1/9/2010	15.113	ĐHSP Địa lý	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2025	Đạt	
1069	10	Đặng Thị Thoa		02/08/1987	Giáo viên	THPT An Phúc	01/09/2010	15.113	ĐHSP TDĐT Hà Nội	GDTC - GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
1070	11	Trần Thái Sơn	20/11/1982		Giáo viên	THPT An Phúc	11/9/2008	15a.201	ĐH GDTC	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2023	Đạt	
1071	12	Nguyễn Quang Tín	04/09/1985		Giáo viên	THPT An Phúc	01/09/2007	15.113	ĐH Sư phạm Vật Lý	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1072	13	Nguyễn Thị Huệ		11/4/1984	Giáo viên	THPT An Phúc	04/09/2008	15a.201	ĐH - Ngữ văn	Cử nhân khoa học Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
1073	14	Vũ Thuần Khúc	17/09/1974		Tổ trưởng chuyên môn	THPT An Phúc	10/10/2002	15.113	ĐHSP Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	
1074	15	Nguyễn Thị Thìn		09/09/1988	Giáo viên	THPT An Phúc	01/09/2010	15.113	ĐH TĐTT Bắc Ninh	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
1075	16	Lê Văn Đàm	03/02/1987		Giáo viên	THPT An Phúc	01/09/2010	15.113	ĐH Sư phạm Tin học	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
1076	17	Nguyễn Thị Thanh Hải		18/07/1985	Giáo viên	THPT An Phúc	01/09/2009	15.113	ĐH Thái Nguyên	Công nghệ Thông tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1077	18	Nguyễn Thị Lanh		03/01/1991	Tổ phó chuyên môn	THPT An Phúc	01/10/2014	15.113	ĐHSP Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/4/2024	Đạt	
1078	19	Mai Thị Thanh Dung		01/04/1985	Giáo viên	THPT An Phúc	01/09/2007	15.113	ĐHSP Toán	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
1079	20	Nguyễn Thị Thủy		10/08/1985	Giáo viên	THPT An Phúc	01/09/2008	15.113	ĐH Sư phạm Văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
		39. THPT Vũ Văn Hiếu																		
1080	1	Đỗ Hồng Quân	02/05/1976		Giáo viên	THPT Vũ Văn Hiếu	01/04/1999	18.181	Đại học	Thể dục thể thao	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/7/2026	Đạt	
1081	2	Phạm Văn Tinh	06/09/1986		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Vũ Văn Hiếu	03/09/2008	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1082	3	Trần Thị Nga		16/07/1980	Giáo viên	THPT Vũ Văn Hiếu	01/10/2002	15.113	Đại học	Sư phạm Sinh - KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
1083	4	Nguyễn Thị Minh		22/10/1977	Giáo viên	THPT Vũ Văn Hiếu	01/09/1999	15.113	ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN	Văn học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/12/2025	Đạt	
1084	5	Mai Thị Hào		23/10/1990	Tổ phó chuyên môn	THPT Vũ Văn Hiếu	11/9/2012	15.113	Đại học sư phạm Toán Thạc sĩ Toán học	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/9/2024	Đạt	
1085	6	Nguyễn Công Đức	03/02/1988		Giáo viên	THPT Vũ Văn Hiếu	01/09/2010	15.113	ĐH Sư phạm Vật Lí; Thạc sỹ Sư phạm Vật Lí	Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
1086	7	Trần Thị Khuyên		06/05/1979	Giáo viên	THPT Vũ Văn Hiếu	15/09/2001	15.113	Đại học	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	
1087	8	Phạm Thị Huyền		21/02/1985	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Vũ Văn Hiếu	03/09/2008	15.113	Đại học sư phạm Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
1088	9	Trần Vĩnh Phúc	19/09/1975		Giáo viên	THPT Vũ Văn Hiếu	01/09/1997	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
1089	10	Lê Thị Quỳnh An		08/01/1982	Giáo viên	THPT Vũ Văn Hiếu	01/09/2005	15.113	Đại học	Địa lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2026	Đạt	
1090	11	Phan Thị Anh		22/01/1989	Giáo viên	THPT Vũ Văn Hiếu	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
1091	12	Trần Thu Hiền		29/06/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Vũ Văn Hiếu	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Sinh- Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2025	Đạt	
1092	13	Nguyễn Thị Thanh Hương		05/04/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Vũ Văn Hiếu	1/9/2007	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1103	1	Nguyễn Đức Trọng	03/02/1976		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Xuân Trường	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/05/2023	Đạt	
1104	2	Tổng Thị Khuyến		27/09/1988	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
1105	3	Đỗ Quốc Thiệu	11/03/1982		Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2005	15.113	ĐH Sinh-KTNN; Thạc sĩ SP Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
1106	4	Phạm Cao Thế	19/11/1983		Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/9/2005	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Toán -Tin; Toán giải tích		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
1107	5	Nguyễn Xuân Bắc	17/10/1976		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Xuân Trường	01/09/1997	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
1108	6	Vũ Thị Thanh Thủy		06/11/1986	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/9/2009	15.113	ĐHSP Hóa học Thạc sỹ hoá học hữu cơ	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
1109	7	Ngô Thị Loan		06/02/1985	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/9/2007	15.113	ĐH	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
1110	8	Phạm Thị Thanh Bình		19/11/1983	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2007	15.113	ĐH Sư phạm Ngữ Văn	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1111	9	Nguyễn Thị Bình		11/03/1974	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/11/1995	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/11/2025	Đạt	
1112	10	Trịnh Thị Lua		20/10/1984	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/9/2006	15.113	ĐHSP Hóa học Thạc sỹ LL và PP dạy học Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1113	11	Nguyễn Văn Thuận	05/06/1982		Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2005	15.113	Cử nhân SP Hóa; Thạc sĩ Hóa	Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1114	12	Phan Thị Huyền		15/12/1986	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1115	13	Nguyễn Thị Duyên		21/03/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Xuân Trường	01/9/2006	15.113	ĐHSP Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1116	14	Nguyễn Ngọc Diệp	27/8/1982		Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/10/2004	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
1117	15	Lê Thị Hải Yến		16/10/1987	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2009	15.113	ĐH Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1118	16	Nguyễn Thị Thanh Thủy		20/12/1987	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2009	15.113	ĐH Toán - Tin ứng dụng	Tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
1119	17	Nguyễn Thị Sinh		01/09/1989	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2011	15.113	ĐH Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
1120	18	Vũ Thị Nội		04/01/1983	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2007	15.113	ĐH	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1121	19	Đặng Thị Huyền		15/8/1986	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/9/2010	15.113	ĐH Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1122	20	Lê Thị Chinh		04/09/1987	Giáo viên	THPT Xuân Trường	11/09/2012	15.113	ĐHSP	GDTC-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/09/2024	Đạt	
1123	21	Đinh Công Huân	20/08/1982		Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/9/2006	15.113	ĐHSP Toán Thạc sỹ LL và PP dạy học Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1124	22	Trần Văn Thiên	17/08/1983			THPT Xuân Trường	1/9/2007	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1125	23	Đỗ Thị Huế		13/03/1984	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/9/2008	15.113	Đại học	Hoá học hữu cơ	CCNVSP bậc 1	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1126	24	Nguyễn Thị Huyền		09/05/1986	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2008	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sĩ SP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
1127	25	Đặng Thị Hồng		19/05/1988	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2011	15.113	Đại học	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
1128	26	Lê Thị Hoan		18/08/1983	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/09/2008	15.113	ĐH Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1129	27	Trịnh Văn Lịch	21/02/1982		Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/9/2006	15.113	Thạc sỹ lý luận và phương pháp dạy học Vật lí ĐH Vật lí	Vật Lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
1130	28	Đoàn Thị Diệu Mơ		12/9/1993	Giáo viên	THPT Xuân Trường	06/10/2015	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/4/2025	Đạt	
1131	29	Đỗ Thanh Huyền		15/01/1982	Giáo viên	THPT Xuân Trường	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
		41. THPT Xuân Trường B																		
1132	1	Vũ Thị Hoàng Ngân		10/08/1971	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/1994	15.113	Đại học	Sư phạm Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/9/2025	Đạt	
1133	2	Đoàn Văn An	02/06/1974		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Xuân Trường B	01/09/1995	15.113	ĐHSP	Vật lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/03/2026	Đạt	
1134	3	Phạm Văn Báu	15/09/1984		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Xuân Trường B	01/09/2007	15.113	ĐH Sư Phạm	Sinh - KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1135	4	Đặng Văn Tuyên	10/08/1979		Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/10/2003	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2024	Đạt	
1136	5	Hoàng Quốc Luân	13/04/1970		Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/1994	15.113	ĐH Sư Phạm HN1	Kĩ thuật Công nghiệp		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/09/2025	Đạt	
1137	6	Mai Xuân Nghĩa	23/10/1984		Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/2006	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sĩ Toán	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
1138	7	Đinh Thị Sáng		17/07/1974	Tổ phó chuyên môn	THPT Xuân Trường B	01/09/1997	15.113	ĐH, chuyên ngành Tiếng Anh sư phạm	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
1139	8	Trần Ngọc Duy	06/09/1984		Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
1140	9	Nguyễn Thị Đào		16/04/1983	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
1141	10	Vũ Mạnh Cường	02/04/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT Xuân Trường B	01/09/2005	15.113	ĐH Sư phạm Toán - Tin	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
1142	11	Phạm Thị Liễu		04/11/1976	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Xuân Trường B	20/12/1998	15.113	Cử nhân	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/12/2025	Đạt	
1143	12	Nguyễn Thị Bích Lộc		13/04/1980	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/10/2003	15.113	ĐH	Su Phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4.65		01/10/2024	Đạt	
1144	13	Bùi Thị Bính		12/06/1976		THPT Xuân Trường B	20/12/1998	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/6/2026	Đạt	
1145	14	Nguyễn Thị Lan		12/07/1988	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/2011	15.113	Cử nhân	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1146	15	Trần Thị Thao		30/01/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Xuân Trường B	01/09/2007	15.113	ĐH-Kỹ sư Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2025	Đạt	
1147	16	Phạm Thị Hà		10/11/1983	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/2006	15.113	Cử nhân	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1148	17	Trịnh Hoàng Trung	15/11/1985		Giáo viên	THPT Xuân Trường B	25/09/2008	15.113	ĐHSP	Vật lý		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
1149	18	Đặng Thị Như Quỳnh		07/07/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT Xuân Trường B	05/09/2008	15.113	Cử nhân	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
1150	19	Hoàng Thị Hương		01/02/1984	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/2006	15.113	ĐH Sư phạm	Sinh học - KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
1151	20	Trần Văn Anh	22/08/1978		Tổ phó chuyên môn	THPT Xuân Trường B	01/10/2003	15.113	Cử nhân	SP Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2024	Đạt	
1152	21	Vũ Thị Mến		28/09/1980		THPT Xuân Trường B	01/10/2004	15.113	Cử nhân	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
1153	22	Mai Xuân Bách	05/12/1976		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Xuân Trường B	01/10/2002	15.113	Sư phạm Địa lí	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4.98		01/10/2025	Đạt	
1154	23	Phan Văn Chính	16/09/1991		Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/10/2014	15.113	ĐH - Sư phạm Địa lí	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2024	Đạt	
1155	24	Nguyễn Thị Hồi		26/03/1985		THPT Xuân Trường B	01/09/2007	15.113	ĐH Tiếng Anh Sư phạm	Tiếng Anh Sư phạm		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
1156	25	Nguyễn Thị Khuyên		14/05/1983	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/2006	15.113	ĐH Ngoại Ngữ	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ các tiêu chuẩn,</i> <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1157	26	Bùi Đức Trường	04/06/1983		Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/2008	15.113	ĐH KHTN - ĐHQGHN	Toán Tin ứng dụng	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
1158	27	Mai Thị Thanh Hương		22/09/1982	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	8	4,65	0	01/10/2025	Đạt	
1159	28	Phan Văn Phương	03/01/1988		Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1160	29	Ngô Thị Trà Mi		06/03/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Xuân Trường B	01/9/2007	15.113	ĐHSP	GDCD		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
1161	30	Vũ Thị Ngoan		20/02/1986	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2023	Đạt	
1162	31	Đào Thị Nhung		21/12/1990	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	11/09/2012	15.113	Cử nhân	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/03/2025	Đạt	
1163	32	Nguyễn Thị Hằng		09/07/1990	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/09/2013	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/6/2024	Đạt	
1164	33	Phạm Thị Đan		02/08/1987	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/9/2009	15.113	Đại học sư phạm Hà Nội SP Vật lý	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3.99		01/06/2025	Đạt	
1165	34	Đinh Thị Liễu		01/11/1978	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/11/2000	15.113	ĐH KHTN -Đại học Quốc Gia HN	Hóa Học	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
1166	35	Trần Thị Bích Lương		11/04/1980	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/10/2002	15.113	ĐHSP	GDCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
1167	36	Bùi Việt Hà	11/05/1979		Tổ phó chuyên môn	THPT Xuân Trường B	01/10/2003	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1168	37	Hoàng Thị Thu		29/08/1993	Tổ phó chuyên môn	THPT Xuân Trường B	06/10/2015	15.113	ĐH Sư phạm	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/4/2025	Đạt	
1169	38	Nguyễn Thị Nhưng		10/02/1988	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	01/10/2014	15.113	Đại học Ngoại Ngữ- Đại học Quốc Gia Hà Nội	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2024	Đạt	
1170	39	Trần Mạnh Hùng	01/11/1977			THPT Xuân Trường B	01/11/2000	15.113	Cử nhân	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
		42. THPT Xuân Trường C																		
1171	1	Nguyễn Thị Hoạt		02/8/1975	Tổ phó chuyên môn	THPT Xuân Trường C	15/9/2001	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2025	Đạt	
1172	2	Vũ Thị Ngọc Hoài		24/9/1987	Giáo viên	THPT Xuân Trường C	01/9/2010	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2025	Đạt	
1173	3	Trần Thị Nhi		05/01/1982	Giáo viên	THPT Xuân Trường C	01/9/2005	15.113	ĐHQGHN	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2026	Đạt	
1174	4	Vũ Thị Trường		08/10/1976	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Xuân Trường C	20/12/1998	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/10/2025	Đạt	
1175	5	Nguyễn Văn Thế	18/03/1980		Tổ phó chuyên môn	THPT Xuân Trường C	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
1176	6	Nguyễn Thị Hương		15/10/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Xuân Trường C	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Sinh - Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	
1177	7	Cao Nguyễn Giáp	26/01/1979		Giáo viên	THPT Xuân Trường C	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Vật li-KTCN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1188	1	Trần Thị Thanh Huyền		21/05/1984	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2007	15.113	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Sư phạm Sinh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
1189	2	Lê Thị Thanh Hương		17/06/1978	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2006	15.113	ĐH Sư phạm TPHCM	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		17/6/2024	Đạt	
1190	3	Phạm Thị Thủy Linh		24/11/1985	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2007	15.113	ĐH Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
1191	4	Hoàng Văn Huy	04/11/1986		Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2008	15.113	ĐHSP Hà Nội 2	Sư phạm Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
1192	5	Lê Thị Thu Thủy		04/08/1975	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/02/1997	15.113	ĐHSHPN	KTCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/12/2025	Đạt	
1193	6	Ngô Hương Lan		10/11/1989	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Kỹ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
1194	7	Mai Thị Miên		03/01/1982	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/10/2004	15.113	ĐH Vinh	Sư phạm Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
1195	8	Đỗ Thị Vân		02/10/1979	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	15/09/2001	15.113	ĐHSHPN	Sư phạm Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
1196	9	Hoàng Thị Hải		25/10/1987	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2009	15.113	ĐH TDTT Bắc Ninh	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
1197	10	Nguyễn Thủy Duyên		20/05/1987	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2009	15.113	ĐH Sư phạm	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1198	11	Ngô Xuân Khoái	25/02/1984		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2007	15.113	ĐH Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1199	12	Nguyễn Thị Nhung		06/07/1987	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2009	15.113	ĐH Tây Bắc	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1200	13	Phùng Thị Ngọc		02/04/1988	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/10/2014	15.113	Đại học (ĐHSPHN2) Thạc sĩ (ĐHSPHN)	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/4/2024	Đạt	
1201	14	Nguyễn Thị Len		25/09/1988	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2010	15.113	Đại học sư phạm, Đại học Thái Nguyên	Sư phạm Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
1202	15	Phan Thị Nhài		03/06/1984	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2006	15.113	Đại học	Sư phạm Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
1203	16	Nguyễn Thị Hồng Quyên		24/01/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2009	15.113	Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	Sư phạm tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1204	17	Ngô Thị Sơn		29/03/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2009	15.113	ĐH Sư phạm Hà Nội	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1205	18	Ngô Hoàng Trang		18/02/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Trường Thúy	01/09/2008	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II		V.07.05.15	6	3,99		01/9/2023	Đạt	
		44. THPT Giao Thủy																		
1206	1	Trần Đức Phương	14/04/1981		Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2025	Đạt	
1207	2	Phạm Thị Thu Hương		24/05/1976	Giáo viên	THPT Giao Thủy	20/12/1998	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/3/2026	Đạt	
1208	3	Trần Văn Năm	03/7/1977		Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/10/2002	15.113	- ĐH Thể dục thể thao - ĐH Vinh	Sư phạm Giáo dục thể chất - Giáo dục Quốc phòng An ninh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1209	4	Phùng Thị Dung		04/06/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Giao Thủy	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
1210	5	Nguyễn Thanh Thuận	24/06/1981		Giáo viên	THPT Giao Thủy	10/1/2003	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/7/2024	Đạt	
1211	6	Phan Hoàng Diễm	20/3/1985		Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
1212	7	Bùi Thị Quỳnh Phương		01/10/1971	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giao thủy	01/9/1995	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/3/2026	Đạt	
1213	8	Cao Thị Nhân		29/11/1979	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/10/2002	15.113	ĐHSP	SPKT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2025	Đạt	
1214	9	Nguyễn Xuân Chuẩn	01/12/1982		Giáo viên	THPT Giao Thủy	1/10/2004	15.113	ĐHSP	Toán-Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
1215	10	Nguyễn Thị Thu Thủy		15/10/1991	Giáo viên	THPT Giao Thủy	10/6/2015	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/4/2025	Đạt	
1216	11	Mai Văn Hiệu	03/11/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT Giao Thủy	01/9/2006	15.113	ĐHSP	SINH-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/6/2026	Đạt	
1217	12	Vũ Thị Lan		12/06/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giao Thủy	01/10/2003	15.113	ĐHTDTTI	Sư phạm GDTC	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
1218	13	Vũ Thị Anh Đào		23/10/1982	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
1219	14	Phạm Thị Thơm		17/12/1986	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/09/2008	15.113	Đại học ngoại ngữ-ĐH Đà Nẵng	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1220	15	Phạm Văn Vĩnh	15/10/1978		Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/11/2000	15.113	Đại học thể dục thể thao	Thể dục thể thao		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
1221	16	Hoàng Thị Thanh Dung		16/5/1983	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/9/2005	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2026	Đạt	
1222	17	Phùng Văn Huân	06/4/1985		Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2023	Đạt	
1223	18	Phạm Thị Phương Thảo		12/02/1985	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/9/2008	15.113	ĐHSP	SP TĐTT - GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
1224	19	Đặng Văn Hạnh	14/10/1980		Giáo viên	THPT Giao Thủy	10/1/2002	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	
1225	20	Trần Thị Hát		14/01/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Giao Thủy	01/09/2009	15.113	Đại học	Công nghệ thông tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
1226	21	Phùng Thị Trang		09/8/1985	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
1227	22	Nguyễn Thị Cúc		13/10/1984	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/09/2007	15.113	ĐH ngoại ngữ ĐHQGHN	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
1228	23	Đặng Thị Tho		18/02/1983	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
1229	24	Trần Thị Lý		28/11/1975	Tổ phó chuyên môn	THPT Giao Thủy	01/9/1997	15.113	ĐHSP	Sư phạm Kĩ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
1230	25	Cao Thị Thủy		01/04/1986	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
1231	26	Nguyễn Thị Đinh		22/12/1981	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/9/2005	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2026	Đạt	
1232	27	Trần Long Biển	08/10/1983		Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/09/2005	15.111	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
1233	28	Hoàng Thị Mai		25/05/1984	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/9/2006	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ sư phạm Vật lí.	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
1234	29	Lại Thị Thanh		08/10/1986	Giáo viên	THPT Giao Thủy	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
		45. THPT Giao Thủy B																		
1235	1	Tổng Văn Ký	15/08/1986		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2008	15.113	Đại học, Thạc sĩ	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1236	2	Phạm Văn Mạnh	15/06/1981		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giao Thủy B	01/09/2006	15.113	Đại học	SP Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2026	Đạt	
1237	3	Phùng Thị Phương Thảo		26/10/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giao Thủy B	01/11/2000	15.113	Đại học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/05/2024	Đạt	
1238	4	Vũ Thị Nhuan		03/01/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giao Thủy B	20/10/2003	15.113	Đại học	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2024	Đạt	
1239	5	Mai Công Thành	10/09/1976		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giao Thủy B	01/09/1997	15.113	CDảng SP Đại học	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/6/2026	Đạt	
1240	6	Vũ Thị Hằng		17/01/1979	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/10/2003	15.113	Đại học	GD Chính trị		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1241	7	Đỗ Văn Thúc	25/12/1984		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2008	15.113	ĐHSP	SP Sinh- KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
1242	8	Lại Văn Lương	03/09/1979		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giao Thủy B	01/10/2002	15.113	Đại học	Vật lý-KTCN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2026	Đạt	
1243	9	Vũ Văn Hà	28/03/1981		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/10/2003	15.113	Đại học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
1244	10	Ngô Văn Hương	23/05/1976		Tổ phó chuyên môn	THPT Giao Thủy B	01/03/2000	15.113	Đại học	TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/03/2026	Đạt	
1245	11	Đỗ Văn Ta	11/03/1983		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2005	15.113	Đại học	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
1246	12	Nguyễn Quốc Oánh	01/07/1981		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/10/2004	15.113	Đại học	Vật lý-KTCN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
1247	13	Nguyễn Thị Yến		20/09/1980	Tổ phó chuyên môn	THPT Giao Thủy B	01/10/2004	15.113	Đại học	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
1248	14	Nguyễn Thị Thủy Linh		16/06/1985	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh SP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
1249	15	Bùi Văn Thuận	21/01/1982		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
1250	16	Tạ Thị Mai		16/04/1983	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2009	15.113	Đại học	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
1251	17	Nguyễn Thị Ninh		20/06/1981	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2005	15.113	Đại học	GD thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1252	18	Lê Văn Tân	05/05/1985		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2008	15.113	Đại học	SP Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
1253	19	Vũ Thanh Trình	09/06/1980		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2007	15.113	Đại học	Toán - Tin Ứng Dụng	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1254	20	Doãn Đình Dũng	04/05/1989		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2011	15.113	Đại học	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
1255	21	Hoàng Thọ Chân	17/08/1984		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2007	15.113	Đại học	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
1256	22	Đặng Thị Quy		18/08/1987	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2010	15.113	Đại học	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1257	23	Nguyễn Thị Nguyệt		22/12/1984	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh SP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1258	24	Trịnh Thị Sim		17/02/1982	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
1259	25	Nguyễn Thị Ngọc Lan		12/02/1983	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
1260	26	Trần Thị Mừng		14/03/1971	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	16/02/1998	15.113	Đại học	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/02/2026	Đạt	
1261	27	Lê Khởi Động	15/07/1986		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư Phạm TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1262	28	Nguyễn Thị Thanh Hải		09/11/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Giao Thủy B	01/09/2007	15.113	ĐH	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1263	29	Hoàng Thị Huyền		23/12/1980	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/10/2002	15.113	Đại học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
1264	30	Là Thị Hồng Nhưng		08/03/1985	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2008	15.113	Đại học	SP Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1265	31	Lưu Thị Bích Huyền		11/12/1983	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2008	15.113	Đại học	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
1266	32	Trần Thị Khánh		17/11/1986	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2008	15.113	Đại học	Ngữ Văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1267	33	Lê Thị Thái		05/09/1980	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2008	15a.201	Đại học	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1268	34	Nguyễn Văn Trọng	15/06/1988		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2010	15.113	Đại học	GD thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
1269	35	Vũ Văn Duy	16/06/1987		Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2011	15.113	Đại học Đại học	SP TDDT GDQPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
1270	36	Nguyễn Thị Hồng		22/09/1985	Giáo viên	THPT Giao Thủy B	01/09/2008	15.113	Đại học	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
		46. THPT Giao Thủy C																		
1271	1	Phạm Thị Hào		01/12/1985		THPT Giao Thủy C	01/09/2008	15.113	Đại học	Tin học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
1272	2	Trần Thị Thu Hà		11/05/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giao Thủy C	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1273	3	Nguyễn Xuân Dương	25/10/1974		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giao Thủy C	01/09/1999	15.113	ĐHTDTT	GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/6/2026	Đạt	
1274	4	Hồ Thị Phụng		10/04/1985	Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/9/2011	15.113	ĐH	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2025	Đạt	
1275	5	Tổng Văn Vinh	06/07/1980		Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/4/2004	15.113	Đại học	GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
1276	6	Phan Văn Thao	03/10/1976		Tổ phó chuyên môn	THPT Giao Thủy C	01/09/1997	15.113	Đại học	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
1277	7	Đặng Thị Mai		24/09/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giao Thủy C	01/10/2004	15.113	Thạc sỹ	Sư Phạm Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
1278	8	Trần Văn Hiến	06/08/1986		Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/09/2009	15.113	Đại học	GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
1279	9	Trần Đức Hoàn	24/12/1986		Giáo viên	THPT Giao Thủy C	03/09/2008	15.113	ĐHSP	Địa lý		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
1280	10	Trần Văn Vinh	01/06/1980		Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/10/2002	15.113	ĐH KHXH và NV(ĐH quốc gia HN)	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
1281	11	Phạm Hà Tuyền	02/09/1984		Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Vật lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1282	12	Trần Thị Thu		29/09/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giao Thủy C	1/9/2006	15.113	ĐHSP	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1283	13	Đoàn Xuân Tĩnh	25/05/1976		Tổ phó chuyên môn	THPT Giao Thủy C	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Lịch Sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/05/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1284	14	Phan Thị Yến		26/02/1984	Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1285	15	Nguyễn Thị Vóc		11/08/1975	Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/09/1997	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
1286	16	Nguyễn Thị Tuất		13/02/1982	Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
1287	17	Trần Thị Hương		15/05/1986	Giáo viên	THPT Giao Thủy C	03/9/2008	15.113	ĐHSP	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
1288	18	Nguyễn Thị Thường		09/11/1984	Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1289	19	Vũ Thị Phương Hoa		21/11/1992	Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/09/2023	Đạt	
1290	20	Trần Duy Hưng	08/02/1982		Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
1291	21	Nguyễn Thị Bốn		20/11/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Giao Thủy C	1/9/2006	15.113	ĐHSP	Sinh Học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1292	22	Phạm Văn Toàn	27/02/1977		Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2023	Đạt	
1293	23	Nguyễn Thị Thoa		28/11/1987	Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
1294	24	Đoàn Thị Ngân		08/08/1990	Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/09/2013	15.113	ĐHSP TDTT	GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1295	25	Doãn Thu Trang		12/02/1980	Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/10/2002	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2026	Đạt	
1296	26	Đinh Minh Hiệt	29/04/1979		Giáo viên	THPT Giao Thủy C	15/9/2001	15.113	Đại học	Toán - Tin học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
1297	27	Đặng Thị Kim Cúc		01/06/1990	Giáo viên	THPT Giao Thủy C	01/9/2013	15.113	ĐHSP	Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2025	Đạt	
1298	28	Lại Văn Hạnh	02/05/1978			THPT Giao Thủy C	15/9/2001	15.113	ĐHSP	Vật lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
1299	29	Vũ Thị Thon		06/01/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Giao Thủy C	01/09/2007	15.113	ĐHSP	Tin học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
		47. THPT Quất Lâm																		
1300	1	Cao Ngọc Thu	26/01/1976		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Quất Lâm	20/12/1998	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/03/2026	Đạt	
1301	2	Trần Văn Khương	28/5/1987		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Quất Lâm	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2024	Đạt	
1302	3	Nguyễn Thành Công	09/6/1985		Tổ phó chuyên môn	THPT Quất Lâm	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
1303	4	Cao Văn Anh	21/09/1981		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Quất Lâm	01/10/2003	15.113	ĐH Ngữ văn, Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
1304	5	Nguyễn Thị Mai Hương		12/8/1991	Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/4/2016	V.07.05.15	Thạc sĩ Hóa, ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/7/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1305	6	Nguyễn Hùng Mạnh	02/8/1988		Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/9/2013	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/6/2025	Đạt	
1306	7	Trần Thị Nền		11/12/1990	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Quất Lâm	11/9/2012	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/03/2025	Đạt	
1307	8	Nguyễn Văn Hội	04/02/1985		Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
1308	9	Đỗ Thị Thanh An		04/11/1981	Tổ phó chuyên môn	THPT Quất Lâm	10/10/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
1309	10	Nguyễn Thị Diễn		04/04/1987	Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1310	11	Vũ Xuân Hồng	25/10/1986		Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/9/2009	15.113	ĐHSP	TC-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1311	12	Trịnh Ngọc Diệp		31/8/1986	Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1312	13	Nguyễn Thị Hiền		29/12/1985	Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1313	14	Đỗ Thị Thơm		13/04/1986	Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
1314	15	Nguyễn Thị Nður		02/02/1988	Giáo viên	THPT Quất Lâm	16/9/2010	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2023	Đạt	
1315	16	Mai Thị Hát		12/11/1990	Giáo viên	THPT Quất Lâm	06/11/2012	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		06/11/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1316	17	Hoàng Thị Vân		25/02/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Quất Lâm	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1317	18	Phạm Thị Quyên		12/02/1987	Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/9/2013	15.113	ĐHSP	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2026	Đạt	
1318	19	Cao Văn Thái	23/02/1979		Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/10/2002	15.113	ĐHNN I Hà Nội	KTNN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
1319	20	Trần Thị Lan Anh		23/02/1985	Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/9/2007	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1320	21	Hoàng Thị Kim Cúc		03/02/1986	Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
1321	22	Phan Văn Thọ	18/4/1979		Giáo viên	THPT Quất Lâm	10/1/2002	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2024	Đạt	
1322	23	Hà Văn Sỹ	02/8/1981		Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1323	24	Phạm Thị Thu Hà		05/6/1980	Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/10/ 2004	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
1324	25	Tổng Thị Liễu		05/01/1985	Giáo viên	THPT Quất Lâm	01/9/2009	15.113	ĐHSP Toán - Thạc sĩ Toán Ứng dụng	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
		48. THPT Đinh Tiên Hoàng																		
1325	1	Phạm Thị Thanh Vân		20/12/1981	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	01/10/2008	15.113	ĐHSP	GDTC-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương liên hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1326	2	Phạm Thị Thủy		06/10/1979	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/9/2001	15.113	ĐHSP	Vật Lý - Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2024	Đạt	
1327	3	Nguyễn Thị Liên		04/04/1977	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	01/09/2001	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2024	Đạt	
1328	4	Nguyễn Ngọc Linh		23/6/1985	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	01/10/2008	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/7/2026	Đạt	
1329	5	Lê Mạnh Thắng	28/9/1982		Tổ phó chuyên môn	THPT Đinh Tiên Hoàng	01/01/2008	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
1330	6	Phạm Văn Tuân	27/12/1968		Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/8/1992	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	16%	01/9/2026	Đạt	
1331	7	Phạm Nam Bình	25/02/1980		Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/9/2003	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/7/2026	Đạt	
1332	8	Nguyễn Thị Hải Văn		15/6/1978	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	15/1/2002	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2025	Đạt	
1333	9	Trần Thị Thúy Vân		24/04/1983	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/9/2006	15a.201	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2024	Đạt	
1334	10	Vũ Thị Huyền		25/01/1987	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	14/08/2009	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
1335	11	Trần Thị Hiếu		15/11/1976	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/10/1997	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/6/2026	Đạt	
1336	12	Vũ Thị Bích Ngọc		18/08/1989	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	14/09/2011	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1337	13	Nguyễn Thị Kim Ngân		24/02/1984	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/9/2006	15.113	ĐHSP Thạc sĩ	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
1338	14	Phạm Thị Thanh Bình		30/10/1977	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/9/1999	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
1339	15	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		11/10/1980	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/9/2002	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2023	Đạt	
1340	16	Mai Thị Thúy		27/09/1978	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/9/2006	15.113	ĐH Tin học	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1341	17	Trần Hoài Thanh	14/5/1978		Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/9/2002	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03//2024	Đạt	
1342	18	Ngô Thị Chí		28/6/1973	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/11/1996	15.113	ĐHSP	Sinh - KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/11/2025	Đạt	
1343	19	Mai Thị Thu		01/02/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/10/2005	15.113	ĐHSP	Vật Lí - Tin Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2026	Đạt	
1344	20	Đào Thị Bích Thủy		05/08/1983	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	01/09/2005	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1345	21	Bùi Phương Chi		06/8/1976	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/9/1999	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
1346	22	Trần Thị Phương		19/07/1984	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	1/9/2006	15.113	ĐHSP	Hóa Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
1347	23	Tô Thị Hồng Nhung		08/7/1985	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	15/8/2008	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1348	24	Phùng Thị Thảo		22/10/1981	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
1349	25	Phạm Mai Huyền		26/04/1985	Giáo viên	THPT Đinh Tiên Hoàng	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
		49. THPT B Trần Hưng Đạo																		
1350	1	Phạm Thị Bình Xuyên		02/03/1991	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	01/12/2016	V.07.05.15	ĐH, Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ, LL&PPDH bộ môn Vật lý	Sư phạm Vật lý LL&PPDH bộ môn Vật lý		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/6/2025	Đạt	
1351	2	Ngô Ngọc Kiên	20/10/1993		Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	12/10/2015	15.113	ĐH, Sư phạm Hoá học; Thạc sĩ, LL&PPDH bộ môn Hoá học	Sư phạm Hóa học LL&PPDH bộ môn Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2025	Đạt	
1352	3	Hoàng Đình Minh	17/04/1974		Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2023	Đạt	
1353	4	Đình Văn Quân	01/02/1970		Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	01/09/2001	15.113	ĐH	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2024	Đạt	
1354	5	Vũ Thị Luyến		12/02/1980	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	01/09/2002	15.113	ĐH	Toán - Tin ứng dụng	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/6/2026	Đạt	
1355	6	Phạm Thị Kim Huệ		27/08/1974	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	01/11/1996	15.113	ĐHSP	Sinh - Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/11/2025	Đạt	
1356	7	Trần Tuấn Anh	26/10/1989		Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	01/04/2015	15.113	ĐHSP II khoa GDTC-GDQP; Thạc sĩ khoa học giáo dục	GDTC-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/7/2024	Đạt	
1357	8	Phạm Thị Thanh Hoa		02/10/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Trần Hưng Đạo	02/10/2000	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1358	9	Vũ Hoàng Tư	26/04/1979		Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	29/08/2003	15.113	ĐHSP - Vật lí-Kỹ thuật công nghiệp Thạc sỹ Phương pháp giảng dạy Vật lí	Vật lí-Kỹ thuật công nghiệp Phương pháp giảng dạy Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
1359	10	Lê Thị Duyên		15/07/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Trần Hưng Đạo	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
1360	11	Lê Anh Thái	31/07/1982		Tổ phó chuyên môn	THPT B Trần Hưng Đạo	06/09/2004	15.113	ĐHSP	Vật lí - tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
1361	12	Phạm Thị Phương Nga		12/11/1983	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	1/10/2005	15a.201	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
1362	13	Mai Thị Hồng Quế		08/07/1978		THPT B Trần Hưng Đạo	02/10/2000	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2023	Đạt	
1363	14	Phạm Thị Tổ Loan		12/11/1977	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2023	Đạt	
1364	15	Nguyễn Thị Huyền		12/02/1979	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	09/01/2002	15.113	ĐH	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2025	Đạt	
1365	16	Nguyễn Thị Huế		31/10/1983	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	01/09/2006	15a.201	ĐH	Sinh học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1366	17	Ngô Thị Phúc		29/4/1985	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	1/9/2009	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1367	18	Đoàn Thị Hòa		14/12/1982	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	06/09/2004	15.113	ĐH Hóa học; Thạc sỹ - Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
1368	19	Lê Thị Kim Dung		04/03/1983	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	06/09/2006	15.113	ĐHSP Thạc sỹ giáo dục học (lí luận và PPDH Địa lý)	Sư phạm Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1369	20	Nguyễn Thị Duyên		04/06/1985	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	01/9/2007	15.111	ĐHSP	Sư phạm Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
1370	21	Lương Thị Quyên		09/01/1984	Giáo viên	THPT B Trần Hưng Đạo	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
		50. THPT Ninh Bình - Bạc Liêu																		
1371	1	Đặng Thị Thu Cúc		11/10/1980	Tổ phó chuyên môn	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/9/2003	15.113	Đại học	SP Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	8	4,65		01/3/2025	Đạt	
1372	2	Vũ Thị Thúy Hiên		06/02/1985	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/10/2007	15.113	Đại học	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1373	3	Đỗ Thị Hà		28/11/1979	Tổ phó chuyên môn	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/4/2015 (01/3/2004 ký hợp đồng dài hạn)	15.113	Đại học	SP Tâm lý - Giáo dục		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
1374	4	Phạm Thị Tuyệt Nhung		13/9/1985	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/01/2011	15.113	Đại học Thạc sỹ	- SP Ngữ văn - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn.		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1375	5	Phạm Thị Hà		28/05/1986	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/12/2015 (01/11/2011 ký hợp đồng dài hạn)	15.113	Đại học	SP Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	5	3,66		01/06/2024	Đạt	
1376	6	Phạm Tiến Linh	05/4/1986		Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/12/2008	15a.201	Đại học	SP Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
1377	7	Nguyễn Văn Huân	15/4/1982		Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/10/2005	15.113	Đại học Thạc sỹ	- SP Toán Tin - Quản lý giáo dục	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	7	4,32		01/01/2024	Đạt	
1378	8	Đinh Thùy Dương		28/7/1989	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/10/2012	15.113	Đại học	SP Giáo dục Chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	5	3,66		01/10/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1379	9	Hoàng Thị Thu Hương		28/09/1982	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/10/2005	15.113	Đại học	Sư phạm kĩ thuật công nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
1380	10	Hoàng Thị Đoan Trang		26/7/1976	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/4/2015 (01/3/2004 ký hợp đồng dài hạn)	15.113	Đại học	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	7	4,32		01/01/2024	Đạt	
1381	11	Đinh Thị Dung		12/02/1979	Tổ phó chuyên môn	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/9/2001	15.113	Đại học	SP Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	9	4,98		01/9/2024	Đạt	
1382	12	Nguyễn Thị Huế		17/6/1976	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/10/1997	15.113	Đại học	SP Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	9	4,98	7%	01/6/2026	Đạt	
1383	13	Nguyễn Thị Thu Hiền		23/12/1981	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/4/2015 (05/01/2005 ký hợp đồng dài hạn)	15.113	Đại học	SP ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	7	4,32		01/01/2024	Đạt	
1384	14	Phạm Thị Huệ		07/02/1977	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/9/1999	15.113	Đại học	SP Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	9	4,98	5%	01/3/2026	Đạt	
1385	15	Hoàng Thị Huệ		02/04/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/10/2007	15.113	Đại học	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1386	16	Nguyễn Thị Hoàng Giang		27/4/1978	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/9/2001	15.113	Đại học Thạc sĩ	- SP Ngữ văn - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam.		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	9	4,98		01/9/2025	Đạt	
1387	17	Phạm Thị Lan Phương		19/06/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/9/2003	15.113	Đại học	SP tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
1388	18	Trịnh Thị Kim Phương		21/11/1984	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/10/2008	15.113	Đại học	Cử nhân Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	6	3,99		01/8/2024	Đạt	
1389	19	Đàm Thị Hường		08/01/1982	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/4/2015 (05/01/2005 ký hợp đồng dài hạn)	15.113	Đại học	SP ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	7	4,32		01/10/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính đề xét năng bậc lương lần sau		
1390	20	Nguyễn Thu Thủy		13/12/1986	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	15/8/2009	15.113	- Đại học - Thạc sỹ	^ SP Ngữ văn - Văn học.		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	6	3,99		01/02/2025	Đạt	
1391	21	Trần Thị Hoa		15/11/1981	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/4/2015 (05/01/2005 ký hợp đồng dài hạn)	15.113	Đại học	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	7	4,32		01/01/2024	Đạt	
1392	22	Nguyễn Thị Hồng Suốt		29/02/1988	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	15/9/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	5	3,66		01/3/2024	Đạt	
1393	23	Chu Thị Ứng		31/01/1980	Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/9/2003	15.113	Đại học	SP Sinh - KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
1394	24	Đồng Minh Quang	16/11/1984		Giáo viên	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	01/04/2015 (01/10/2010 ký hợp đồng dài hạn)	15.113	Đại học	SP Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HẠNG III	V07.05.15	6	3,99		01/10/2025	Đạt	
		51. THPT Hoa Lư A																		
1395	1	Nguyễn Mạnh Tú	04/5/1982			THPT Hoa Lư A	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/07/2026	Đạt	
1396	2	Phan Thị Thúy Phương		15/05/1972	Giáo viên	THPT Hoa Lư A	01/10/1994	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	12%	01/04/2026	Đạt	
1397	3	Phạm Ngọc Sơn	10/11/1991		Giáo viên	THPT Hoa Lư A	15/10/2013	15.113	ĐH SP TĐTT; Thạc sỹ; Khoa học giáo dục	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/04/2025	Đạt	
1398	4	Phạm Văn Đại	02/09/1980		Giáo viên	THPT Hoa Lư A	1/10/2005	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/07/2026	Đạt	
1399	5	Đình Xuân Sáng	23/10/1982			THPT Hoa Lư A	06/9/2004	15.113	Đại học sư phạm; Thạc sỹ	Đại học chuyên ngành: Toán-Tin; Thạc sỹ: Chuyên		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1400	6	Phạm Thị Thuý Hồng		25/01/1986	Giáo viên	THPT Hoa Lư A	01/10/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/11/2025	Đạt	
1401	7	Nguyễn Thị Thu Thơm		08/8/1987	Giáo viên	THPT Hoa Lư A	01/01/2011	15a.203	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/01/2024	Đạt	
1402	8	Nguyễn Tử Phúc	14/09/1982		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Hoa Lư A	06/9/2004	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Toán học	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
1403	9	Đoàn Thị Thu Hạnh		22/05/1976	Giáo viên	THPT Hoa Lư A	01/10/1998	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/04/2026	Đạt	
1404	10	Mai Thị Lệ Hằng		21/10/1976	Tổ phó chuyên môn	THPT Hoa Lư A	9/1/1999	15.113	ĐHSP Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
1405	11	Tống Thị Nguyệt		01/01/1972	Giáo viên	THPT Hoa Lư A	01/11/1994	15.113	ĐHSP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/11/2025	Đạt	
1406	12	Nguyễn Thị Thương		30/10/1983	Giáo viên	THPT Hoa Lư A	01/10/2007	15.113	Đại học sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1407	13	Nguyễn Minh Đức	10/03/1984		Giáo viên	THPT Hoa Lư A	02/01/2008	15.111	ĐH Sư phạm Toán; Thạc sỹ Toán	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2026	Đạt	
1408	14	Trần Thị Hồng		30/06/1981	Giáo viên	THPT Hoa Lư A	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Lý-KTCN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
1409	15	Nguyễn Thị Tuyền		02/03/1986	Giáo viên	THPT Hoa Lư A	05/09/2011	15.113	ĐHSP	Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1410	16	Dương Thuý Linh		17/08/1987	Giáo viên	THPT Hoa Lư A	01/11/2009	15.111	Đại học Sư phạm vật lí, Thạc sĩ vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/11/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1411	17	Đặng Thị Tươi		26/03/1987	Giáo viên	THPT Hoa Lư A	09/9/2009	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
52. THPT Gia Viễn A																				
1412	1	Đào Thị Ngọc Thủy		17/1/1987	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Gia Viễn A	04/9/2009	15.113	ĐHSP	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2023	Đạt	
1413	2	Trần Việt Hùng	09/3/1978		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Gia Viễn A	01/9/2001	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2024	Đạt	
1414	3	Đinh Thị Minh Thủy		10/11/1988	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	01/9/2010	15.113	ĐH SP; Thạc sĩ	Ngữ Văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GVTHPT hạng III	V07.05.15	6	3,99		01/6/2025	Đạt	
1415	4	Nguyễn Thị Kim Ngân		15/10/1984	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/4/2025	Đạt	
1416	5	Đinh Thị Hiền		24/11/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn A	01/10/2007	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Hoá Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/4/2025	Đạt	
1417	6	Nguyễn Thành Công	25/10/1978		Giáo viên	THPT Gia Viễn A	01/10/2000	15.113	ĐHSP	Thể dục thể thao		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2023	Đạt	
1418	7	Đinh Thị Nguyệt		22/10/1982	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	06/09/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2025	Đạt	
1419	8	Phạm Thị Diễm		07/12/1983	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	04/9/2006	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
1420	9	Hà Minh Tuấn	04/1/1981		Giáo viên	THPT Gia Viễn A	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Kĩ thuật Công nghiệp		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1421	10	Cao Thị Vân Anh		25/10/1983	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	05/9/2011	15.113	ĐH SP; Thạc sỹ	Vật lý		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2024	Đạt	
1422	11	Trịnh Thị Thuý		30/8/1978	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	15/09/2001	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
1423	12	Trần Thuý Hương		01/2/1989	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Gia Viễn A	15/9/2011	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2023	Đạt	
1424	13	Đinh Thị Lệ		04/1/1986	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	1/10/2008	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
1425	14	Trần Thị Thu Thuý		26/9/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn A	15/08/2009	15.113	ĐHSP	Kỹ thuật công nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/8/2024	Đạt	
1426	15	Trần Thị Cúc		27/02/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Gia Viễn A	06/09/2004	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2025	Đạt	
1427	16	Hoàng Thị Lành		14/7/1984	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	01/9/2006	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
1428	17	Phạm Thị Thanh Hà		22/2/1984	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/4/2025	Đạt	
1429	18	Bùi Thị Phương Loan		30/8/1983	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	04/09/2006	15.113	ĐH	Hoá Học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
1430	19	Nguyễn Mạnh Hải	16/8/1979		Giáo viên	THPT Gia Viễn A	01/09/2003	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Vật lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
1431	20	Lưu Danh Thanh	09/3/1982		Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn A	01/10/2006	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1432	21	Lê Thị Thuý		14/4/1984	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	01/10/2007	15.113	ĐH	Tin học	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1433	22	Vũ Hồng Thái	29/10/1984		Giáo viên	THPT Gia Viễn A	01/10/2007	15.113	ĐH	Hoá học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1434	23	Lê Thị Hương		29/11/1986	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	04/09/2009	15.113	ĐHSP	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1435	24	Nguyễn Thị Nguyễn		10/1/1985	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	04/09/2009	15.113	ĐH; Thạc sĩ	Hóa học	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1436	25	Bùi Thị Thành		10/4/1980	Giáo viên	THPT Gia Viễn A	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
1437	26	Đoàn Ngọc Toàn	03/8/1987		Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn A	06/01/2010	15.113	ĐHSP	TĐTT-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/7/2025	Đạt	
53. THPT Gia Viễn B																				
1438	1	Hoàng Thị Thúy		26/10/1984	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	01/04/2007	15.113	Đại học; Thạc sỹ	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/7/2024	Đạt	
1439	2	Đinh Sơn Trường	06/04/1986		Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn B	15/09/2010	15.113	Đại học	GDTC – GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
1440	3	Trần Thị Dư		30/11/1986	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	01/09/2010	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
1441	4	Phạm Thị Huyền		01/01/1978	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	01/09/1999	15.113	Đại học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5	01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1442	5	Đặng Minh Hiển	20/03/1975		Giáo viên	THPT Gia Viễn B	01/09/2003	15.113	ĐHSP Thạc sỹ	- Công nghệ công nghiệp. - Quản lý Giáo dục		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2024	Đạt	
1443	6	Trần Văn Hùng	20/11/1987		Giáo viên	THPT Gia Viễn B	15/10/2013	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2025	Đạt	
1444	7	Nguyễn Thị Hương Sen		30/06/1989	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	15/12/2011	15.113	Đại học	Ngữ Văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2024	Đạt	
1445	8	Đinh Thị Hồng Nhưng		28/10/1992	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	01/02/2015	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/11/2023	Đạt	
1446	9	Trần Ngô Mỹ Hậu		06/07/1991	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	15/10/2013	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/11/2023	Đạt	
1447	10	Phạm Thị Kim Thoa		01/05/1977	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	01/10/2000	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5	01/04/2026	Đạt	
1448	11	Phạm Thị Liên		06/11/1978	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	02/10/2000	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2024	Đạt	
1449	12	Đặng Thị Thoa		13/02/1978	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	01/10/2000	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2023	Đạt	
1450	13	Trần Văn Độ	04/07/1980		Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn B	01/10/2007	15.113	ĐHSP	GDCD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/4/2025	Đạt	
1451	14	Đào Thị Nụ		09/10/1982	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	06/09/2004	15.113	Đại học	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT HANG III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
1452	15	Hà Thị Thu		11/06/1987	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	01/09/2010	15.113	Đại học	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1453	16	Lã Thị Ngoan		26/09/1988	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	01/10/2010	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2026	Đạt	
1454	17	Lã Anh Tuấn	15/08/1979		Giáo viên	THPT Gia Viễn B	1/9/2002	15.113	Đại học	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
1455	18	Đặng Thị Huệ		10/04/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn B	01/9/2010	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
1456	19	Nguyễn Thị Thu Thủy		03/11/1986	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	04/09/2009	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
1457	20	Nguyễn Thị Mơ		15/10/1982	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	12/09/2006	15.113	ĐHSP	Địa Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1458	21	Đặng Đình Phương	12/06/1980		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Gia Viễn B	01/08/2014	15.113	Đại học; Thạc sĩ	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT Hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2024	Đạt	
1459	22	Phạm Trung Kiến	02/05/1981		Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn B	06/01/2010	15.113	Đại học	Sinh – KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2026	Đạt	
1460	23	Nguyễn Thị Mai		11/05/1982	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	01/10/2005	15.113	Đại học	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2024	Đạt	
1461	24	Vũ Thị Hiền		06/01/1982	Giáo viên	THPT Gia Viễn B	01/10/2005	15.113	Đại học	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2024	Đạt	
		54. THPT Gia Viễn C																		
1462	1	Đinh Văn Phong	25/05/1985		Giáo viên	THPT Gia Viễn C	04/09/2009	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1463	2	Phạm Mạnh Cường	30/08/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn C	01/10/2007	15.113	ĐH	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2025	Đạt	
1464	3	Nguyễn Anh Đài	04/05/1987		Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn C	10/09/2009	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
1465	4	Vũ Trường Giang	17/01/1986		Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn C	05/03/2010	15.113	ĐH	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
1466	5	Đào Văn Tạo	01/02/1986		Giáo viên	THPT Gia Viễn C	15/09/2010	15.113	ĐHSP	TDTT - GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1467	6	Nguyễn Thành Tuấn	22/09/1981		Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn C	15/09/2005	15c.207	ĐHSP	TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1468	7	Trần Thị Hải Yến		08/04/1984	Giáo viên	THPT Gia Viễn C	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2025	Đạt	
1469	8	Nguyễn Cẩm Tuyền		01/06/1983	Giáo viên	THPT Gia Viễn C	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2025	Đạt	
1470	9	Phạm Thị Thanh Hải		01/08/1985	Giáo viên	THPT Gia Viễn C	01/03/2008	15.113	ĐHSP	Sư phạm kỹ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
1471	10	Nguyễn Thành Nam	06/05/1988		Giáo viên	THPT Gia Viễn C	15/09/2010	15.113	ĐHSP	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
1472	11	Ngô Thị Anh		15/03/1987	Giáo viên	THPT Gia Viễn C	15/09/2011	15.113	ĐHSP	Sinh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
1473	12	Nguyễn Thị Bắc		24/08/1989	Giáo viên	THPT Gia Viễn C	15/09/2011	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
1474	13	Trần Thị Thanh Nga		18/01/1982	Giáo viên	THPT Gia Viễn C	01/10/2005	15a.201	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2024	Đạt	
1475	14	Phạm Văn Nguyễn	08/04/1977		Giáo viên	THPT Gia Viễn C	02/10/2000	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh, Tiếng Nga		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2024	Đạt	
1476	15	Trịnh Thị Thoa		16/10/1987	Giáo viên	THPT Gia Viễn C	05/09/2011	15.113	ĐHSP Vật lí, Thạc sỹ Lý	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1477	16	Lê Thị Hanh		17/06/1980	Tổ phó chuyên môn	THPT Gia Viễn C	06/09/2004	15.113	ĐHSP	Sinh - KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2025	Đạt	
1478	17	Phạm Thị Quỳnh Trang		19/09/1986	Giáo viên	THPT Gia Viễn C	15/09/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1479	18	Nguyễn Thị Phượng		08/05/1984	Giáo viên	THPT Gia Viễn C	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/4/2024	Đạt	
55. THPT Nho Quan A																				
1480	1	Nguyễn Văn Luân	05/09/1986		Giáo viên	THPT Nho Quan A	20/08/2010	15.113	ĐH	Toán - Tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/05/2025	Đạt	
1481	2	Đinh Thị Hoa Sen		23/08/1978	Tổ phó chuyên môn	THPT Nho Quan A	02/10/2000	15.113	ĐHSP	Tiếng Nga, Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/06/2024	Đạt	
1482	3	Đặng Đình Quảng	20/09/1982		Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2025	Đạt	
1483	4	Quách Việt Hồng		10/08/1989	Giáo viên	THPT Nho Quan A	18/01/2018	V.07.05.15	ĐHSP Thạc sĩ KHGD	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/06/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1484	5	Nguyễn Thị Xinh		15/5/1982	Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/9/2006	15.113	ĐHSP	SP Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN	Gv THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
1485	6	Nguyễn Thị Vui		06/04/1992	Giáo viên	THPT Nho Quan A	15/10/2014	15.113	ĐHSP ; Thạc sỹ Lí luận văn học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2024	Đạt	
1486	7	Nguyễn Phong Cẩm	05/09/1079		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nho Quan A	03/09/2003	15.113	ĐHSP Thạc sỹ	Vật lý Vật lý Lý thuyết và Vật lí toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
1487	8	Dương Quốc Hưng	08/07/1982		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nho Quan A	03/09/2004	15.113	ĐHSP	Sinh - Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
1488	9	Nguyễn Thị Khánh Ly		17/09/1985	Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2025	Đạt	
1489	10	Hoàng Thu Hương		23/05/1981	Giáo viên	THPT Nho Quan A	15/02/2007	15.113	Cử nhân ĐH	Ngữ Văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		15/11/2024	Đạt	
1490	11	Hà Thị Xuân		05/07/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT Nho Quan A	01/10/2004	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
1491	12	Phạm Kim Quỳnh		29/10/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT Nho Quan A	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1492	13	Phạm Thị Ngân		24/03/1983	Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2024	Đạt	
1493	14	Đinh Đức Nhật	08/07/1986		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nho Quan A	15/09/2010	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
1494	15	Đặng Việt Đông	18/03/1982		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nho Quan A	01/02/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/08/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1495	16	Đình Quốc Tuấn	12/01/1984		Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Sư phạm Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
1496	17	Nguyễn Thị Quỳnh Nga		25/03/1988	Tổ phó chuyên môn	THPT Nho Quan A	01/08/2014	15.113	ĐH toán tin ứng dụng. Thạc sỹ khoa học máy tính	Toán - Tin: Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/08/2026	Đạt	
1497	18	Đỗ Quốc Sư	24/05/1984		Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Sư phạm TDĐT-GDQPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
1498	19	Trương Văn Nam	27/09/1980		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nho Quan A	01/09/2002	15.113	ĐHSP	TD-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2026	Đạt	
1499	20	Phạm Thị Phương Thủy		02/07/1989	Giáo viên	THPT Nho Quan A	15/09/2011	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
1500	21	Mai Thị Thu		25/04/1984	Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/09/2008	15.113	Cử nhân ĐH	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
1501	22	Nguyễn Thị Phương Thủy		01/8/1986	Giáo viên	THPT Nho Quan A	08/10/2008	15.113	Cử nhân ĐH	Vật lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2024	Đạt	
1502	23	Phạm Thị Thảo		20/07/1990	Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/02/2013	15.113	ĐH	SPTDĐT		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/08/2025	Đạt	
1503	24	Bùi Thị Bến		12/10/1981	Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/9/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
1504	25	Trương Thị Thu Hường		08/10/1989	Giáo viên	THPT Nho Quan A	10/11/2011	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/11/2023	Đạt	
1505	26	Trần Thị Hòa		01/01/1985	Giáo viên	THPT Nho Quan A	14/08/2009	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/02/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1506	27	Trần Thị Thanh Thủy		17/10/1982	Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/10/2012	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Lí luận văn học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2024	Đạt	
1507	28	Lê Thị Kim Anh		16/05/1983	Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/09/2006	15.113	ĐHQGHN	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1508	29	Phạm Thị Hải		02/09/1988	Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/09/2010	15.113	Cử nhân ĐH	Ngữ Văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
1509	30	Nguyễn Thái Giang	22/07/1977		Giáo viên	THPT Nho Quan A	01/09/2001	15.113	ĐHSP	TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2026	Đạt	
		56. THPT Nho Quan B																		
1510	1	Vũ Thị Phương Hào		29/09/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nho Quan B	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
1511	2	Nguyễn Thị Hoài Thương		22/12/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Nho Quan B	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2026	Đạt	
1512	3	Bùi Thị Thảo		28/06/1976		THPT Nho Quan B	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/09/2025	Đạt	
1513	4	Bùi Thị Lệ Quyên		30/10/1987	Giáo viên	THPT Nho Quan B	01/02/2010	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/05/2025	Đạt	
1514	5	Nguyễn Văn Thịnh	26/06/1978		Giáo viên	THPT Nho Quan B	09/01/2002	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/06/2026	Đạt	
1515	6	Quách Văn Toán	01/11/1974			THPT Nho Quan B	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1516	7	Nguyễn Kiều Hạnh		02/12/1982	Giáo viên	THPT Nho Quan B	06/09/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
1517	8	Phan Thị Kim Dung		07/02/1978		THPT Nho Quan B	02/10/2000	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2024	Đạt	
1518	9	Phạm Hà Anh	29/06/1979		Giáo viên	THPT Nho Quan B	01/01/2003	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
1519	10	Đình Thanh Tùng	10/03/1982		Giáo viên	THPT Nho Quan B	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Vật lý-Kỹ thuật công nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
1520	11	Nguyễn Thị Ngọc Hà		14/09/1984	Giáo viên	THPT Nho Quan B	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1521	12	Nguyễn Thị Sen		14/10/1982	Giáo viên	THPT Nho Quan B	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1522	13	Nguyễn Thị Lan Hương		17/07/1987		THPT Nho Quan B	04/09/2009	15.113	ĐHSP	Thể dục Thể thao- Giáo dục Quốc phòng		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1523	14	Bùi Thị Phương Anh		16/03/1989	Giáo viên	THPT Nho Quan B	15/09/2011	15.113	ĐHSP Ngữ Văn; Thạc sỹ Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1524	15	Nguyễn Thị Nga		01/10/1988	Tổ phó chuyên môn	THPT Nho Quan B	01/10/2011	15a.201	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/04/2024	Đạt	
1525	16	Hoàng Thị Quỳnh Trang		29/09/2985	Giáo viên	THPT Nho Quan B	01/10/2007	15.113	ĐHSP Hóa; Thạc sỹ Hóa học	Hóa; Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		10/01/2025	Đạt	
1526	17	Nguyễn Thị Hồng Duyên		01/06/1983	Giáo viên	THPT Nho Quan B	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Lý-Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1527	18	Trần Hải Anh		05/07/1986	Giáo viên	THPT Nho Quan B	06/01/2010	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2025	Đạt	
1528	19	Nguyễn Thị Huyền Trang		21/10/1983	Giáo viên	THPT Nho Quan B	12/09/2006	15.113	ĐHSP TDDT	Giáo dục thể chất	CC NVSP Bậc I	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1529	20	Phạm Thị Nguyệt Ánh		28/12/1978	Giáo viên	THPT Nho Quan B	02/10/2000	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2024	Đạt	
1530	21	Đinh Thị Hằng		16/03/1987	Giáo viên	THPT Nho Quan B	05/09/ 2011	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1531	22	Đinh Thị Ngọc Hải		31/07/1978	Giáo viên	THPT Nho Quan B	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Lý - Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
1532	23	Lưu Thị Kim Nhưng		03/11/1986	Giáo viên	THPT Nho Quan B	01/10/2012	15.113	ĐH Hoá học; Thạc sĩ Hoá học	Hoá học; Hoá hữu cơ	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2025	Đạt	
1533	24	Bùi Thị Giang		06/06/1988	Giáo viên	THPT Nho Quan B	15/09/2010	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
1534	25	Trịnh Xuân Tôn	30/04/1987		Giáo viên	THPT Nho Quan B	01/10/2010	15.113	ĐHSP	Thể dục Quốc phòng		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2026	Đạt	
1535	26	Hoàng Tiên Đoàn	02/03/1982		Giáo viên	THPT Nho Quan B	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2024	Đạt	
		57. THPT Nho Quan C																		
1536	1	Vũ Văn Danh	30/12/1989		Giáo viên	THPT Nho Quan C	14/09/2011	15.113	ĐHSP	GDTC-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1537	2	Trần Ngọc Thúy		10/3/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nho Quan C	02/10/2001	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2024	Đạt	
1538	3	Đặng Thị Trang Nhung		28/9/1990	Giáo viên	THPT Nho Quan C	02/01/2019	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn, Thạc sĩ Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng việt	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2025	Đạt	
1539	4	Đinh Thị Thanh Huyền		06/8/1980	Giáo viên	THPT Nho Quan C	15/10/2004	15.113	ĐH SP Ngữ Văn; Thạc sĩ Lí luận văn học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/02/2026	Đạt	
1540	5	Kiều Thị Nhung		30/11/1988	Tổ phó chuyên môn	THPT Nho Quan C	11/10/2013	15.113	ĐHSP, cử nhân Lịch Sử	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/04/2026	Đạt	
1541	6	Lê Thị Nhâm		07/01/1988	Giáo viên	THPT Nho Quan C	15/09/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1542	7	Nguyễn Thị Hảo		10/7/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nho Quan C	28/9/2007	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2025	Đạt	
1543	8	Trần Quốc Toàn	19/11/1976		Tổ phó chuyên môn	THPT Nho Quan C	11/12/2007	15a.201	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
1544	9	Lê Thị Lại		02/12/1987	Giáo viên	THPT Nho Quan C	01/10/2010	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2025	Đạt	
1545	10	Nguyễn Thị Lan Hương		22/02/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nho Quan C	28/8/2008	15.113	ĐH cử nhân Hóa học; Thạc sỹ lí luận và phương pháp dạy học Hóa học	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
1546	11	Nguyễn Thị Thanh Nga		01/11/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Nho Quan C	01/10/2010	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
1547	12	Nguyễn Thanh Hoa		01/12/1986	Giáo viên	THPT Nho Quan C	1/10/2012	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Vật lý	Cử nhân Vật lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1548	13	Đinh Thị Hằng		09/11/1989	Tổ phó chuyên môn	THPT Nho Quan C	14/09/2011	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
1549	14	Trần Văn Hoat	05/08/1983		Giáo viên	THPT Nho Quan C	01/03/2009	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1550	15	Nguyễn Thanh Tân		14/2/1990	Giáo viên	THPT Nho Quan C	01/04/2016	15.113	ĐHSP	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/10/2025	Đạt	
1551	16	Nguyễn Thị Hiền		17/10/1988	Giáo viên	THPT Nho Quan C	01/11/2014	15.113	ĐH	sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/05/2024	Đạt	
1552	17	Nguyễn Thị Minh Thu		02/03/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT Nho Quan C	05/09/2011	15.113	ĐH	Tiếng Anh Sư phạm		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1553	18	Quách Thị Thanh Hải		25/03/1983	Giáo viên	THPT Nho Quan C	01/01/2008	15a.203	Dại học Tin học, thạc sĩ Khoa học máy tính	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2026	Đạt	
58. THPT Dân tộc nội trú																				
1554	1	Đinh Đức Chung	19/03/1981		Giáo viên	THPT Dân tộc nội trú	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Vật lý - Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/07/2026	Đạt	
1555	2	Đinh Thị Loan		27/02/1985	Giáo viên	THPT Dân tộc nội trú	01/10/2008	15.113	ĐHSP Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2026	Đạt	
1556	3	Phạm Đức Cẩn	08/11/1983			THPT Dân tộc nội trú	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2026	Đạt	
1557	4	Nguyễn Thị Ninh		08/10/1985	Giáo viên	THPT Dân tộc nội trú	01/10/2007	15.113	ĐHSP Địa lí	Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1558	5	Phạm Thị Thom		15/12/1985	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Dân tộc nội trú	01/10/2007	15.113	ĐHSP Vật lý Thạc sĩ Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2025	Đạt	
1559	6	Lê Thị Ngọc Mai		24/10/1983	Giáo viên	THPT Dân tộc nội trú	06/03/2009	15.113	ĐH Sư phạm Ngữ Văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1560	7	Hoàng Thị Thu Hương		20/09/1979	Giáo viên	THPT Dân tộc nội trú	01/09/2003	15.113	Đại học Sư phạm	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2024	Đạt	
1561	8	Nguyễn Tiến Cương	02/08/1982		Giáo viên	THPT Dân tộc nội trú	13/09/2006	15.113	Đại học	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
1562	9	Nguyễn Xuân Toàn	14/04/1977		Giáo viên	THPT Dân tộc nội trú	28/11/2001	15.113	ĐHSP	Vật Lý - Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/6/2025	Đạt	
1563	10	Đinh Thị Quyên		05/06/1985		THPT Dân tộc nội trú	01.10.2008	15.113	ĐHSP	Quốc phòng an ninh. Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2026	Đạt	
1564	11	Lê Hoàng Yến		25/08/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Dân tộc nội trú	01.10.2007	13.095	Thạc sỹ Sinh học Đại học Sư phạm	Sinh		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2024	Đạt	
1565	12	Nguyễn Thị Hong Luyến		21/10/1981	Giáo viên	THPT Dân tộc nội trú	01.10.2007	15.113	ĐH Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1566	13	Lê Thị Khánh		01/06/1987	Giáo viên	THPT Dân tộc nội trú	02/01/2019	V.07.05.15	Cử nhân Lịch sử; Thạc sĩ Lịch sử	Lịch sử thể giới	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/7/2025	Đạt	
		59. THPT A Nguyễn Huệ																		
1567	1	Đinh Thị Thom		26/06/1980	Giáo viên	THPT A Nguyễn Huệ	6/9/2004	15.113	Đại học TDTD TW I	SPGDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/6/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1568	2	Phạm Trung Kiến	17/12/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT A Nguyễn Huệ	01/10/2008	15.113	ĐHSP	SPTDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2026	Đạt	
1569	3	Lê Ngọc Hải	02/02/1975		Giáo viên	THPT A Nguyễn Huệ	1/9/2001	15.113	ĐHSP	SPGDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2024	Đạt	
1570	4	Nguyễn Thị Thương		07/11/1984	Giáo viên	THPT A Nguyễn Huệ	1/9/1999	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
1571	5	Nguyễn Thị Huế		11/11/1982	Giáo viên	THPT A Nguyễn Huệ	1/10/2005	15.113	ĐHSP Thạc sĩ	Sinh- KTNNSinh lí thực vật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
1572	6	Đặng Thị Thu Trang		16/06/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT A Nguyễn Huệ	01/10/2007	15.113	ĐH -Thạc sỹ	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/4/2025	Đạt	
1573	7	Nguyễn Thị Thanh Huyền		10/02/1977	Giáo viên	THPT A Nguyễn Huệ	1/10/2005	15.113	Đại học sư phạm	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/4/2024	Đạt	
1574	8	Vũ Thị Thom		22/11/1977	Giáo viên	THPT A Nguyễn Huệ	01/10/2008	15.113	Đại Học Sư Phạm Hà Nội 2	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
1575	9	Châu Văn Điệp	30/4/1982		Giáo viên	THPT A Nguyễn Huệ	15/9/2007	15.113	ĐHSP	Toán- Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
1576	10	Phạm Thị Bích Nguyệt		05/11/1982	Giáo viên	THPT A Nguyễn Huệ	1/9/1999	15.113	ĐH Sư phạm Hà Nội 1	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
1577	11	Vũ Thị Văn		04/12/1977	Giáo viên	THPT A Nguyễn Huệ	02/10/2000	15.113	ĐH SP Thạc sĩ	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/4/2024	Đạt	
1578	12	Cầm Thị Đào		22/06/1985	Giáo viên	THPT A Nguyễn Huệ	01/10/2007	15.113	ĐHSP Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn Ngôn ngữ học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	

[illegible]

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1589	1	Nguyễn Thị Thanh Huệ		10/11/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Ngô Thi Nhậm	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2024	Đạt	
1590	2	Lê Thị Phương Hoa		18/05/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Ngô Thi Nhậm	01/10/2005	15.113	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ SP Vật lý	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2024	Đạt	
1591	3	Phạm Mạnh Hưng	28/03/1979		Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	03/09/2004	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2025	Đạt	
1592	4	Bùi Đức Thuận	24/08/1979		Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2024	Đạt	
1593	5	Trần Thị Huệ		27/02/1993	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	15/10/2015	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/01/2025	Đạt	
1594	6	Phạm Thị Thoa		21/01/1978	Tổ phó chuyên môn	THPT Ngô Thi Nhậm	05/10/2000	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2024	Đạt	
1595	7	Lê Thị Ngọc Thủy		05/08/1980	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/09/2002	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2026	Đạt	
1596	8	Trịnh Thị Thanh Vân		19/09/1980	Tổ phó chuyên môn	THPT Ngô Thi Nhậm	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
1597	9	Phạm Thị Ngọc Dung		06/7/1980	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/09/2003	15.113	ĐHSP Ngữ văn Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
1598	10	Nguyễn Thị Hợp		21/06/1983	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1599	11	Bùi Mỹ Dung		12/07/1979	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1600	12	Phạm Thị Vân		10/09/1980	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
1601	13	Võ Thị Hồng		08/11/1981	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
1602	14	Nguyễn Thị Thủy Linh		15/10/1981	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.16	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
1603	15	Trần Thị Thu Phương		07/05/1983	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
1604	16	Nguyễn Thị Phương Loan		12/07/1984	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1605	17	Dương Thị Loan		06/01/1982	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/10/2006	15.113	ĐHSP	Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2024	Đạt	
1606	18	Hoàng Thị Thanh Quý		05/11/1976	Giáo viên	THPT Ngô Thi Nhậm	01/10/1998	15.113	ĐHSP	Giáo dục Kinh tế & Pháp luật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	9	4,98	5%	01/10/2025	Đạt	
		61. THPT Yên Mô A																		
1607	1	Phạm Văn Năm	20/06/1984		Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/10/2008	15.113	ĐHSP	GDTC - QPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2026	Đạt	
1608	2	Phạm Văn Chiến	24/06/1980		Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/02/2007	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
1609	3	Vũ Văn Lợi	19/09/1981		Giáo viên	THPT Yên Mô A	15/09/2011	15.113	ĐH; Ths LL&PPDH Vật lí	Vật lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1610	4	Lê Thị Loan		28/07/1988	Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2025	Đạt	
1611	5	Đinh Thị Thương		18/04/1991	Giáo viên	THPT Yên Mô A	15/10/2013	15.113	ĐHSP	Giáo dục Chính trị - Giáo dục Quốc phòng		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/10/2025	Đạt	
1612	6	Nguyễn Thị Ngọt		10/12/1988	Giáo viên	THPT Yên Mô A	10/09/2012	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2024	Đạt	
1613	7	Vũ Thị Hiền		08/01/1988	Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/10/2012	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/10/2024	Đạt	
1614	8	Nguyễn Hồng Phong	06/10/1986		Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/10/2008	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2026	Đạt	
1615	9	Hoàng Thị Loan		24/11/1980	Giáo viên	THPT Yên Mô A	03/09/2004	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
1616	10	Nguyễn Thị Bích Phượng		21/09/1984	Giáo viên	THPT Yên Mô A	04/09/2006	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1617	11	Phạm Kiều Hoa		18/11/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Yên Mô A	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Giáo dục công dân		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2025	Đạt	
1618	12	Trịnh Văn Thắng	29/05/1981		Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/10/2005	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
1619	13	Vũ Thị Tinh		02/08/1985	Giáo viên	THPT Yên Mô A	10/10/2008	15.113	ĐHSP	Sinh- KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
1620	14	Lê Thị Lan		16/01/1988	Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1621	15	Lê Thu Duyên		01/02/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT Yên Mô A	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1622	16	Nguyễn Thị Bích Ngọc		06/06/1983	Giáo viên	THPT Yên Mô A	15/09/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1623	17	Vũ Ngọc Bích		18/10/1982	Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/09/2006	15a.201	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1624	18	Tạ Thị Toàn		10/03/1985	Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2025	Đạt	
1625	19	Phạm Thị Hồng Xiêm		20/01/1981	Giáo viên	THPT Yên Mô A	15/06/2010	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ VHVN	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1626	20	Nguyễn Thị Hương		19/05/1987	Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
1627	21	Đào Thanh Tuấn	20/10/1981		Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/10/2008	15.113	ĐH	Tin học	Bằng TN Cao đẳng sư phạm	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2024	Đạt	
1628	22	Ngô Thị Thu Hằng		13/06/1984	Giáo viên	THPT Yên Mô A	15/09/2009	15.113	ĐHSP Thạc sĩ Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1629	23	Vũ Văn Thanh	06/01/1979		Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/09/2002	15.113	ĐHSP Th.sĩ LL&PPDH Vật lí	Vật lí - Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2023	Đạt	
1630	24	Đoàn Thị Hằng		14/08/1986	Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1631	25	Bùi Thị Hằng		30/10/1978	Giáo viên	THPT Yên Mô A	02/10/2000	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1632	26	Phạm Thị Kim Cúc		08/10/1983	Giáo viên	THPT Yên Mô A	15/09/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1633	27	Đỗ Hữu Doanh	08/02/1983		Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
1634	28	Nguyễn Thị Thùy		13/11/1982	Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Kĩ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2024	Đạt	
1635	29	Tạ Thị Loan		28/03/1986	Giáo viên	THPT Yên Mô A	04/09/2009	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1636	30	Trương Tất Thánh	21/09/1982		Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/10/2007	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1637	31	Đỗ Thị Hương		10/02/1978	Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/09/2001	15.113	ĐHSP Thạc sỹ Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
1638	32	Dương Thị Thu Hiền		29/03/1986	Giáo viên	THPT Yên Mô A	01/10/2010	15.113	ĐHSP	TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2026	Đạt	
		62. THPT Yên Mô B																		
1639	1	Vũ Xuân Hưng	19/08/1977		Giáo viên	THPT Yên Mô B	31/12/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		1/9/2024	Đạt	
1640	2	Nguyễn Thị Thắm		14/01/1971	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Yên Mô B	01/09/1995	15.113	ĐHSP	Sinh- Kỹ thuật nông nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/12/2025	Đạt	
1641	3	Phạm Thị Ngọc Lan		07/08/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Yên Mô B	04/09/2006	15.113	ĐH	Khoa học Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		1/6/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1642	4	Dương Thị Kim		22/10/1979	Giáo viên	THPT Yên Mô B	04/09/2001	15.113	ĐHSP	Sinh- Kỹ thuật nông nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2024	Đạt	
1643	5	Phạm Duy Kương	11/06/1979		Giáo viên	THPT Yên Mô B	31/12/2004	15.113	ĐH	SP Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2025	Đạt	
1644	6	Nguyễn Minh An	25/04/1985		Giáo viên	THPT Yên Mô B	10/10/2008	15.113	Đại học	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		1/10/2023	Đạt	
1645	7	Nguyễn Đức Phương	10/09/1983		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Yên Mô B	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Vật li-KTCN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2025	Đạt	
1646	8	Phạm Thị Phương		03/09/1978	Tổ phó chuyên môn	THPT Yên Mô B	02/10/2000	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2023	Đạt	
1647	9	Nguyễn Thị Thắm		18/10/1985	Giáo viên	THPT Yên Mô B	10/10/2008	15.113	Đại học; Thạc sĩ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2024	Đạt	
1648	10	Lê Ánh Ngọc		16/10/1987	Giáo viên	THPT Yên Mô B	15/09/2009	15.113	ĐHSP	Hoá		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1649	11	Phạm Văn Hiếu	02/01/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT Yên Mô B	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2025	Đạt	
1650	12	Phạm Thị Ngân		06/05/1985	Giáo viên	THPT Yên Mô B	15/09/2009	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
1651	13	Nguyễn Thị Thanh Mai		18/11/1980	Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/09/2002	15.113	ĐHSP	GDCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		1/9/2024	Đạt	
1652	14	Phạm Thị Sen		08/09/1983	Giáo viên	THPT Yên Mô B	23/09/2005	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1653	15	Vũ Thị Mươi		09/08/1985	Giáo viên	THPT Yên Mô B	15/11/2007	15a.201	ĐH Sp. Giáo dục chính trị Thạc sỹ chuyên ngành LSD	Sp GDCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
1654	16	An Viết Lương	14/03/1981		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Yên Mô B	03/09/2004	15.113	ĐHKHTN- ĐHQG Hà Nội	Toán	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
1655	17	Đình Phúc Dũng	12/03/1979		Giáo viên	THPT Yên Mô B	05/10/2000	15.113	ĐH	SPGDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2024	Đạt	
1656	18	Phan Quốc Anh	16/03/1983		Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
1657	19	Vũ Văn Đường	27/08/1987		Giáo viên	THPT Yên Mô B	04/11/2010	15a.203	ĐHSP	SP TDDT- GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/11/2025	Đạt	
1658	20	Lê Thị Thu		27/11/1984	Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/10/2007	15.113	ĐH	Sư phạm Thể Dục		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1659	21	Phạm Thị Minh Thủy		01/10/1994	Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/06/2021	V.07.05.15	ĐH Ngoại Ngữ ; Thạc sỹ ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	3	3,00		01/08/2024	Đạt	
1660	22	Đặng Văn Hoài	15/08/1981		Giáo viên	THPT Yên Mô B	03/09/2005	15.113	ĐH	Sư Phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		1/9/2025	Đạt	
1661	23	Vũ Thị Huê		04/12/1983	Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/10/2007	15.113	ĐH	Sư phạm Kỹ Thuật Nông nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1662	24	Tổng Thị Thu Hà		20/03/1986	Giáo viên	THPT Yên Mô B	15/09/2009	15.113	ĐH	SP Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1663	25	Hoàng Thị Hằng		06/06/1986	Giáo viên	THPT Yên Mô B	14/10/2014	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/10/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1664	26	Đình Xuân Thạch	10/03/1985		Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1665	27	Trương Thị Lụa		10/05/1986	Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/10/2008	15.113	ĐHSP	SP TĐTT- GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2024	Đạt	
1666	28	Phạm Thị Lan Hương		09/12/1991	Giáo viên	THPT Yên Mô B	10/12/2013	15a.203	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2026	Đạt	
1667	29	Hà Thị Hương		26/06/1983	Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/10/2007	15.113	ĐH	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2026	Đạt	
1668	30	Đình Thị Huệ		28/09/1985	Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/10/2008	15.113	ĐH	Văn học	CCNVSP, Bậc Một, Bậc Hai	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2024	Đạt	
1669	31	Đình Thị Yến		06/08/1986	Giáo viên	THPT Yên Mô B	10/10/2008	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2024	Đạt	
1670	32	Hà Thị Dậu		2/09/1970	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Yên Mô B	01/08/1995	15.113	ĐHSP	Chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/02/2026	Đạt	
1671	33	Phạm Thị Nhưng		06/01/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Yên Mô B	02/10/2000	15.113	ĐH- SP Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2023	Đạt	
1672	34	Nguyễn Thị Hương Lan		20/08/1978	Tổ phó chuyên môn	THPT Yên Mô B	02/10/2000	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2024	Đạt	
1673	35	Mai Văn Hiếu	29/07/1977		Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/10/2007	15.113	ĐH	SP Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/4/2026	Đạt	
1674	36	Ngô Trọng Đoan	19/10/1981		Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1675	37	Nguyễn Thị Thanh Huyền		28/02/1982	Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/10/2005	15.113	ĐH	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2024	Đạt	
1676	38	Phạm Phúc Long	20/05/1984		Giáo viên	THPT Yên Mô B	02/01/2011	15.113	ĐH Cử nhân Toán; Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/8/2023	Đạt	
1677	39	Lê Thị Thơ		20/03/1984	Giáo viên	THPT Yên Mô B	01/09/2010	15.113	ĐHSP, Ths	Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ : Ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
		63. THPT Tạ Uyên																		
1678	1	Vũ Thị Nhất		01/01/1984	Giáo viên	THPT Tạ Uyên	05/9/2007	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
1679	2	Tạ Thúy An		16/02/1989	Giáo viên	THPT Tạ Uyên	15/09/2011	15.113	ĐHSP	GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2024	Đạt	
1680	3	Vũ Văn Nam	06/6/1988		Giáo viên	THPT Tạ Uyên	01/9/2010	15.113	ĐH	Vật lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2025	Đạt	
1681	4	Đới Việt Dũng	26/8/1990		Giáo viên	THPT Tạ Uyên	25/7/2014	15.113	ĐHSP	Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/2/2024	Đạt	
1682	5	Đinh Thị Nga		15/8/1984	Giáo viên	THPT Tạ Uyên	9/1/2006	15.113	ĐHSP	Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
1683	6	Cao Thị Sơn		01/9/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT Tạ Uyên	01/10/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2025	Đạt	
1684	7	Lê Thị Hồng		30/01/1988	Giáo viên	THPT Tạ Uyên	15/09/2009	15.113	ĐHTDTT	GTDC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1685	8	Nguyễn Thị Nguyệt		23/11/1985	Giáo viên	THPT Tạ Uyên	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1686	9	Đoàn Thị Bắc		16/8/1984	Giáo viên	THPT Tạ Uyên	01/9/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
1687	10	Phan Quốc Long	23/8/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT Tạ Uyên	04/3/2009	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
1688	11	Hoàng Thị Lê		03/2/1986	Giáo viên	THPT Tạ Uyên	10/9/2009	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
1689	12	Đoàn Thị Hà		29/01/1987	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tạ Uyên	01/9/2010	15.113	ĐH	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
1690	13	Nguyễn Thị Ngọc		14/6/1987	Giáo viên	THPT Tạ Uyên	14/09/2010	15.113	ĐH ngoại ngữ Tiếng anh	Tiếng anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
1691	14	Trịnh Trung Kiên	29/11/1986		Giáo viên	THPT Tạ Uyên	15/10/2014	15.113	ĐH	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/4/2024	Đạt	
1692	15	Trương Thị Thảo		29/11/1982	Giáo viên	THPT Tạ Uyên	9/1/2006	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
1693	16	Trịnh Thị Mơ		05/11/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT Tạ Uyên	9/5/2006	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
1694	17	Trần Trung Trực	28/01/1986		Giáo viên	THPT Tạ Uyên	14/09/2010	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
1695	18	Nguyễn Thị Hoa		28/11/1984	Giáo viên	THPT Tạ Uyên	15/07/2011	15.113	Thạc sĩ, ĐH	Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1696	19	An Viết Đồng	05/01/1983		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tạ Uyên	01/9/2008	15.113	Đại học sư phạm Hà nội 2	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2023	Đạt	
1697	20	Vũ Thị Tuyết Mai		10/8/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT Tạ Uyên	15/9/2010	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
1698	21	Trần Thị Văn Anh		20/4/1985	Giáo viên	THPT Tạ Uyên	15/9/2010	15.113	ĐH Ngoại Ngữ Đà Nẵng	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
1699	22	Nguyễn Quốc Vương	19/7/1985		Giáo viên	THPT Tạ Uyên	15/7/2012	15.113	Thạc sĩ, ĐH Vinh	Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/02/2025	Đạt	
		64. THPT Kim Sơn A																		
1700	1	Đinh Thị Nam		19/03/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Kim Sơn A	6/9/2004	15.113	Đại học sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ Ngữ văn	Sư phạm Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2025	Đạt	
1701	2	Cao Văn Tuyền	12/08/1984		Giáo viên	THPT Kim Sơn A	01/10/2007	15.113	- Đại học, Cử nhân Tiếng Anh. - Thạc sỹ Lý luận & Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Lý luận & Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2025	Đạt	
1702	3	Đinh Thứ Cơ	15/08/1984			THPT Kim Sơn A	01/09/2006	15a.201	Cử nhân Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Sư phạm Vật lý	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1703	4	Mai Quang Hải	20/10/1981		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Kim Sơn A	3/9/2004	15.113	ĐHSP	Toán Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
1704	5	Trần Cao Khánh	29/02/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT Kim Sơn A	1/9/2006	15.113	- Đại học Sư phạm thể thao - Thạc sỹ thể thao	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2024	Đạt	
1705	6	Hoàng Văn Phương	23/02/1982		Giáo viên	THPT Kim Sơn A	01/10/2005	15.113	ĐHSP	Vật lý -Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1706	7	Phạm Quang Vinh	05/02/1982		Tổ phó chuyên môn	THPT Kim Sơn A	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Tin Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2026	Đạt	
1707	8	Phạm Thị Thủy Nga		30/06/1981	Giáo viên	THPT Kim Sơn A	03/3/2008	17.171	ĐHSP 2003; Thạc sỹ Ngữ Văn 2018	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2024	Đạt	
1708	9	Phan Thị Ngọc Anh		18/11/1982	Giáo viên	THPT Kim Sơn A	14/11/2014	15.113	Cử nhân Sư phạm tiếng Anh, Thạc sĩ ngôn ngữ Anh	Sư phạm tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/5/2024	Đạt	
1709	10	Phạm Thị Yến		01/07/1987	Giáo viên	THPT Kim Sơn A	01/9/2010	15.113	Cử nhân CNTT	Tin Học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
1710	11	Phạm Thị Oanh		22/05/1988		THPT Kim Sơn A	15/9/2010	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
1711	12	Phạm Thị Hồng Hạnh		09/02/1981		THPT Kim Sơn A	1/9/2003	15.113	ĐHSP	Toán Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2025	Đạt	
1712	13	Nguyễn Văn Hòa	29/05/1980		Giáo viên	THPT Kim Sơn A	1/9/2002	15.113	ĐHSP	Toán Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2026	Đạt	
1713	14	Nguyễn Thị Minh Hương		14/08/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT Kim Sơn A	15/8/2009	15.113	ĐHSP Địa lý, 2007 Thạc sỹ Địa lý, 2009	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/08/2024	Đạt	
1714	15	Đoàn Thị Thu Thủy		29/09/1986	Giáo viên	THPT Kim Sơn A	01/10/2008	15.113	- Đại học Sư phạm thể thao	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/02/2024	Đạt	
1715	16	Đinh Thị Thu Trang		18/06/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Kim Sơn A	05/8/2011	15a.201	Cử nhân Lịch sử	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2024	Đạt	
1716	17	Nguyễn Văn Khá	02/04/1983		Giáo viên	THPT Kim Sơn A	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1717	18	Nguyễn Thị Nghĩa		27/07/1980	Giáo viên	THPT Kim Sơn A	1/9/2003	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
1718	19	Phạm Thị Mai Lan		15/07/1985	Giáo viên	THPT Kim Sơn A	01/10/2008	15.113	Đại học- Sư Phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/02/2024	Đạt	
1719	20	Nguyễn Thị Thanh Tâm		23/10/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Kim Sơn A	1/10/2005	15.113	Đại học	Cử nhân sư phạm kỹ thuật nông nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
1720	21	Phạm Thị Thủy Phượng		10/01/1983		THPT Kim Sơn A	01/ 9/2006	15.113	ĐHSP Toán Tin, 2006	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1721	22	Đỗ Văn Nam	28/01/1986		Giáo viên	THPT Kim Sơn A	01/9/2012	15.113	ĐHSP	GDTC-QPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
1722	23	Hoàng Thị Thu Hà		24/05/1979		THPT Kim Sơn A	14/9/2001	15.113	ĐHSP	Hóa Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/3/2026	Đạt	
1723	24	Lưu Thị Tuyết Mình		08/05/1983		THPT Kim Sơn A	1/12/2005	15.113	ĐHSP	Địa Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2023	Đạt	
		65. THPT Trần Đại Quang (Kim Sơn B)																		
1724	1	Mai Văn Hùng	08/06/1987		Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	15/09/2009	15.113	ĐH	GDTC - GDQPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
1725	2	Trịnh Xuân Trường	02/02/1987		Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	15/09/2010	15.113	ĐH	TD - GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
1726	3	Vũ Thị Ánh		12/11/1991	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	02/02/2016	V.07.05.15	ĐHSP	GDCD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/08/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1727	4	Phạm Thị Linh		20/10/1985	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	10/10/2008	15.113	ĐH	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/11/2023	Đạt	
1728	5	Nguyễn Văn Công	01/06/1986		Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/10/2008	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2026	Đạt	
1729	6	Trần Thị Nguyệt		15/06/1985	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1730	7	Trần Thị Thanh Mơ		10/11/1987	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/09/2009	15.113	ĐH	Tiếng Anh Sư Phạm		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
1731	8	Vũ Văn Kiên	15/03/1980		Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	05-09-2004	15.113	ĐH	GDTC - GDQPAN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
1732	9	Phạm Trung Hiếu	16/08/1983		Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1733	10	Đỗ Thị Thanh Thủy		04/09/1976	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2024	Đạt	
1734	11	Nguyễn Thị Hòa		10/11/1987	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	1/10/2010	15.113	Đại học sư phạm Ngữ văn; thạc sỹ Văn học Việt Nam hiện đại	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2026	Đạt	
1735	12	Đồng Thị Thanh Thảo		24/06/1985	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	1/10/2008	15.113	ĐH	Hóa Học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	7	4,32		01/04/2026	Đạt	
1736	13	Nguyễn Thị Thủy		09/08/1984	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1737	14	Phạm Văn Đoài	10/11/1975		Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Vật lí- Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	9	4,98		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1738	15	Đình Thị Vân Anh		03/12/1989	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/09/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Tin học	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
1739	16	Vũ Thị Nhung		08/01/1987	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/09/2009	15.113	ĐH	Sư phạm Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
1740	17	Doãn Thị Phương		15/01/1987	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	06/01/2010	15.113	ĐH SP, Thạc sỹ SP Sinh học	Sư phạm Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2025	Đạt	
1741	18	Trần Thị Giang		02/09/1979	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	15/12/2005	15.113	ĐH	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	7	4,32		01/12/2023	Đạt	
1742	19	Trần Nam Cường	19/09/1982		Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/10/2005	15.113	ĐH	Sư Phạm Vật Lí - Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
1743	20	Nguyễn Văn Đông	05/07/1988		Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	1/10/2010	15.113	ĐH	SP TDTT - GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	6	3,99		01/04/2026	Đạt	
1744	21	Trần Thị Thuý		29/07/1985	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
1745	22	Trần Thanh Bình	15/05/1984		Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
1746	23	Phùng Thị Bích Hạnh		26/12/1980	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	03/3/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	6	3,99		01/10/2024	Đạt	
1747	24	Phạm Văn Nhượng	19/03/1984		Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	01/10/2007	15.113	ĐH	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2026	Đạt	
1748	25	Nguyễn Thị Dung		05/07/1986	Giáo viên	THPT THPT Trần Đại Quang	15/09/2010	15.113	ĐHSP	GDTC_GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
		66. THPT Kim Sơn C																		
1749	1	Lê Văn Nghĩa	15/7/1988		Giáo viên	THPT Kim Sơn C	14/9/2011	15.113	Đại học	Sư phạm GDTC - GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2026	Đạt	
1750	2	Vũ Thị Mai Lan		01/04/1988	Giáo viên	THPT Kim Sơn C	07/12/2011	02.014	Đại học sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		1/12/2023	Đạt	
1751	3	Đình Anh Từ	04/06/1987		Giáo viên	THPT Kim Sơn C	14/9/2010	15.113	Đại học sư phạm	Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		1/9/2025	Đạt	
1752	4	Nguyễn Đức Chiến	03/11/1988		Tổ phó chuyên môn	THPT Kim Sơn C	15/09/2011	15.113	Đại học sư phạm	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		1/3/2026	Đạt	
1753	5	Bùi Quyết Tiến	14/06/1978		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Kim Sơn C	31/08/2002	15.113	Đại học	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/3/2026	Đạt	
1754	6	Nguyễn Thu Hà		23/10/1989	Giáo viên	THPT Kim Sơn C	05/09/2011	15.113	Đại học	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1755	7	Nguyễn Mạnh Hùng	07/12/1982		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Kim Sơn C	15/05/2009	15a.201	Đại Học Nông Lâm Thái Nguyên	Sư phạm kĩ thuật Nông Ngh nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/05/2024	Đạt	
1756	8	Vũ Thị Phương		22/12/1984	Giáo viên	THPT Kim Sơn C	15/09/2010	15.113	Đại học sư phạm	GDCD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		1/3/2026	Đạt	
1757	9	Nguyễn Thị Hồng Nhung		08/03/1985	Giáo viên	THPT Kim Sơn C	01/10/2012	15.113	Đại học Lịch sử; Thạc sĩ Lịch sử	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		1/10/2024	Đạt	
1758	10	Phan Văn Ngan	23/02/1986		Giáo viên	THPT Kim Sơn C	15/09/2011	15.113	Đại Học chuyên ngành: Sư phạm Toán học	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		1/9/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1759	11	Tổng Văn Thắng	03/09/1987		Giáo viên	THPT Kim Sơn C	05/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1760	12	Mai Thị Nhung		14/4/1986	Giáo viên	THPT Kim Sơn C	15/10/2013	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sỹ Toán giải tích	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/10/2023	Đạt	
1761	13	Trịnh Anh Tuấn	20/07/1985		Giáo viên	THPT Kim Sơn C	15/04/2013	15.113	ĐHSP Hóa học; Thạc sỹ lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		1/4/2025	Đạt	
1762	14	Đoàn Thị Diệp		03/01/1988	Giáo viên	THPT Kim Sơn C	15/9/2011	15.113	Đại học sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		1/3/2024	Đạt	
1763	15	Đoàn Thị Hải Yến		07/01/1987	Giáo viên	THPT Kim Sơn C	15/9/2010	15.113	Đại học sư phạm	Sư Phạm Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		1/3/2026	Đạt	
1764	16	Nguyễn Thị Hoa		*01/09/1990	Giáo viên	THPT Kim Sơn C	*15/08/2016	V.07.05.15	ĐHSP Sinh học; Thạc sỹ lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2026	Đạt	
1765	17	Nguyễn Thị Nguyệt		15/09/1984	Giáo viên	THPT Kim Sơn C	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		1/3/2025	Đạt	
1766	18	Mê Tiến Mạnh	11/07/1989		Giáo viên	THPT Kim Sơn C	01/09/2013	15.113	Đại Học Vật Lý; Thạc sỹ: Vật Lý Lý Thuyết Và Vật Lý Toán	Vật Lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		1/8/2024	Đạt	
1767	19	Vũ Mai Liên		28/05/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT Kim Sơn C	15/04/2013	15.113	ĐH Hoá học Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hoá học	Hoá học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2025	Đạt	
1768	20	Mai Kiều Chinh		15/12/1989	Giáo viên	THPT Kim Sơn C	01/11/2014	15.113	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/11/2024	Đạt	
1769	21	Phạm Thị Mai		30/12/1990	Giáo viên	THPT Kim Sơn C	01/11/2014	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/05/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
		67. THPT Bình Minh																		
1770	1	Đình Văn Tuyền	10/4/1988		Giáo viên	THPT Bình Minh	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
1771	2	Ninh Văn Hữu	20/02/1989		Giáo viên	THPT Bình Minh	20/08/2013	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1772	3	Vũ Thị Duyên		03/02/1986	Giáo viên	THPT Bình Minh	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
1773	4	Nguyễn Thị Tuyết Lan		01/10/1981	Giáo viên	THPT Bình Minh	23/09/2005	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/11/2025	Đạt	
1774	5	Trần Quốc Việt	10/10/1984		Giáo viên	THPT Bình Minh	01/10/2007	15.113	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sỹ Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2025	Đạt	
1775	6	Nguyễn Thị Hồng Thảo		12/10/1979	Giáo viên	THPT Bình Minh	15/01/2002	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2025	Đạt	
1776	7	Vũ Biển Cương	13/7/1987		Giáo viên	THPT Bình Minh	15/09/2010	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1777	8	Đình Văn Tâm	01/04/1979		Giáo viên	THPT Bình Minh	31/08/2002	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
1778	9	Phùng Đức Ton	20/06/1982		Giáo viên	THPT Bình Minh	04/09/2006	15.113	ĐH	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1779	10	Nguyễn Ngọc Chiến	28/09/1989		Giáo viên	THPT Bình Minh	14/11/2014	15.113	ĐHSP Địa lý; Thạc sỹ Địa lí	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/11/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1780	11	Phạm Hùng Cường	07/06/1985		Giáo viên	THPT Bình Minh	04/09/2009	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1781	12	Phạm Thị Liên		25/3/1980	Giáo viên	THPT Bình Minh	06/09/2004	15.113	ĐH	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
1782	13	Phạm Thị Hường		29/09/1989	Giáo viên	THPT Bình Minh	15/09/2011	15.113	ĐHSP	TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1783	14	Trịnh Thị Thanh Huyền		31/10/1984	Giáo viên	THPT Bình Minh	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2026	Đạt	
1784	15	Đỗ Thanh Dũng	11/10/1985		Giáo viên	THPT Bình Minh	05/09/2011	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2024	Đạt	
1785	16	Trần Văn Thạch	26/05/1985		Giáo viên	THPT Bình Minh	01/08/2014	15.113	ĐH Hóa học ; Thạc sỹ Hóa hữu cơ	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2024	Đạt	
1786	17	Nguyễn Thu Hà		03/11/1983	Giáo viên	THPT Bình Minh	15/09/2009	15.113	ĐH	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
1787	18	Dương Thị Hoa		26/06/1990	Giáo viên	THPT Bình Minh	14/08/2017	V.07.05.15	ĐHSP GD&CD- GDQP; Th.Sỹ Triết học	GD&CD-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/05/2024	Đạt	
1788	19	Bùi Thị Miên		20/10/1987	Giáo viên	THPT Bình Minh	15/9/2011	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
1789	20	Bùi Văn Hòa	26/01/1985		Giáo viên	THPT Bình Minh	14/09/2010	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
1790	21	Trần Phương Hằng		09/06/1986	Giáo viên	THPT Bình Minh	06/01/2010	15.113	ĐHSP	Kỹ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1791	22	Nguyễn Thị Xinh		21/11/1986	Giáo viên	THPT Bình Minh	04/01/2010	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2025	Đạt	
1792	23	Phạm Thị Hồng Lê		15/03/1988	Giáo viên	THPT Bình Minh	01/02/2015	15.113	ĐH Vật lý; Thạc sĩ Khoa học vật chất	Vật lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2025	Đạt	
1793	24	Nguyễn Thọ Lộc	07/02/1986		Giáo viên	THPT Bình Minh	05/08/2011	13.096	ĐH	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/04/2025	Đạt	
1794	25	Trần Thị Loan		10/02/1988	Giáo viên	THPT Bình Minh	15/09/2010	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
		68. THPT Yên Khánh A																		
1795	1	Trần Thị Chung		21/01/1985	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/10/2008	15.113	ĐHSP	TDDT-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2026	Đạt	
1796	2	Nguyễn Ngọc Chấn	17/07/1988		Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/09/2011	15.113	ĐHSP	GDTC-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2023	Đạt	
1797	3	Mai Ngọc Bách	27/09/1987		Giáo viên	THPT Yên Khánh A	15/09/2010	15.113	ĐHSP	GDTC-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1798	4	Phạm Kim Dung		28/09/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Yên Khánh A	01/09/2009	15.113	ĐHSP	SP Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1799	5	Trần Ngọc Uyên		16/05/1980	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2023	Đạt	
1800	6	Mai Quỳnh Vân		05/09/1985	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	04/09/2009	15.113	ĐHSP	SP Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1801	7	Phan Sỹ Quý	13/03/1985		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Yên Khánh A	01/10/2007	15.113	Đại học, Thạc sĩ	Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2025	Đạt	
1802	8	Phạm Thị Thu Hà		27/03/1983	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/10/2007	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2025	Đạt	
1803	9	Vũ Thị Thu Trang		02/09/1984	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Toán - Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2023	Đạt	
1804	10	Phạm Thị Tư		01/08/1985	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/10/2008	15.113	ĐHSP	SP TIN HỌC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2024	Đạt	
1805	11	Phạm Thị Tươi		17/06/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Yên Khánh A	01/10/2007	15.113	Đại học	Công nghệ thông tin	Bằng TN Cao đẳng sư phạm	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/05/2025	Đạt	
1806	12	Tô Thị Hường		24/03/1982	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	06/9/2004	15.113	Đại học sư phạm	Toán-Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	
1807	13	Vũ Thị Bình		12/06/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT Yên Khánh A	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Sinh - Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2024	Đạt	
1808	14	Nguyễn Thế Anh	25/09/1982		Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/09/2009	15.113	ĐHSP	SPTDĐT- GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1809	15	Trần Thị Xuyến		12/08/1988	Tổ phó chuyên môn	THPT Yên Khánh A	15/09/2010	15.113	ĐHSP	SP Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
1810	16	Nguyễn Thị Quế		14/03/1985	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/12/2014	15.113	ĐHSP Toán, Thạc sỹ Toán Giải tích	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2024	Đạt	
1811	17	Hoàng Út Thương		27/08/1986	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	15/08/2009	15.113	Đại học	Cử nhân khoa học-Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/08/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1812	18	Trần Thị Hà		21/06/1978	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	15/09/2001	15.113	ĐH	SPGDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
1813	19	Nguyễn Thành Trung	04/02/1981		Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/09/2003	15.113	ĐH TDTT I	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
1814	20	Hoàng Thị Kim Sen		21/04/1977	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/10/2000	15.113	ĐH	Cử nhân Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
1815	21	Phạm Thị Huyền		09/09/1979	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
1816	22	Nguyễn Thị Loan		23/03/1982	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	06/09/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
1817	23	Trịnh Thị Hồng		24/11/1984	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/10/2007	15.113	ĐHSP	SP Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/08/2025	Đạt	
1818	24	Bùi Thanh Huyền		20/07/1977	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	01/09/1999	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2023	Đạt	
1819	25	Tổng Thị Hồng Luyến		23/09/1982	Giáo viên	THPT Yên Khánh A	06/09/2004	15.113	ĐHSP	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
		69. THPT Yên Khánh B																		
1820	1	Bùi Thanh Tùng	09/09/1983		Giáo viên	THPT Yên Khánh B	12/09/2006	15.113	Đại Học	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1821	2	Tạ Văn Bình	20/07/1982		Giáo viên	THPT Yên Khánh B	03/09/2003	15.113	Thạc sỹ	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1822	3	Phạm Văn Hùng	22/11/1985		Giáo viên	THPT Yên Khánh B	15/04/2013	15.113	Thạc sỹ	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2025	Đạt	
1823	4	Vũ Thị Huyền		01/03/1977	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/09/1999	15.113	Thạc sỹ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/06/2025	Đạt	
1824	5	Hà Thị Thu Hà		01/08/1986	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/04/2012	15.113	Thạc sỹ	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2024	Đạt	
1825	6	Trịnh Thị Ngọc Minh		23/01/1984	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	15/12/2007	15.113	Cử nhân	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
1826	7	Phạm Thị Bình		14/03/1979	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/09/2003	15.113	Cử nhân	GD KT&PL	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
1827	8	Quách Thị Thảo		18/02/1978	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	02/10/2000	15.113	Đại Học	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2024	Đạt	
1828	9	Lê Thị Ngân		28/12/1981	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/10/2005	15.113	Đại Học	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2023	Đạt	
1829	10	Đỗ Thị Diệu		03/01/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Yên Khánh B	03/09/2004	15.113	Đại Học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
1830	11	Nguyễn Thị Hiền		24/07/1985	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Yên Khánh B	15/07/2011	15.113	Thạc sỹ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2026	Đạt	
1831	12	Đinh Xuân Phúc	11/01/1986		Giáo viên	THPT Yên Khánh B	15/09/2010	15.113	Đại Học	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1832	13	Phan Thị Như		26/08/1988	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/09/2010	15.113	Cử nhân	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1833	14	Trần Quốc Hường	25/08/1983		Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/10/2008	15.113	Đại Học	GDQP&AN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2024	Đạt	
1834	15	Nguyễn Thị Dung		14/01/1980	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/09/2006	15.113	Đại Học	CN Thông tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
1835	16	Hoàng Thị Sáu		04/07/1982	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/09/2006	15.113	Đại Học	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1836	17	Nguyễn Thị Hương Giang		25/07/1981	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	15/06/2007	V.01.07.03	Thạc sỹ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2026	Đạt	
1837	18	Bùi Hoàng Hiệp	25/08/1983		Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/10/2007	15.113	Đại Học	GD KT&PL		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1838	19	Nguyễn Văn Phượng	22/11/1983		Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/10/2007	15.113	Đại Học	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1839	20	Đinh Thị Bắc		12/12/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT Yên Khánh B	01/10/2007	15.113	Thạc sỹ	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/10/2025	Đạt	
1840	21	Đỗ Thị Thanh Phượng		13/11/1984	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/10/2007	15.113	Cử nhân	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2026	Đạt	
1841	22	Đinh Thị Tuyết Dung		02/08/1983	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/09/2006	15.113	Thạc sỹ	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1842	23	Hà Thị Thanh Quỳnh		25/05/1986	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	01/10/2008	15.113	Thạc sỹ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2024	Đạt	
1843	24	Đinh Thị Thu Huế		14/07/1981	Giáo viên	THPT Yên Khánh B	03/09/2004	15.113	Thạc sỹ	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
		70. THPT Vũ Duy Thanh																		
1844	1	Phạm Thị Ngọc Biển		20/03/1986	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	06/01/2010	15.113	Đại học sư phạm	GDTC; CNSP TDTD-GDQP		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2024	Đạt	
1845	2	Bùi Ngọc Minh	16/12/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT Vũ Duy Thanh	01/10/2008	15.113	ĐHSP TDDT	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/7/2025	Đạt	
1846	3	Nguyễn Anh Đức	17/07/1982		Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	6/9/2004	15.113	Đại học; Thạc sĩ	Vật lí - Tin học; Lí luận và PPDH BM Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	
1847	4	Trần Minh Tâm		26/08/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Vũ Duy Thanh	15/12/2007	15a.201	Đại học	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
1848	5	Trần Văn Huy	26/02/1983		Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	1/10/2005	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2026	Đạt	
1849	6	Trịnh Thị Ngôn		07/08/1983	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	01/9/2007	15.113	Đại học	Cử nhân Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
1850	7	Phạm Thị Thu Hằng		11/12/1987	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1851	8	Hoàng Hồng Ngọc		15/06/1984	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	15/9/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
1852	9	Đỗ Thị Hạnh		21/08/1987	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	15/9/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
1853	10	Vũ Thị Hiền		27/01/1987	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	01/6/2010	15.113	Đại học	Cử nhân Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1854	11	Nguyễn Thị Chi		10/02/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Vũ Duy Thanh	15/5/2009	15a.201	Đại học	Sư phạm Giáo dục công dân		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/11/2024	Đạt	
1855	12	Nguyễn Thị Chi		12/12/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT Vũ Duy Thanh	05/9/2011	15.113	Đại học	Sư Phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
1856	13	Ngô Thị-Thắm		16/3/1986	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	01/01/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/4/2026	Đạt	
1857	14	Trần Thị Nga		20/10/1987	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Sư phạm tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2024	Đạt	
1858	15	Đinh Thị Hường		13/4/1987	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	14/9/2011	15.113	Đại học; Thạc sĩ	SP Địa lý; Địa lý tự nhiên		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1859	16	Đỗ Hoàng Anh		26/10/1984.	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	1/10/2007.	15.113	Đại học	Sư phạm Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2026.	Đạt	
1860	17	Phạm Thị Na		22/01/1984	Giáo viên	THPT Vũ duy Thanh	04/01/2010	15.113	ĐH Sư phạm kỹ thuật	Sư phạm kỹ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/4/2026	Đạt	
1861	18	Vương Thị Thanh		21/06/1987	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	15/9/2010	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
1862	19	Phạm Thị Huế		02/06/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT Vũ Duy Thanh	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99	0%	01/04/2024	Đạt	
1863	20	Phạm Thị Thùy Trâm		27/06/1981	Tổ phó chuyên môn	THPT Vũ Duy Thanh	1/10/2005	15.113	Đại học	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,23		01/04/2024	Đạt	
1864	21	Trần Thị Hoàn		03/06/1986	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Vũ Duy Thanh	6/1/2010	15.113	ĐHSP	Sư phạm toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1865	22	Cù Thị Nhẫn		12/01/1988	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	01/10/2010	15.113	Đại Học	Sư phạm Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2026	Đạt	
1866	23	Mai Xuân Quý	15/09/1982		Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	01/11/2006	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/05/2025	Đạt	
1867	24	Đỗ Thị Thanh Hương		14/08/1985	Giáo viên	THPT Vũ Duy Thanh	14/9/2011	15.113	Đại học Thạc sĩ	Cử nhân Lịch sử Lịch sử Thế giới		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
		71. THPT A Duy Tiên																		
1868	1	Phạm Thị Minh Hằng		19/06/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Duy Tiên	01/09/2001	15.113	Đại học	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2023	Đạt	
1869	2	Bùi Thị Hằng		17/01/1989	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/09/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Toán học	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1870	3	Vũ Thị Mị		11/08/1983	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/11/2016	V.07.05.15	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/05/2026	Đạt	
1871	4	Phạm Quang Hợp	02/07/1984		Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/09/2006	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Hóa học vô cơ	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
1872	5	Chu Huy Toàn	15/04/1979		Giáo viên	THPT A Duy Tiên	29/08/2003	15.113	Đại học	Sư phạm GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	
1873	6	Lê Thị Hoài Phương		16/3/1987	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/09/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Sinh học	Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
1874	7	Nguyễn Thị Thiêm		11/02/1986	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/04/2020	V.07.05.15	Đại học	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/02/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1875	8	Nguyễn Thị Chung		25/09/1988	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/09/2011	15.113	Đại học SP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
1876	9	Dương Anh Dũng	29/10/1980		Giáo viên	THPT A Duy Tiên	29/8/2003	15.113	ĐHSP	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2026	Đạt	
1877	10	Phan Thị Thúy Hà		13/03/1981	Tổ phó chuyên môn	THPT A Duy Tiên	29/8/2003	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
1878	11	Đoàn Thị Hồng Gấm		26/07/1982	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
1879	12	Lại Thị Thu Thủy		14/04/1989	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
1880	13	Trần Thị Thái		02/05/1989	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
1881	14	Phạm Thị Lệ Chi		05/11/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Duy Tiên	29/8/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
1882	15	Phạm Thanh Ứng		07/11/1987	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1883	16	Trần Thị Minh Hòa		20/11/1977	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/9/2001	15.113	Đại học	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
1884	17	Đinh Thị Minh Tâm		15/07/1983	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/09/2008	15.113	Đại học SP	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1885	18	Nguyễn Thị Ngọc Thủy		28/9/1988	Giáo viên	THPT A Duy Tiên	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP; Thạc sĩ Văn học nước ngoài	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1896	1	Nguyễn Văn Tiến	28/11/1981		Tổ phó chuyên môn	THPT B Duy Tiên	9/1/2006	15.113	ĐHTDTT	GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1897	2	Nguyễn Đức Duy	02/11/1979		Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Duy Tiên	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2024	Đạt	
1898	3	Hoàng Thị Lành		21/07/1982	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/09/2006	15.113	ĐH TDTT	GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2023	Đạt	
1899	4	Phan Tuấn Anh	27/04/1987		Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/09/2009	15.113	ĐH SPTDTT	GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1900	5	Hoàng Trọng Muôn	24/8/1977		Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/9/2001	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2023	Đạt	
1901	6	Nguyễn Thị Hồng Thịnh		16/12/1979	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2025	Đạt	
1902	7	Nguyễn Việt Cường	02/01/1978		Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2026	Đạt	
1903	8	Lê Văn Phúc	02/09/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT B Duy Tiên	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Hoá học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7/9	4,32		01/03/2025	Đạt	
1904	9	Lê Khắc Cường	13/05/1985		Tổ phó chuyên môn	THPT B Duy Tiên	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
1905	10	Nguyễn Xuân Cường	10/02/1986		Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Sư phạm kỹ thuật		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/7/2024	Đạt	
1906	11	Trần Hữu Hòa	15/12/1977		Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/9/2001	15.113	ĐHSP	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1907	12	Trần Hùng Dũng	20/05/1980		Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Duy Tiên	9/1/2006	15.113	ĐHSP Vật lí; Thạc sĩ lý luận và phương pháp dạy học Vật lí	Vật lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2024	Đạt	
1908	13	Lê Thị Hồng Phương		27/11/1976	Tổ phó chuyên môn	THPT B Duy Tiên	18/8/1999	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/3/2026	Đạt	
1909	14	Trần Thị Hiền		21/11/1988	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Duy Tiên	01/9/2011	15.113	ĐHSP Sinh- KTNN; Thạc sĩ Công nghệ sinh học	Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2026	Đạt	
1910	15	Hoàng Văn Mão	01/02/1987		Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/9/2010	15.113	ĐHSP	GDTC-QP GDQP-AN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
1911	16	Trần Thị Cúc		28/07/1988	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/08/2025	Đạt	
1912	17	Lê Thị Hải		01/11/1979	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/9//2006	15.113	ĐH Tiếng Anh	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1913	18	An Thị Thu Hương		02/03/1989	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Tin		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2024	Đạt	
1914	19	Tạ Kim Thoa		29/7/1985	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Duy Tiên	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1915	20	Phạm Thúy Quỳnh		20/03/1977	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/09/1999	15.113	ĐHSP Sinh-KTNN	Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT		V.07.05.15	9	4,98		01/3/2024	Đạt	
1916	21	Đỗ Văn Thuận	05/10/1987		Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/09/2011	15.113	ĐHSP Toán; Thạc sỹ Toán	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
1917	22	Nghiêm Thị Thúy Hoàn		15/6/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Duy Tiên	29/8/2003	15.113	ĐHSP Ngữ văn , Thạc sỹ Ngữ văn	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1918	23	Nguyễn Thị Thu Hiền		20/08/1985	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Địa lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1919	24	Ngô Thị Thanh Nhân		26/09/1985	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/9/2008	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Địa lí học	Địa lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
1920	25	Phạm Thị Thuý		12/10/1986	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1921	26	Trần Thị Hồng Vân		23/03/1977	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	18/8/1999	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/3/2024	Đạt	
1922	27	Bùi Quang Việt	13/03/1981		Giáo viên	THPT B Duy Tiên	1/9/2008	15.113	Đại học KHTN - ĐH QGHN	Vật lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
1923	28	Nguyễn Thị Kim Dung		09/04/1979	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/09/2001	15.113	ĐH KHXH-NV - ĐH QGHN	Lịch sử	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/3/2026	Đạt	
1924	29	Trần Thu Hường		19/07/1989	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ Văn; ThS Ngữ văn	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/8/2023	Đạt	
1925	30	Đỗ Thị Liên		13/07/1990	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/11/2016	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm thể dục thể thao		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/02/2026	Đạt	
1926	31	Nguyễn Thị Kim Dung		12/11/1974	Tổ phó chuyên môn	THPT B Duy Tiên	01/12/1995	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị(Triết học)		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/10/2025	Đạt	
1927	32	Chu Thị Thanh Hương		20/09/1982	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
1928	33	Đỗ Thị Hường		21/6/1991	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	01/11/2016	V.07.05.15	ĐH sư phạm Địa lí	Địa lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/06/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1929	34	Vũ Thị Hoa		02/08/1976	Giáo viên	THPT B Duy Tiên	20/09/1999	15.113	ĐHSP Vật lí - Tin học	Vật lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
73. THPT Nguyễn Hữu Tiến																				
1930	1	Lê Thanh Hiền	02/04/1988		Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2011	15.113	ĐHSP	SP TĐTT		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2023	Đạt	
1931	2	Nguyễn Đăng Kiên	23/04/1976		Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2004	15.113	ĐHSP, ThS	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2024	Đạt	
1932	3	Nguyễn Văn Linh	20/12/1988		Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2011	15.113	ĐHSP, ThS	SP Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1933	4	Nguyễn Trung Kiên	03/03/1981		Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	
1934	5	Đinh Thị Bích Thảo		04/05/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2007	15.113	ĐHSP	SP Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
1935	6	Nguyễn Thị Kim Cúc		30/11/1983	Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2006	15.113	ĐH	Sinh học	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1936	7	Lê Thị Thơm		30/06/1984	Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2006	15.113	ĐHSP	SP Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1937	8	Nguyễn Thị Hồng Lê		21/07/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2024	Đạt	
1938	9	Vũ Thúy Hồng		15/08/1989	Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2011	15.113	ĐHSP	SP Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1939	10	Bùi Thị Bình		13/10/1985	Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh SP		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
1940	11	Lê Thị Nhuân		25/09/1989	Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2011	15.113	ĐHSP	SP Địa lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2026	Đạt	
1941	12	Hoàng Thị Thắm		09/10/1985	Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	24/08/2009	15.113	ĐH	Toán	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
1942	13	Trịnh Thị Thu Thuý		12/12/1989	Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2011	15.113	ĐHSP	SP Hoá học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
1943	14	Nguyễn Thị Thơm		06/07/1989	Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2011	15.113	ĐHSP	GDCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2026	Đạt	
1944	15	Nguyễn Thị Út		15/05/1986	Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2011	15.113	ĐHSP	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
1945	16	Vũ Văn Tiến	05/02/1989		Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	15/10/2014	15.113	ĐHSP, ThS	SP Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		15/01/2024	Đạt	
1946	17	Phan Thị Chót		25/08/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2025	Đạt	
1947	18	Nguyễn Thị Hường		17/03/1988	Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	20/08/2010	15.113	ĐHSP	SP Sinh- KTNN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
1948	19	Trần Thanh Thúy		07/10/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Hữu Tiến	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1949	20	Đỗ Thị Linh		02/04/1987	Giáo viên	THPT Nguyễn Hữu Tiến	24/08/2009	15.113	ĐHSP	SP Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
		74. THPT A Kim Bảng																		
1950	1	Nguyễn Thị Hường		02/11/1976	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Kim Bảng	18/08/1999	15.113	ĐHSP NN	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7	01/06/2026	Đạt	
1951	2	Vũ Trung Kiên	27/4/1984		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Kim Bảng	28/08/2008	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2025	Đạt	
1952	3	Lương Thị Nhâm		13/04/1983	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	14/01/2020	15.113	ĐHSP ; Thạc sỹ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
1953	4	Vũ Thị Thanh Huyền		13/06/1985	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	28/08/2008	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1954	5	Đinh Thị Nụ		19/07/1989	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP KTNN, Thạc sỹ Sinh học	KTNN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2024	Đạt	
1955	6	Vũ Thị Hồng Huế		09/01/1986	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
1956	7	Đoàn Thị Liên		22/03/1976	Tổ phó chuyên môn	THPT A Kim Bảng	01/11/2001	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
1957	8	Trần Thị Thu Nga		22/08/1982	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/09/2004	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Lí luận và PPDH Văn - TV	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	
1958	9	Dương Thị Kiều Diệu		10/10/1990	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Địa Lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2025	Đạt	
1959	10	Nguyễn Hoài Linh		24/01/1987	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	14/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP, Thạc sỹ Toán Giải Tích	Toán học	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1960	11	Chu Thị Thư		27/05/1990	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/11/2016	V.07.05.15	Đại học	Sư phạm kĩ thuật		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/11/2025	Đạt	
1961	12	Nguyễn Thị Thanh Mai		14/05/1989	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học, Thạc sĩ LL&PPDH Hóa học	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2025	Đạt	
1962	13	Đỗ Thị Thanh Thúy		30/01/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT A Kim Bảng	01/09/2008	15.113	ĐHSP Sinh - KTNN Thạc sỹ LL&PPDH Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
1963	14	Vũ Thị Minh Tuyệt		05/10/1984	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/09/2006	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Văn-TV	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
1964	15	Vũ Thị Tuyết		14/11/1984	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/11/2016	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V. 07.05.15	7	4,32		01/05/2026	Đạt	
1965	16	Trần Thị Kim Cúc		12/10/1976	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Kim Bảng	18/08/1999	15.113	ĐHSP	Hoá Học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/06/2026	Đạt	
1966	17	Nguyễn Thị Hòa Hào		02/11/1984	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Địa Lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GVTHPT hạng III	V07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1967	18	Hà Ngọc Lan		08/10/1981	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/09/2006	15.113	Cử nhân Vật Lí; Thạc sỹ LL&PPDH bộ môn Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
1968	19	Nguyễn Thị Hòa		20/09/1979	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Địa Lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V070515	9	4,98		01/09/2025	Đạt	
1969	20	Nguyễn Thị Ngọc Bích		20/07/1987	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/9/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ LL Và PP dạy học Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V070515	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1970	21	Nguyễn Thị Nên		11/03/1989	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/09/2011	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ LL&PPDH	Hoá học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1971	22	Trương Thị Thúy Lan		23/07/1983	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Kim Bảng	01/09/2006	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Sư phạm Toán	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2026	Đạt	
1972	23	Nguyễn Thị Thúy Nga		16/10/1975	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/09/1996	15.113	ĐHSP TDTT- GDQP, Cao đẳng TDTT	TDTT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/03/2026	Đạt	
1973	24	Vũ Thị Kim Cúc		10/07/1992	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP, Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/08/2026	Đạt	
1974	25	Chu Thị Hoa		24/10/1990	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	14/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2023	Đạt	
1975	26	Nguyễn Thị Thu		06/10/1983	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/09/2006	15.113	ĐHSP Hóa- Sinh , Thạc sĩ Hóa học	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
1976	27	Hoàng Thị Nhàn		22/07/1989	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	14/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP, Thạc sĩ LL&PPDH	Toán	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/08/2025	Đạt	
1977	28	Đinh Thị Thuý Ngân		28/09/1985	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	28/8/2008	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
1978	29	Hoàng Phương Thảo		07/04/1987	Giáo viên	THPT A Kim Bảng	01/9/2011	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Vật lí	Vật lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
		75. THPT B Kim Bảng																		
1979	1	Trần Ngọc Hà		10/11/1988	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
1980	2	Vũ Văn Lương	10/10/1980		Giáo viên	THPT B Kim Bảng	29/8/2003	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		1/1/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1981	3	Trần Mạnh Thắng	24/09/1986		Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2008	15.113	ĐHSP TDTT Hà Tây	Giáo dục thể chất		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
1982	4	Trương Thị Thỉnh		14/10/1984.	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2024	Đạt	
1983	5	Phan Thị Xuân		10/6/1979	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		1/9/2024	Đạt	
1984	6	Trần Việt Hà		18/12/1983	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
1985	7	Nguyễn Thị Thoa		10/08/1985	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Địa lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
1986	8	Hà Thị Thương		03/09/1987	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Sư Phạm Vật Lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
1987	9	Nguyễn Thị Thùy Dương		19/05/1987	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Sư Phạm Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
1988	10	Trịnh Thị Hồng Tiếp		15/10/1982	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		1/12/2024	Đạt	
1989	11	Đinh Thị Thu Hằng		03/10/1991	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2026	Đạt	
1990	12	Bùi Thị Liên		18/06/1986	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
1991	13	Lê Thị Khánh Ly		13/06/1985	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
1992	14	Trần Văn Dũng	14/04/1985		Giáo viên	THPT B Kim Bảng	1/9/2011	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
1993	15	Nguyễn Văn Thịnh	28/12/1976		Giáo viên	THPT B Kim Bảng	18/08/1999	15.113	ĐHSP	Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/06/2026	Đạt	
1994	16	Kiều Thị Thủy		01/04/1987	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/10/2010	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2026	Đạt	
1995	17	Nguyễn Thị Huyền		22/12/1986	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		1/12/2025	Đạt	
1996	18	Dương Thị Thủy		19/09/1986	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
1997	19	Trương Văn Duyên	04/08/1983		Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tin học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026'	Đạt	
1998	20	Lại Thị Vân		20/08/1989	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/04/2020	V.07.05.15	ĐHSP Sư phạm Vật lý Thạc sỹ Khoa học giáo dục	Vật lý		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GVTHPT hạng III	V07.05.15	4	3,33		01/11/2024	Đạt	
1999	21	Tạ Thị Thanh Chung		03/10/1984	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2024	Đạt	
2000	22	Nguyễn Đình Vượng	13/07/1977		Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2004	15.113	ĐH Công nghệ Sinh học, Thạc sĩ Công nghệ Sinh học	Công nghệ Sinh học	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
2001	23	Lê Thị Duyên		28/10/1982	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2006	15.113	ĐHCNTT	Tin học	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
2002	24	Hoàng Thị Lan		06/09/1983	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2003	25	Nguyễn Văn Mạnh	04/08/1987		Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2011	15.113	ĐHSP	GDQP-AN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2004	26	Trần Thị Duyên		07/01/1989	Giáo viên	THPT B Kim Bảng	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Sư phạm kỹ thuật		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
		76. THPT C Kim Bảng																		
2005	1	Trần Đức Hùng	19/10/1985		Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2008	15.113	Đại học sư phạm	Giáo dục Thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
2006	2	Nguyễn Thị Thu Hiền		27/12/1984	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2008	15.113	Cử nhân sư phạm; Thạc sĩ Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
2007	3	Trần Thị Hiền		02/01/1988	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2011	15.113	Đại học sư phạm	Vật lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III		6	3,99		01/12/2025	Đạt	
2008	4	Dương Văn Học	08/03/1984		Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2006	15.113	Đại học sư phạm	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2024	Đạt	
2009	5	Vũ Thị Dung		29/09/1981	Tổ phó chuyên môn	THPT C Kim Bảng	05/09/2003	15.113	Cử nhân sư phạm, Thạc sĩ.	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2025	Đạt	
2010	6	Lê Thị Hằng		08/02/1986	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2008	15.113	Đại học sư phạm	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2023	Đạt	
2011	7	Dương Văn Tuyển	13/10/1982		Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2008	15.113	Đại học sư phạm, Thạc sĩ	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
2012	8	Nguyễn Hữu Khánh	20/09/1987		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Kim Bảng	24/08/2010	15.113	ĐHSP Sinh học; Thạc sĩ Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2013	9	Trần Thị Thu Hằng		20/11/1984	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2008	15.113	Đại học sư phạm; Thạc sĩ	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
2014	10	Đinh Thị Vi		01/01/1986	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2011	15.113	Đại học sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
2015	11	Nguyễn Kiều Loan		13/09/1987	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2011	15.113	Đại học sư phạm; Thạc Sĩ	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
2016	12	Dương Thị Hằng		22/09/1982	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2025	Đạt	
2017	13	Nguyễn Thị Quý		20/10/1987	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2011	15.113	Đại học sư phạm	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2024	Đạt	
2018	14	Lê Xuân Hào	14/10/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT C Kim Bảng	01/09/2006	15.113	Đại học sư phạm	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
2019	15	Trương Thị Thủy		23/07/1980	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2004	15.113	Cử nhân ngoại ngữ	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2025	Đạt	
2020	16	Nguyễn Thị Oanh		04/04/1980	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	05/09/2003	15.113	Đại học sư phạm	Vật lí -KTCN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2026	Đạt	
2021	17	Nguyễn Thị Thủy Vân		02/03/1985	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2011	15.113	Đại học sư phạm	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
2022	18	Dương Thị Yến		26/08/1990	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	14/01/2020	V.07.05.15	Đại học sư phạm	Sư phạm Toán học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/04/2025	Đạt	
2023	19	Nguyễn Việt Hồng		18/08/1986	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/09/2011	15.113	Đại học sư phạm	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2024	20	Nguyễn Thị Chinh		19/12/1989	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/11/2016	V.07.05.15	Đại học Sư phạm	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/11/2025	Đạt	
2025	21	Nguyễn Thị Thuý		16/08/1986	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/9/2011	15.113	Đại học sư phạm; Thạc sĩ LLPPDH Sinh học	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15:	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2026	22	Trịnh Thị Lâm		14/10/1985	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	14/01/2020	V.07.05.15	Đại học Sư phạm	GDCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2025	Đạt	
2027	23	Nguyễn Thị Nhuan		13/01/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT C Kim Bảng	01/09/2011	15.113	Đại học sư phạm	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2028	24	Chu Thị Huyền		10/01/1979	Giáo viên	THPT C Kim Bảng	05/09/2003	15.113	Đại học sư phạm	GD Chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
2029	25	Cao Văn Hà	21/07/1991		Giáo viên	THPT C Kim Bảng	01/11/2016	V.07.05.15	Đại học sư phạm TĐTT; Thạc sĩ Giáo dục học (TĐTT)	Giáo dục thể chất		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/08/2026	Đạt	
		77. THPT Lý Thường Kiệt																		
2030	1	Lại Thị Tám		01/03/1980	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2025	Đạt	
2031	2	Phạm Thị Minh Nguyễn		15/11/1983	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2006	15.113	ĐHSP Ngữ văn, Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
2032	3	Trần Thị Thu Hà		10/07/1981	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2008	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
2033	4	Tạ Duy Tuấn	15/10/1976		Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2001	15.113	Cử nhân TĐTT	TĐTD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/06/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2034	5	Nguyễn Thị Thảo		21/10/1983	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Sinh - Công nghệ		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
2035	6	Nguyễn Tiến Lâm	28/08/1986		Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	28/08/2008	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
2036	7	Vũ Hồng Hải		19/10/1981	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	29/08/2003	15.113	ĐHSP Địa lí; Thạc sĩ Địa lí	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2023	Đạt	
2037	8	Nguyễn Thu Huyền		25/03/1982	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2004	15.113	ĐHSP Vật lí; Thạc sỹ Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	
2038	9	Tạ Thị Hồng		08/09/1988	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2010	V.07.05.15	ĐHSP	Giáo Dục Thể Chất		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2039	10	Ngô Thị Thủy		01/05/1985	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2011	15.113	ĐHSP Hóa học; Thạc sỹ Hóa	Hóa Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2040	11	Lê Thị Thu Hà		24/05/1985	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2008	15.113	ĐHSP Ngữ Văn; Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
2041	12	Đỗ Thị Là		25/08/1985	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2008	15.113	ĐHSP	SP kỹ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
2042	13	Lê Thị Quỳnh Len		15/04/1985	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2008	15.113	ĐHSP Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
2043	14	Vũ Văn Lâm	18/01/1977		Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Toán- Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2024	Đạt	
2044	15	Đinh Thị Ngẫun		01/02/1983	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	14/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2045	16	Nguyễn Thị Hường		09/10/1977	Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
2046	17	Trương Thị Hiền		26/03/1984	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2006	15.113	ĐHSP Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
2047	18	Đỗ Thu Hường		23/07/1987	Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2011	15.113	ĐH Sư Phạm Toán; Thạc sĩ Toán	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
2048	19	Lê Xuân Chí	09/08/1987		Giáo viên	THPT Lý Thường Kiệt	01/09/2009	V.07.05.15	ĐHSP	Giáo Dục Thể Chất		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
		78. THPT A Thanh Liêm																		
2049	1	Hoàng Thị Thu Hiền		22/07/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT A Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
2050	2	Vũ Thị Thảo		22/04/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Thanh Liêm	29/08/2003	15.113	ĐHNN; Thạc sỹ Tiếng Anh	Tiếng Anh- Sư phạm		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/06/2026	Đạt	
2051	3	Lại Ngọc Hà		31/07/1989	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
2052	4	Lại Thị Tuyết Lan		01/12/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Thanh Liêm	18/08/1999	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/09/2025	Đạt	
2053	5	Nguyễn Văn Bính	26/10/1988		Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2054	6	Nghiêm Thị Điệp		13/03/1988	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2055	7	Nguyễn Chí Hiếu	28/10/1984		Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/11/2016	V.07.05.15	ĐH TDTT; Thạc sỹ	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/02/2025	Đạt	
2056	8	Nguyễn Thanh Nga		05/04/1978	Tổ phó chuyên môn	THPT A Thanh Liêm	01/09/2000	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
2057	9	Nguyễn Thế Quyết	14/01/1984		Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Giáo dục Quốc phòng an ninh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
2058	10	Nguyễn Tiến Ngọc	17/08/1985		Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	Đại học	Cử nhân Vật lý	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
2059	11	Đào Thị Huệ		10/08/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT A Thanh Liêm	01/09/2004	15.113	ĐH NLTN	Sư phạm KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2025	Đạt	
2060	12	Vũ Thị Huyền Trang		18/12/1987	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2061	13	Nguyễn Thị Liệu		28/10/1984	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Sinh- KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2062	14	Nguyễn Thị Mai Phương		20/12/1982	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
2063	15	Đinh Thị Hồng Thanh		15/09/1979	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2023	Đạt	
2064	16	Trần Thị Bích Ngọc		29/07/1978	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
2065	17	Cao Thị Hà		03/05/1984	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2066	18	Ngô Thị Kim Phụng		26/05/1978	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2004	15.113	ĐHKTCN	CNTT	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
2067	19	Lại Thúy Hồng		16/08/1979	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2025	Đạt	
2068	20	Thiệu Thị Thu		13/08/1986	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	ĐHSP Thạc sĩ	Vật lý		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
2069	21	Nguyễn Thị Thu		16/06/1982	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2004	15.113	ĐHKHTN	Địa lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
2070	22	Trần Thị Bích Liên		06/07/1984	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2071	23	Vũ Thị Hằng		06/03/1980	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/01/2024	Đạt	
2072	24	Đỗ Thị Bích Huệ		05/11/1992	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP; Thạc sỹ	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/02/2026	Đạt	
2073	25	Lê Thị Xuyên		24/02/1977	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2000	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
2074	26	Trần Thị Ngọc Hân		11/04/1978	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2000	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
2075	27	Phạm Thị Thu Thủy		25/08/1988	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHNN	Tiếng Anh Sư phạm		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2076	28	Bùi Thị Hiền Lương		21/11/1985	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	18/08/2008	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2077	29	Trương Thị Lê		19/04/1985	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
2078	30	Đinh Thị Kim Thuận		07/03/1984	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
2079	31	Nguyễn Thị Hồng		15/02/1985	Giáo viên	THPT A Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
		79. THPT B Thanh Liêm																		
2080	1	Cao Văn Khoát	02/08/1979		Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHSP sinh học Thạc sĩ sư phạm sinh học	Sinh - KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2081	2	Nguyễn Quý Trọng	01/06/1981		Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Thanh Liêm	01/09/2003	15.113	ĐH TĐTT	SP GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2023	Đạt	
2082	3	Bùi Thị Lan		03/06/1990	Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	01/11/2016	V.07.05.15	ĐH sư phạm	Sư Phạm Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/08/2024	Đạt	
2083	4	Đỗ Thị Thoan		15/08/1988	Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP chuyên ngành cử nhân Hóa	Cử nhân Hóa	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	Giáo Viên THPT hạng III	V07.05.15	5	3,66		01/10/2023	Đạt	
2084	5	Ngô Phương Thủy		21/04/1990	Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	06/10/2015	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ Sư phạm Văn học nước ngoài	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/10/2025	Đạt	
2085	6	Lê Thái Ngọc	13/02/1977		Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Thanh Liêm	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2024	Đạt	
2086	7	Hoàng Thị Lượng		20/06/1990	Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	01/11/2016	V.07.05.15	Đại học Sư phạm	Sư phạm Kỹ Thuật		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	Giáo Viên THPT hạng III	V07.05.15	5	3,66		01/02/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2087	8	Trần Ngọc Quang	22/04/1994		Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	01/11/2016	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Toán học Thạc sĩ Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/11/2025	Đạt	
2088	9	Nguyễn Thị Hồng Ngân		10/8/1979	Tổ phó chuyên môn	THPT B Thanh Liêm	29/08/2003	15.113	Đại học	Sư phạm giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	8/9	4,65		01/03/2025	Đạt	
2089	10	Nguyễn Thị Huệ		20/01/1991	Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	01/11/2016	V.07.05.15	Đại học sư phạm Toán; Thạc sĩ toán học chuyên ngành hình học và tôpô	Sư phạm Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5/9	3,66		01/02/2026	Đạt	
2090	11	Phạm Thị Hiền		23/07/1991	Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	14/11/2014	15.113	ĐHSP	Địa lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/05/2024	Đạt	
2091	12	Trương Minh Tâm	04/01/1978		Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	01/09/2001	15.113	ĐHTDĐT	SP GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2023	Đạt	
2092	13	Lê Thị Huệ		27/4/1981	Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	29/08/2003	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	8/9	4,65		01/03/2024	Đạt	
2093	14	Phạm Thị Huệ		05/12/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Thanh Liêm	29/8/2003	15.113	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	8/9	4,65		01/03/2024	Đạt	
2094	15	Nguyễn Thị Nhân		14/02/1989	Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2095	16	Trần Thị Hường		22/02/1978	Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	01/09/2001	15.113	Đại học	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	9/9	4,98		01/09/2024	Đạt	
2096	17	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh		16/03/1978	Tổ phó chuyên môn	THPT B Thanh Liêm	01/09/2001	15.113	Đại học	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	9/9	4,98		01/09/2024	Đạt	
2097	18	Lê Thị Thuý		16/09/1989	Giáo viên	THPT B Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	5/9	3,66		01/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2108	1	Nguyễn Thị Hưng		10/07/1985	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
2109	2	Bùi Trọng Giáp	30/12/1986		Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
2110	3	Lâm Thị Hồng Loan		17/09/1981	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
2111	4	Phạm Thị Chuyển Hạnh		25/01/1982	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2006	15.113	Đại học, Thạc sỹ	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
2112	5	Lê Thị Thu Hương		04/12/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Thanh Liêm	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2025	Đạt	
2113	6	Cao Thị Lệ Thủy		30/04/1984	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	Đại học, Thạc sỹ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2025	Đạt	
2114	7	Lê Văn Diên	01/10/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT C Thanh Liêm	01/9/2006	15.113	ĐHSP	GDCD		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		1/6/2026	Đạt	
2115	8	Nguyễn Thị Dịu		25/08/1981	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2006	15.113	Đại học, Thạc sỹ	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
2116	9	Dương Văn Tấn	09/09/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT C Thanh Liêm	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
2117	10	Phan Thị Huyền		07/11/1990	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/11/2016	V.07.05.15	Đại học	Sư phạm Tin học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/11/2025	Đạt	
2118	11	Lê Thanh Nga		06/04/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT C Thanh Liêm	01/09/2005	15.113	Đại học	Sư phạm Sinh - KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2119	12	Vũ Thị Tuyết		03/9/1984	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	Đại học và Thạc sỹ	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2120	13	Đinh Thị Hằng		15/2/1988	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Sư phạm Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2121	14	Viên Đức Tuấn	06/01/1981		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Thanh Liêm	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	
2122	15	Đinh Kiên Trung	04/11/1982		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Thanh Liêm	01/09/2006	15.113	Đại học	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
2123	16	Nguyễn Thị Hạnh Lâm		27/02/1977	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	18/08/1999	15.113	Đại học	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2023	Đạt	
2124	17	Dương Thị Thu Phương		18/10/1989	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2026	Đạt	
2125	18	Nguyễn Văn Toán	30/10/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT C Thanh Liêm	01/09/2006	15.113	Đại học	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
2126	19	Nguyễn Minh Phúc	10/01/1984		Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	Đại học	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
2127	20	Đinh Thị Phượng		24/06/1980	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2006	15.113	Đại học, Thạc sỹ	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
2128	21	Đinh Thị Tĩnh		08/03/1979	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2008	15.113	Đại học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2025	Đạt	
2129	22	Nguyễn Thị Thu Hiền		11/03/1982	Giáo viên	THPT C Thanh Liêm	01/09/2004	15.113	Đại học	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
		81. THPT Lê Hoàn																		
2130	1	Trịnh Thị Lan		28/ 05 /1978	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	01/ 9/2001	15.113	ĐHSP	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2024	Đạt	
2131	2	Lê Thị Thanh Quý		14/10/1988	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	01/09/2011	15.113	ĐH Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
2132	3	Nguyễn Thị Trang		16/09/1988	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	01/09/2011	15.113	ĐHSP Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
2133	4	Hoàng Thị Huyền		07/01/1989	Tổ phó chuyên môn	THPT Lê Hoàn	01/9/2011	15.113	ĐH SP Địa lí, Thạc sỹ Địa lí tự nhiên	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
2134	5	Trần Thị Ly		06/8/1987	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lê Hoàn	24/08/2009	15.113	ĐHSP	SP Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
2135	6	Vũ Thị Vân Anh		06/12/1988	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	01/11/2016	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Lịch sử, Thạc sĩ Lịch sử thế giới	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/08/2024	Đạt	
2136	7	Phạm Hồng Thu	04/04/1987		Giáo viên	THPT Lê Hoàn	31/08/2011	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ lý luận và phương pháp dạy học Toán	Sư phạm Toán học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2137	8	Đào Thị Thắng		02/02/1988	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	31/08/2011	15.113	Cử nhân sư phạm Hóa học; thạc sĩ LL và PP dạy học môn Hóa học	Sư phạm Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2023	Đạt	
2138	9	Đặng Thị Thủy		15/02/1989	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	01/9/2011	15.113	Đại học	Sư phạm Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
2139	10	Hoàng Anh Tuân	16/01/1985		Giáo viên	THPT Lê Hoàn	01/9/2011	15.113	ĐH CNTT	CNTT	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương liên hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính đề xét nâng bậc lương lần sau		
2140	11	Vân Thị Kim Thanh		18/09/1982	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
2141	12	Dương Thị Thu Hiền		26/02/1988	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lê Hoàn	01/9/2011	15.113	Cử nhân SP Tiếng anh; Thạc sỹ PPGD Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2142	13	Đỗ Thị Yến		22/09/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lê Hoàn	01/09/2006	15.113	Đại học Sư phạm	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
2143	14	Lại Thị Thanh		01/10/1987	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	01/9/2011	15.113	ĐH GD Chính trị	GD Chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2144	15	Nghiêm Thị Chúc		08/01/1984	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	01/09/2008	15.113	ĐH SP	Sư phạm Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2145	16	Nguyễn Văn Phú	16/01/1987		Tổ phó chuyên môn	THPT Lê Hoàn	01/9/2011	15.113	ĐH SPKT	Tin học ứng dụng	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2146	17	Đinh Thị Nga		28/06/1989	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	01/9/2011	15.113	Cử nhân sư phạm	Sư phạm Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2147	18	Nguyễn Thị Huyền		15/12/1986	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	24/08/2009	15.113	Đại học sư phạm	Cử nhân sư phạm vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2148	19	Nguyễn Thị Thu		06/10/1981	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	29/08/2003	15.113	ĐH Sư phạm	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
2149	20	Nguyễn Thị Hải Yến		20/06/1989	Giáo viên	THPT Lê Hoàn	01/9/2011	15.113	ĐHSP Tiếng Anh	Cử nhân Sư phạm Tiếng anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
2150	21	Hoàng Thị Hiền		05/10/1989	Tổ phó chuyên môn	THPT Lê Hoàn	01/11/2016	V.07.05.15	Đại học Giáo dục - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Sư phạm Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
		82. THPT A Bình Lục																		
2151	1	Nguyễn Kim Thanh		20/9/1987	Giáo viên	THPT A Bình Lục	01/9/2011	15.113	Cử nhân ĐHSP. Thạc sỹ Lịch sử	Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
2152	2	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		01/03/1984		THPT A Bình Lục	1/9/2007	15.113	ĐHSP Toán, Thạc sĩ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
2153	3	Phạm Thị Hồng		23/5/1983	Giáo viên	THPT A Bình Lục	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2026	Đạt	
2154	4	Vũ Thị Tuyết Lan		24/01/1989		THPT A Bình Lục	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2155	5	Vũ Đức Tấn	15/10/1986		Giáo viên	THPT A Bình Lục	01/09/2008	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2025	Đạt	
2156	6	Lê Thị Thanh Nhân		03/09/1988	Tổ phó chuyên môn	THPT A Bình Lục	01/9/2011	15.113	ĐH SP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT Hạng III	V.07.05.15	6/9	3,99		01/06/2025	Đạt	
2157	7	Phạm Thị Phương Thảo		13/06/1990	Giáo viên	THPT A Bình Lục	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/11/2025	Đạt	
2158	8	Nguyễn Văn Huy	14/02/1979		Giáo viên	THPT A Bình Lục	1/9/2006	15.113	ĐH Thế Dục Thế Thao	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		1/03/2026	Đạt	
2159	9	Nguyễn Thị Hiền		05/08/1988		THPT A Bình Lục	01/9/2011	15.113	ĐH SP Sinh học	Sinh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2160	10	Trần Thị Hào		17/09/1989	Giáo viên	THPT A Bình Lục	14/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP	GD CD - GDQP GDQP-AN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2161	11	Đặng Thị Thanh Thủy		02/11/1988	Giáo viên	THPT A Bình Lục	01/09/2011	15.113	ĐH SP Hóa học, Thạc sĩ Hóa học	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2162	12	Nguyễn Thị Huyền		05/08/1983	Giáo viên	THPT A Bình Lục	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2163	13	Trần Thanh Bình		12/02/1979	Giáo viên	THPT A Bình Lục	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2026	Đạt	
2164	14	Nguyễn Bá Hiệp	11/12/1972		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Bình Lục	01/9/1995	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/12/2025	Đạt	
2165	15	Hồ Thị Linh		03/07/1988	Giáo viên	THPT A Bình Lục	01/9/2012	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2166	16	Trần Mạnh Dũng	16/12/1973		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Bình Lục	1/9/1999	15.113	ĐHSP	Vật Lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	1/9/2025	Đạt	
2167	17	Tổng Thị Hồng Tuyền		25/10/1985	Giáo viên	THPT A Bình Lục	01/9/2008	15.113	ĐH Vật Lý, Thạc sĩ Vật Lý	Vật lý		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
2168	18	Bạch Đức Thiện	08/05/1983		Tổ phó chuyên môn	THPT A Bình Lục	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2169	19	Nguyễn Anh Thư		07/01/1987	Giáo viên	THPT A Bình Lục	1/9/2008	15.113	Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội; Thạc sỹ Ngôn Ngữ Anh	SP Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT Hạng III	V 07.05.15	6	3,99		1/3/2024	Đạt	
2170	20	Đỗ Thị Lan		18/06/1980	Giáo viên	THPT A Bình Lục	29/8/2003	15.113	ĐHSP	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		1/3/2025	Đạt	
2171	21	Vũ Ngọc Hoàn	02/05/1972			THPT A Bình Lục	01/09/1994	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/06/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2172	22	Nguyễn Hồng Long	02/04/1976		Giáo viên	THPT A Bình Lục	01/09/2006	15.113	ĐH Thế Dục Thế Thao	GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GVTHPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2026	Đạt	
2173	23	Phạm Thị Thanh Vân		04/08/1983	Giáo viên	THPT A Bình Lục	01/09/2006	15.113	ĐHSP	SP Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2174	24	Nguyễn Thị Hồng Nhung		17/02/1981	Giáo viên	THPT A Bình Lục	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
2175	25	Đặng Quang Đạo	06/02/1972		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Bình Lục	1/9/1995	15.113	ĐHNH-ĐHQG Hà Nội	SP Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/05/2026	Đạt	
2176	26	Nguyễn Thị Minh Thủy		28/10/1984		THPT A Bình Lục	01/09/2006	15.113	ĐH Toán	Toán	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
2177	27	Lã Văn Phương	08/02/1985			THPT A Bình Lục	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
2178	28	Đỗ Thủy Linh		17/11/1981		THPT A Bình Lục	1/9/2004	15.113	Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Cử nhân Tiếng Anh	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		1/9/2025	Đạt	
		83. THPT B Bình Lục																		
2179	1	Trần Thị Huyền		22/09/1990	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2025	Đạt	
2180	2	Nguyễn Tam Khôi	12/10/1973		Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Công nghệ		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		1/12/2023	Đạt	
2181	3	Nguyễn Thị Thủy Anh		05/08/1987	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Bình Lục	01/09/2011	15.113	ĐHSP	SP Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2182	4	Lê Thị Dung		25/11/1986	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Hoá Học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
2183	5	Trần Thị Thanh Hoà		16/10/1982	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2005	15.113	ĐHSP	Sư phạm Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2025	Đạt	
2184	6	Vũ Thị Mỹ Hoà		19/05/1981	Giáo viên	THPT B Bình Lục	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán- Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2024	Đạt	
2185	7	Nguyễn Mạnh Quyết	15/07/1980		Giáo viên	THPT B Bình Lục	29/08/2003	15.113	ĐHSP	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	9	4,98		01/07/2026	Đạt	
2186	8	Trần Thị Thanh Huyền		20/08/1990	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2013	15.113	ĐH	Sư phạm TDTT		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2025	Đạt	
2187	9	Trần Xuân Đạo	25/11/1982		Tổ phó chuyên môn	THPT B Bình Lục	01/09/2006	15.113	ĐH	GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2026	Đạt	
2188	10	Trần Thị Lan		30/05/1985	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2189	11	Nguyễn Thị Thu Hiền		25/04/1981	Giáo viên	THPT B Bình Lục	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
2190	12	Hoàng Bích Huyền		19/03/1982	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
2191	13	Nguyễn Thị Vân		29/03/1989	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP Thạc sĩ	Sư phạm Địa lí Lí luận và PP dạy học Địa lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V07.05.15	5	3,66		01/02/2026	Đạt	
2192	14	Nguyễn Tuấn Trường	06/03/1988		Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2011	15.113	Cử nhân sư phạm vật lí	Vật Lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính đề xét nâng bậc lương lần sau		
2193	15	Nguyễn Văn Thoan	13/06/1984		Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Sư Phạm Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2026	Đạt	
2194	16	Trần Xuân Phú	12/05/1984			THPT B Bình Lục	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Vật Li-Tin học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
2195	17	Trần Thị Mai Phương		06/01/1983	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2196	18	Trần Bá Duy	23/12/1984		Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2197	19	Trần Hạnh Nguyễn		13/08/1982	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2004	15.113	ĐH	Tiếng Anh	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
2198	20	Lê Thị Thúy Vân		16/01/1989	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2199	21	Hoàng Thị Liên		26/08/1985		THPT B Bình Lục	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Hoá học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2200	22	Đỗ Thị Dương Huyền		02/7/1980	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
2201	23	Trương Thị Lý		18/04/1984		THPT B Bình Lục	01/9/2008	15.113	ĐH Vật lí	Vật lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2202	24	Lưu Văn Lực	03/02/1985		Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2203	25	Phạm Thị Thúy		03/01/1990	Giáo viên	THPT B Bình Lục	14/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	Giáo viên THPT Hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2204	26	Bùi Thị Duyên		29/06/1991	Giáo viên	THPT B Bình Lục	01/10/2014	15.113	ĐHSP	SP Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2024	Đạt	
84. THPT C Bình Lục																				
2205	1	Nguyễn Thị Phương Thoa		22/10/1979	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2001	15.113	ĐHSP	Sinh học, KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/3/2024	Đạt	
2206	2	Nguyễn Văn Thanh	18/07/1980		Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
2207	3	Hoàng Thị Huyền Trang		05/04/1988	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2208	4	Bùi Thị Thúy Hằng		10/05/1987	Giáo viên	THPT C Bình Lục	31/8/2011	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2209	5	Nguyễn Thị Thúy Hạnh		24/02/1983	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
2210	6	Phạm Thị Ngân		23/11/1987	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
2211	7	NguyễnThị Hồng Vân		30/4/1984	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
2212	8	Trần Trung Thắng	14/11/1984		Tổ phó chuyên môn	THPT C Bình Lục	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
2213	9	Lương Hải Hưng	20/02/1979		Tổ phó chuyên môn	THPT C Bình Lục	01/9/2004	15.113	ĐHSP	Sinh - Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2214	10	Trần Thị Thúy Hà		27/07/1990	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2025	Đạt	
2215	11	Nguyễn Thế Hoàn	05/08/1980		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Bình Lục	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Sinh- KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	
2216	12	Đào Trung Kiến	03/02/1983		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Bình Lục	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Vật lý - Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
2217	13	Lê Thị Ánh Ngọc		22/10/1981	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2004	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất.		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
2218	14	Nguyễn Thị Hoạt		15/07/1985	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Sinh-KTNN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
2219	15	Nguyễn Đức Linh	20/12/1986			THPT C Bình Lục	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
2220	16	Nguyễn Thị Hoa		12/6/1985	Tổ phó chuyên môn	THPT C Bình Lục	01/9/2008	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Giáo dục chính trị, Triết học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2221	17	Trần Thị Hoài		10/07/1981	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2004	15.113	ĐHSP	Kỹ thuật nông nghiệp		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
2222	18	Phạm Thị Hồng		07/11/1979	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2006	15.113	ĐH	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2023	Đạt	
2223	19	Lương Thị Hương Giang		09/11/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Bình Lục	29/8/2003	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
2224	20	Vũ Thị Xoan		23/02/1979	Giáo viên	THPT C Bình Lục	29/8/2003	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2225	21	Nguyễn Kim Đặng	17/9/1982		Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Bình Lục	28/8/2008	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
2226	22	Nguyễn Đức Thuận	22/08/1981		Giáo viên	THPT C Bình Lục	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2025	Đạt	
2227	23	Trịnh Thị Thanh Hương		08/3/1977	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/1997	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất.		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
2228	24	Lê Nguyễn Chính	18/12/1976		Giáo viên	THPT C Bình Lục	05/9/2003	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
2229	25	Nguyễn Thị Hoà		10/02/1985	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Lịch Sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
2230	26	Lê Thị Thúy Lan		04/03/1980	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2004	15.113	ĐH	Toán-Tin ứng dụng	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2025	Đạt	
2231	27	Nguyễn Thị Nga		11/01/1980	Giáo viên	THPT C Bình Lục	29/08/2003.	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
2232	28	Phạm Thị Thu		10/10/1984	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Vật lý		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
2233	29	Hà Thị Vân Anh		12/01/1986	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2023	Đạt	
2234	30	Trần Thị Nam Dân		13/02/1981	Giáo viên	THPT C Bình Lục	29/8/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2024	Đạt	
2235	31	Phạm Thị Huyền		18/6/1976	Tổ phó chuyên môn	THPT C Bình Lục	15/4/1998	15.113	ĐH	Tiếng Anh	GV THPT ngành Tiếng Anh	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/6/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2236	32	Lê Thị Xuân Lộc		16/6/1985	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2025	Đạt	
2237	33	Nguyễn Tiến Vinh	27/9/1992		Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/8/2017	V.07.05.15	ĐHSP	Giáo dục quốc phòng và an ninh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	3	3,00		01/8/2023	Đạt	
2238	34	Phạm Thị Thu Hoà		15/6/1985	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
2239	35	Trần Thị Thu Hương		01/10/1990		THPT C Bình Lục	01/11/2019	V.07.05.15	ĐHSP	GDCD- GDQP/ GDQPAN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/11/2025	Đạt	
2240	36	Lê Thị Thanh Thủy		26/3/1982	Giáo viên	THPT C Bình Lục	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
		85. THPT A Nguyễn Khuyến																		
2241	1	Trịnh Thủy Linh		02/7/1989	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	15/10/2013	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ Địa lí	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2025	Đạt	
2242	2	Nguyễn Thị Minh		16/8/1988	Tổ phó chuyên môn	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
2243	3	Phạm Thúy Hằng		16/02/1990	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/5/2025	Đạt	
2244	4	Nguyễn Thị Mai Hiền		08/6/1981	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/9/2024	Đạt	
2245	5	Đoàn Ngọc Chiến	11/02/1988		Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính đề xét nâng bậc lương lần sau		
2246	6	Trần Tuấn Chuyên	27/12/1986		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Nguyễn Khuyến	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
2247	7	Nguyễn Văn Được	15/01/1985		Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
2248	8	Đinh Thị Hà		11/9/1990	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/5/2025	Đạt	
2249	9	Đào Thu Hà		28/02/1987	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
2250	10	Lê Văn Kỳ	31/7/1987		Tổ phó chuyên môn	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/9/2024	Đạt	
2251	11	Phạm Văn Định	28/9/1977		Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2004	15.113	ĐH Ngoại Ngữ	Tiếng Anh	CC NVSP chuyên ngành Tiếng Anh	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/6/2025	Đạt	
2252	12	Trần Tuấn Hải	05/8/1988		Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
2253	13	Đào Thị Hồng Hạnh		15/02/1989	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2023	Đạt	
2254	14	Nguyễn Minh Phương		24/8/1982	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	14/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2023	Đạt	
2255	15	Nguyễn Thị Ngọc Hà		24/12/1990	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP; Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/02/2026	Đạt	
2256	16	Nguyễn Thị Viên		15/5/1989	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2257	17	Nguyễn Thị Doan		22/6/1988	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2024	Đạt	
2258	18	Nguyễn Thanh Phương		25/3/1990	Tổ phó chuyên môn	THPT A Nguyễn Khuyến	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP; Thạc sỹ Hoá học	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/5/2025	Đạt	
2259	19	Nguyễn Thị Huyền		03/8/1980	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2004	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2026	Đạt	
2260	20	Thân Thị Hương Giang		04/5/1987	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/9/2024	Đạt	
2261	21	Nguyễn Thị Nương		06/8/1989	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/3/2024	Đạt	
2262	22	Nguyễn Thị Dung		15/3/1986	Giáo viên	THPT A Nguyễn Khuyến	31/8/2011	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
		86. THPT Lý Nhân																		
2263	1	Trần Thị Hương		02/09/1982	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2004	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
2264	2	Dương Thị Hằng		02/09/1983	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
2265	3	Lê Thị Thanh Xuân		01/11/1980	Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Nhân	29/08/2003	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2025	Đạt	
2266	4	Nguyễn Thị Hằng		03/09/1982	Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Nhân	01/09/2006	15.113	ĐHSPTDTT	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2267	5	Ngô Thị Toan		24/11/1987	Giáo viên	THPT Lý nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2268	6	Trần Thị Ngân		04/09/1987	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2269	7	Đỗ Văn Cường	04/05/1985		Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
2270	8	Nguyễn Thị Huyền Trang		05/09/1987	Tổ phó chuyên môn	THPT Lý nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2271	9	Nguyễn Thị Hiền		04/01/1978	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2001	15.113	ĐH SPTDTT	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2024	Đạt	
2272	10	Nguyễn Thị Diệp		28/09/1984	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2006	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
2273	11	Lã Thị Hương		22/02/1987	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
2274	12	Hà Thị Thắm		04/11/1986	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
2275	13	Nguyễn Xuân Tuân	03/03/1988		Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
2276	14	Nguyễn Thị Thiếp		28/07/1988	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2277	15	Đỗ Thị Nga		20/09/1984	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2278	16	Nguyễn Ngọc Ánh		20/11/1988	Giáo viên	THPT Lý Nhân	20/08/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2279	17	Trần Thị Kim Ngân		14/04/1980	Giáo viên	THPT Lý Nhân	29/08/2003	15.113	ĐHSP	GDCT		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
2280	18	Nguyễn Thị Hong Liễu		05/08/1979	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Kĩ thuật công nghiệp		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
2281	19	Hoàng Thị Thúy Vân		18/10/1985	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2282	20	Vũ Thị Huyền		19/08/1981	Giáo viên	THPT Lý Nhân	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
2283	21	Trần Thị Loan		09/05/1988	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2284	22	Trần Xuân Tùng	21/03/1989		Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP	TDTT-GDQP		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2024	Đạt	
2285	23	Trần Thị Huệ		20/05/1986	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/11/2024	Đạt	
2286	24	Nguyễn Phương Loan		17/12/1990	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	GDTC		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/11/2025	Đạt	
2287	25	Bùi Thị Hương Lan		20/04/1978	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Lý Nhân	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/06/2024	Đạt	
2288	26	Lê Thị Thu Hà		01/10/1978	Giáo viên	THPT Lý Nhân	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2289	27	Phạm Văn Khánh	11/11/1981		Tổ phó chuyên môn	THPT Lý Nhân	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
2290	28	Nguyễn Thị Nguyệt		02/01/1986	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
2291	29	Lương Thị Ánh Dương		14/05/1984	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Địa Lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
2292	30	Trần Thị Hằng Nga		07/01/1990	Giáo viên	THPT Lý Nhân	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2025	Đạt	
2293	31	Trần Thị Minh Trang		17/02/1981	Giáo viên	THPT Lý Nhân	04/09/2003	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
2294	32	Nguyễn Thu Thủy		01/04/1982	Giáo viên	THPT Lý Nhân	14/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2024	Đạt	
		87. THPT Bắc Lý																		
2295	1	Cao Văn Kiên	19/07/1984		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Bắc Lý	01/09/2008	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2296	2	Nguyễn Văn Đạt	23/10/1988		Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
2297	3	Nguyễn Thị Tươi		18/04/1993	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/05/2025	Đạt	
2298	4	Phạm Trung Hiếu	25/01/1988		Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2299	5	Phạm Thị Thu Hà		10/03/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Bắc Lý	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	
2300	6	Nguyễn Văn Hà	29/09/1987		Tổ phó chuyên môn	THPT Bắc Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2301	7	Đinh Thị Thoa		07/7/1988	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Bắc Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2302	8	Lương Thị Kim Anh		16/02/1988	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2303	9	Lê Thị Huệ		04/10/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Bắc Lý	01/09/2006	15.113	ĐHNN	Tiếng Anh	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2304	10	Trần Thị Hạnh		05/10/1986	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
2305	11	Nguyễn Thị Thu Huyền		13/12/1989	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2026	Đạt	
2306	12	Nguyễn Thị Tuyết Hoan		15/02/1986	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
2307	13	Trần Thị Thu		13/09/1989	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2308	14	Phạm Thanh Đạo	18/11/1981		Tổ phó chuyên môn	THPT Bắc Lý	01/09/2006	15.113	ĐH Toán - Tin ứng dụng;	Toán tin ứng dụng	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2026	Đạt	
2309	15	Nguyễn Thị Quyền		22/07/1990	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i><u>đáp ứng</u></i> <i><u>đủ</u></i> các tiêu chuẩn, <i><u>điều kiện thi ghi là</u></i> <i><u>Đạt</u></i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2310	16	Ngô Thị Thủy Chung		16/06/1986	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2011	15.113	ĐH Sinh học	Sinh học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
2311	17	Trần Thị Lai		23/01/1980	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
2312	18	Trần Văn Tiếp	01/11/1979		Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2006	15.113	ĐH Tin học	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2313	19	Phạm Thị Thu		25/04/1986	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2314	20	Lê Thị Hồng Minh		06/12/1980	Tổ phó chuyên môn	THPT Bắc Lý	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2024	Đạt	
2315	21	Trần Minh Thảo	09/01/1982		Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
2316	22	Phạm Thị Hồng		16/06/1989	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2025	Đạt	
2317	23	Nguyễn Thị Duyên		11/11/1988	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
2318	24	Bùi Thị Thuý Mai		01/01/1990	Giáo viên	THPT Bắc Lý	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHNH ĐHQG HN	sư phạm Tiếng Anh		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2026	Đạt	
		88. THPT Nam Lý																		
2319	1	Trần Văn Hùng	12/09/1988		Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP Toán, Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2320	2	Trần Hải Yến		30/05/1985	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nam Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP Ngữ văn Thạc sĩ: Ngôn ngữ học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2321	3	Trần Thị Bích Ngà		01/09/1984	Tổ phó chuyên môn	THPT Nam Lý	01/09/2008	15.113	ĐHSP	SP Sinh- KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2322	4	Đặng Thị Thu Hiền		24/09/1993	Giáo viên	THPT Nam Lý	01/8/2017	V.07.05.15	ĐHSP	Vật lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/08/2025	Đạt	
2323	5	Trần Thị Sơn		15/02/1988	Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2011	15.113	ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2324	6	Trần Thị Kim Oanh		15/02/1986	Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2023	Đạt	
2325	7	Trần Thị Hồng Gấm		23/08/1989	Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2326	8	Trần Văn Thịnh	06/04/1987		Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
2327	9	Phạm Thị Diện		14/05/1985	Giáo viên	THPT Nam Lý	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
2328	10	Trương Xuân Mừng	30/11/1984		Giáo viên	THPT Nam Lý	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Thể Dục Thể Thao		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2026	Đạt	
2329	11	Hoàng Minh Thắng	02/03/1976		Giáo viên	THPT Nam Lý	31/12/2004	15.113	ĐHSP	Địa lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
2330	12	Phạm Thị Thanh		29/09/1978	Tổ phó chuyên môn	THPT Nam Lý	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Giáo dục công dân		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/07/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2331	13	Trần Thị Luyến		06/12/1980	Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2006	15.113	Cử Nhân	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/06/2024	Đạt	
2332	14	Trương Văn Huy	03/05/1989		Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2333	15	Nguyễn Thị Minh Thu		09/11/1983	Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2006	15.113	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V07.05.15	8	4,65		01/06/2026	Đạt	
2334	16	Trần Bá Cường	29/07/1979		Giáo viên	THPT Nam Lý	29/08/2003	15.113	Đại Học Nông nghiệp I Hà nội	Cử nhân Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
2335	17	Nguyễn Thị Thanh Tuyền		18/02/1985	Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2336	18	Bùi Xuân Diệu	24/11/1981		Giáo viên	THPT Nam Lý	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2023	Đạt	
2337	19	Trần Tiến Dũng	14/05/1986		Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nam Lý	01/09/2008	15.113	ĐHSP Vật lí, Thạc sĩ Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2338	20	Trần Thị Phương		10/11/1988	Giáo viên	THPT Nam Lý	06/10/2015	15.113	ĐHSP Ngữ văn, Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		08/02/2026	Đạt	
2339	21	Trần Thị Hà		18/11/1987	Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
2340	22	Trương Thế Công	17/08/1988		Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP	GDTC, GD QP-AN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
2341	23	Trần Thị Lan Hằng		10/04/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT Nam Lý	01/09/2008	15.113	ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Sư phạm Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2342	24	Bùi Văn Thái	25/10/1980		Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Tin học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2343	25	Đoàn Thị Thương		17/02/1986	Giáo viên	THPT Nam Lý	01/09/2008	15.113	ĐHSP Giáo dục thể chất, Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
2344	26	Nguyễn Thị Hường		20/04/1987	Giáo viên	THPT Nam Lý	20/08/2010	15.113	ĐHSP	Toán học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/05/2026	Đạt	
2345	27	Trần Thị Quỳnh Trang		08/01/1991	Giáo viên	THPT Nam Lý	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	Sinh học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/05/2025	Đạt	
		89. THPT Nam Cao																		
2346	1	Nguyễn Thị Thủy Linh		06/11/1987	Giáo viên	THPT Nam Cao	01/11/2016	V.07.05.15	Đại học; Thạc sỹ Vật lí	Vật lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/11/2025	Đạt	
2347	2	Trần Thị Thu Hằng		20/04/1989	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nam Cao	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
2348	3	Nguyễn Thị Gương		27/10/1988	Giáo viên	THPT Nam Cao	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2349	4	Nguyễn Thị Bích		14/10/1988	Giáo viên	THPT Nam Cao	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2350	5	Nguyễn Thị Bình		09/02/1987	Giáo viên	THPT Nam Cao	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP, Thạc sỹ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2025	Đạt	
2351	6	Trần Thị Diễm		04/07/1989	Giáo viên	THPT Nam Cao	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP	SP Kỹ thuật nông nghiệp (ghép KTCN và KTGD)		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2362	1	Lương Thị Chính		14/01/1983	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2006	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
2363	2	Phạm Thị Bích Hạnh		14/02/1984	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2006	15.111	ĐH Tiếng Anh sư phạm; Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/6/2024	Đạt	
2364	3	Lê Thị Quyên		02/10/1985	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/09/2008	15.113	ĐH SP Vật lí ; Thạc sĩ Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
2365	4	Ngô Thị Huệ		22/12/1985	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2024	Đạt	
2366	5	Đoàn Thị Hương		13/01/1990	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/5/2025	Đạt	
2367	6	Nguyễn Thị Châm		01/5/1987	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Lịch sử thể giới	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2025	Đạt	
2368	7	Đinh Thị Thúy		15/5/1988	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/6/2025	Đạt	
2369	8	Hoàng Thị Thanh Thúy		08/6/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Phú Lý	05/9/2003	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
2370	9	Nguyễn Thị Bảy		26/11/1979	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2001	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/6/2024	Đạt	
2371	10	Đinh Thị Mây		20/01/1980	Giáo viên	THPT A Phú Lý	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
2372	11	Lê Thị Thu Thúy		24/04/1979	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2001	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2373	12	Hà Thị Vân Anh		02/6/1983	Giáo viên	THPT A Phú Lý	05/9/2005	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
2374	13	Nguyễn Văn Phong	30/11/1985		Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2008	15.113	ĐHSP TĐTT; Thạc sĩ GDTC	GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2025	Đạt	
2375	14	Đinh Thị Bích Hạnh		30/10/1980	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2004	15.113	ĐH TĐTT	SP GDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	
2376	15	Trần Ánh Tuyết		15/01/1978	Tổ phó chuyên môn	THPT A Phú Lý	01/9/2001	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2023	Đạt	
2377	16	Tổng Xuân Hưng	30/8/1989		Giáo viên	THPT A Phú Lý	12/9/2014	15.113	ĐH Hóa học; Thạc sĩ Hóa học;	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2025	Đạt	
2378	17	Lê Thị Minh Thu		07/01/1980	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2003	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2025	Đạt	
2379	18	Bùi Thị Kim Dung		19/4/1982	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2004	15.113	ĐH Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2025	Đạt	
2380	19	Lê Minh Thúy		23/9/1975	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/1996	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/12/2025	Đạt	
2381	20	Ngô Tố Uyên		10/12/1978	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/09/2001	15.113	ĐH Tiếng Anh; Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh	CC môn Giáo dục học; CC môn Phương pháp giảng dạy CC môn Tâm lý học	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2024	Đạt	
2382	21	Trương Thị Lan		28/03/1988	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Địa lí học	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V07.05.15	5	3,66		01/3/2024	Đạt	
2383	22	Lưu Phương Lan		02/12/1980	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Phú Lý	29/8/2003	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/3/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2384	23	Nguyễn Thị Kiều Linh		28/02/1979	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2001	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/3/2025	Đạt	
2385	24	Nguyễn Huệ Hương		11/2/1974	Tổ trưởng chuyên môn	THPT A Phú Lý	01/9/1996	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/9/2025	Đạt	
2386	25	Nguyễn Thị Thủy Ngân		16/7/1990	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/11/2016	15.113	ĐHSP	Địa lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GVTHPT hạng III	V07.05.15	5	3,66		01/5/2025	Đạt	
2387	26	Lê Thị Hanh		13/9/1990	Giáo viên	THPT A Phú Lý	14/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Lịch sử-GDQP		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/11/2025	Đạt	
2388	27	Nguyễn Thị Tú Quyên		03/6/1988	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP; Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/5/2024	Đạt	
2389	28	Hoàng Kiều Vân		18/10/1984	Giáo viên	THPT A Phú Lý	01/9/2008	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
91. THPT B Phú Lý																				
2390	1	Phạm Thị Vân		06/11/1983	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/2006	15.113	Đại học sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2024	Đạt	
2391	2	Nguyễn Thị Thu Trang		27/08/1990	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP Tin học; Thạc sĩ CNTT	Sư phạm Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		11/01/2024	Đạt	
2392	3	Phạm Ánh Quyên		21/07/1979	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/2001	15.113	ĐHSP; thạc sĩ ngữ văn	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
2393	4	Nguyễn Thị Thu Huyền		20/12/1980	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/9/2003	15.113	ĐHSP Toán - Tin; Thạc sỹ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2394	5	Phạm Thị Tuyền		24/05/1980	Giáo viên	THPT B Phú Lý	29/8/2003	15.113	Đại học Sư phạm	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/12/2024	Đạt	
2395	6	Vũ Đức Toàn	01/12/1972		Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Phú Lý	01/09/1996	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/09/2025	Đạt	
2396	7	Nguyễn Thị Hưng		28/11/1977	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/1999	15.113	Đại học Sư phạm; Thạc sĩ: Ngữ Văn	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/03/2026	Đạt	
2397	8	Lại Thị Dung		18/06/1987	Giáo viên	THPT B Phú Lý	24/08/2009	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2398	9	Hà Thị My		01/07/1988	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP Toán	sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2399	10	Nguyễn Văn Quyền	05/01/1991		Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/11/2016	V.07.05.15	ĐHSP Toán	Toán		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/5/2025	Đạt	
2400	11	Vũ Thị Mai Dung		26/07/1978	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
2401	12	Nguyễn Thị Phương Thảo		08/05/1987	Giáo viên	THPT B Phú Lý	24/08/2009	15.113	ĐHSP	Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		09/01/2025	Đạt	
2402	13	Đinh Thị Tuyết Thoa		25/6/1977	Giáo viên	THPT B Phú Lý	09/3/2009	15.113	ĐHNN-ĐHQG Hà Nội: Cử nhân, Thạc sĩ LL&PPGD môn tiếng Anh	Tiếng Pháp, Tiếng Anh	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
2403	14	Đặng Văn Quỳnh	07/07/1979		Giáo viên	THPT B phủ lý	01/09/2001	15.113	ĐHSP, thạc sỹ Hoá lý	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2025	Đạt	
2404	15	Bùi Quốc Đạt	03/02/1971		Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/1994	15.113	ĐHSP	Công nghệ	Giáo viên dạy nghề	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/12/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2405	16	Lưu Thị Bích Thủy		14/02/1982	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/2004	15.113	ĐHSP Vật Lý - Tin học; Thạc sỹ KHGD - LL&PPGD môn Vật Lý	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2025	Đạt	
2406	17	Vũ Diệu Huyền		22/7/1984	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/9/2006	15.113	ĐHNN-ĐHQG Hà Nội: Cử nhân, Thạc sĩ	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
2407	18	Lê Thị Thuý Biên		08/03/1980	Giáo viên	THPT B Phú Lý	29/8/2003	15.113	ĐH SP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
2408	19	Lê Thị Hồng Liều		17/04/1981	Tổ phó chuyên môn	THPT B Phú Lý	01/09/2003	15.113	ĐH Toán - Tin	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2024	Đạt	
2409	20	Nguyễn Thị Khánh Hoan		29/07/1983	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/2006	15.113	ĐH Hóa	Hóa	CC NVSP bậc I, Bậc II	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
2410	21	Đào Diệu Thủy		04/4/1983	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/9/2006	15.113	Đại học ngoại ngữ	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
2411	22	Nguyễn Phương Thảo		02/01/1983	Tổ phó chuyên môn	THPT B Phú lý	01/9/2006	15.113	Cử nhân SP Sinh- KTNN	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
2412	23	Nguyễn Thị Khánh Thủy		14/10/1977	Giáo viên	THPT B Phú Lý	03/9/1999	15.113	ĐHSP	Vật Lý		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/3/2024	Đạt	
2413	24	Ngô Thị Thơm		28/03/1977	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/9/2024	Đạt	
2414	25	Trần Thị Lan Anh		03/06/1987	Giáo viên	THPT B Phú Lý	24/08/2009	15.113	ĐH Sư phạm Hoá học; Thạc sỹ Hoá học	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2415	26	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng		12/01/1979	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/2003	15.113	ĐHSP, Thạc sỹ Địa lý	Địa Lý		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2416	27	Lã Thị Lương		17/09/1986	Giáo viên	THPT B Phú Lý	24/08/2009	15.113	ĐH Sư phạm Toán ; Thạc sỹ Toán học	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
2417	28	Dương Thị Ngọc		17/11/1980	Giáo viên	THPT B Phú Lý	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Kỹ thuật		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
2418	29	Nguyễn Thị Kim Ngọc		07/08/1981	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/2003	15.113	ĐHSP Toán - Tin Thạc sĩ Toán	Toán-Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2025	Đạt	
2419	30	Phạm Thị Lê Thu		18/10/1982	Giáo viên	THPT B Phú Lý	01/09/2004	15.113	ĐHSPHN	Địa lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
2420	31	Ngô Thị Hoa		15/07/1975	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Phú Lý	01/04/1998	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/06/2026	Đạt	
2421	32	Đoàn Thị Khánh Chi		14/12/1979	Giáo viên	THPT B phú Lý	01/09/2001	15.113	ĐHSP, Cử nhân sư phạm Hoá học	Hoá học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
2422	33	Vũ Thị Thanh Huyền		11/11/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT B Phú Lý	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Hóa học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2025	Đạt	
2423	34	Nhữ Thị Nhuân		27/09/1979	TPCM	THPT B Phú Lý	01/09/2001	15.115	Đại học Sư phạm; Cử nhân: GDGD	GDGD		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2026	Đạt	
		92. THPT C Phú Lý																		
2424	1	Lê Thị Quyết		28/04/1979	Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/09/2003	15.113	ĐH	SPGDTC		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
2425	2	Trịnh Thị Duyên		19/6/1974	Tổ trưởng chuyên môn	THPT C Phú Lý	01/09/1995	15.113	ĐHSP Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	8%	01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2426	3	Trần Đăng Khoa	09/6/1977		Tổ phó chuyên môn	THPT C Phú Lý	1/9/2001	15.113	ĐHSP Lịch sử; Thạc sĩ Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2023	Đạt	
2427	4	Nguyễn Đức Thành	07/10/1986		Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/9/2011	15.113	ĐH Hoá Học	Hoá Học	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
2428	5	Trần Thị Hòa		19/6/1985	Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/9/2011	15.113	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học môn Văn và tiếng Việt	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
2429	6	Nguyễn Thị Thủy Nga		24/10/1985	Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/9/2008	15.113	Đại học	SP TDDT- GDQP; GV GDQP-AN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2430	7	Nguyễn Thị Thu Hương		07/11/1986	Tổ phó chuyên môn	THPT C Phú Lý	01/9/2011	15.113	ĐHSP Tin học; Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tin học	Tin học		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2431	8	Nguyễn Thị Kim		19/6/1977	Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/9/2001	15.113	ĐHSP	Sinh-KTNN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2026	Đạt	
2432	9	Phạm Kim Văn		08/11/1988	Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/9/2011	15.113	ĐHSP Kỹ thuật nông nghiệp (ghép KTCN - KTGD)	KTNN		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2433	10	Nguyễn Thị Thủy Dung		24/8/1977	Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/9/2001	15.113	ĐHSP Sinh-KTNN	Sinh-KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
2434	11	Trần Thị Kim Oanh		29/10/1981	Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/9/2011	15.113	ĐHSP Ngữ văn;Thạc sĩ Ngữ văn chuyên ngành lý luận ngôn ngữ	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2435	12	Trần Thị Hải Yến		09/02/1986	Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/9/2011	15.113	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2436	13	Lương Thúy Hà		29/04/1985	Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/09/2011	15.113	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99	không	01/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2437	14	Đàm Minh Hiệp	01/2/1984		Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/9/2008	15.113	ĐHSP Lịch sử	Lịch sử		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
2438	15	Nguyễn Thị Phương		06/01/1989	Giáo viên	THPT C Phú Lý	01/9/2011	15.113	ĐHSP Vật lí	Vật lí		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
2439	16	Phạm Thị Hồng Loan		18/9/1991	Giáo viên	THPT C Phú Lý	09/8/2017	V.07.05.15	Thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh; Đại học Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/11/2023	Đạt	
		93. GDNN-GDTX Nam Định																		
2440	1	Ngô Sỹ Công	11/11/1980		Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Định	01/10/2002	15.113	ĐHSP: Toán - Tin học, Thạc sỹ: Quản trị kinh doanh	Toán - Tin học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/02/2026	Đạt	
2441	2	Nguyễn Thị Kiều Oanh		16/9/1982	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	11/9/2008	15.113	ĐH	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
2442	3	Nguyễn Huy Tuệ	10/9/1976		Tổ trưởng chuyên môn	GDNN-GDTX Nam Định	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/5/2024	Đạt	
2443	4	Trương Thị Phương		27/8/1983	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Định	01/09/2007	15.113	Đại học SP Ngữ Văn, Thạc sĩ Khoa học GD chuyên ngành LL và PP dạy học bộ môn văn và	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2024	Đạt	
2444	5	Vũ Thị Hoa		19/05/1979	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN-GDTX Nam Định	01/11/2000	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/02/2024	Đạt	
2445	6	Trần Thị Huyền Ngọc		31/10/1982	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	01/10/2004	15.113	ĐH	Văn học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2025	Đạt	
2446	7	Đặng Thị Bích Ngọc		23/07/1985	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	11/09/2008	15.113	ĐH	Toán	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2447	8	Trình Thị Thương		16/08/1985	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	01/09/2008	15.113	ĐHSP	SINH - KTNN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
2448	9	Lương Xuân Thủy	03/02/1979		Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	01/10/2003	15.113	ĐHSP	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/4/2024	Đạt	
2449	10	Bùi Thị Tú		02/01/1977	Tổ phó chuyên môn	GDNN-GDTX Nam Định	01/9/1999	15.113	ĐHSP	Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/3/2026	Đạt	
2450	11	Trương Thị Thu Hương		26/04/1977	Tổ phó chuyên môn	GDNN-GDTX Nam Định	01/11/2000	15.113	Đại học Sư phạm Lịch sử	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
2451	12	Hoàng Thị Minh Thư		02/08/1975	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	15/09/2001	15.113	ĐHSP	Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/10/2025	Đạt	
2452	13	Trương Đình Thì	12/12/1968		Tổ phó chuyên môn	GDNN-GDTX Nam Định	01/9/1994	15.113	ĐHSP	Kỹ thuật công nghiệp		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V07.05.15	9	4,98	9%	01/03/2026	Đạt	
2453	14	Vũ Thị Thu Hương		03/10/1985	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	11/09/2007	15.113	Cử nhân đại học	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
2454	15	Phạm Thị Thủy		26/01/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Định	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2455	16	Trần Thị Bích Hồng		30/07/1984	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	01/9/2007	15.113	ĐH	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
2456	17	Vũ Thị Ban		16/10/1985	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Định	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Cử nhân Giáo dục công dân		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2457	18	Đoàn Thị An		18/10/1991	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Định	01/9/2013	15.113	ĐHSP: Hoá học	Sư phạm Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2458	19	Nguyễn Thị Thúy		25/11/1988	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2459	20	Trần Thị Thom		13/05/1991	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Định	01/09/2013	15.113	ĐHSP	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
2460	21	Nguyễn Thị Thúy Nghiêm		27/12/1976	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	01/3/2000	15.113	Đại học	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Chứng nhận nghiệp vụ sư phạm bậc I+II hệ chính quy	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2023	Đạt	
2461	22	Phạm Văn Hiệp	12/06/1983		Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Nam Định	01/09/2006	15.113	ĐHSP	Kỹ thuật Nông nghiệp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2462	23	Chu Thị Thu Huyền		03/10/1984	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	01/09/2007	15.113	Đại học Sư Phạm Ngũ Văn	Cử nhân SP Ngũ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2025	Đạt	
2463	24	Hà Thị Thanh Bình		20/01/1973	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Định	09/10/1993	01.007	Đại học	Tiếng Anh	CN NVSP	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.13	9	4,98	8%	01/01/2026	Đạt	
2464	25	Nguyễn Thị Mai		05/10/1987	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	14/9/2010	15.113	ĐH Tây Bắc	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
2465	26	Bùi Ngọc Hoài		16/10/1982	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	01/09/2005	15a.201	ĐHSP	Cử nhân Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/12/2023	Đạt	
2466	27	Trần Thị Hồng Nhưng		08/08/1992	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	01/10/2014	15.113	ĐH	Văn học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT Hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2023	Đạt	
2467	28	Nguyễn Thị Thu Hương		24/01/1978	Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	01/11/2000	15.113	Đại học Sư Phạm Ngũ Văn	Ngũ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/11/2024	Đạt	
2468	29	Bùi Việt Nga		16/10/1985	Tổ phó chuyên môn	GDNN-GDTX Nam Định	11/8/2008	15.113	Cử nhân Kinh tế - Đại học Thương Mại; Thạc sĩ Thương mại	Kinh tế	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/02/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
2469	30	Phạm Thị Thu Thúy		20/06/1992	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Định	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/10/2023	Đạt	
2470	31	Lưu Ngọc Hoàn	17/10/1978		Giáo viên	GDNN-GDTX Nam Định	01/9/1999	15.113	ĐH Toán, Thạc sĩ Toán sơ cấp	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2023	Đạt	
2471	32	Đào Thị Ngọc Lan		01/12/1975	Giáo viên	GDNN- GDTX Nam Định	01/11/1997	15.113	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	6%	01/6/2026	Đạt	
2472	33	Hoàng Quang Dũng	16/7/1971		Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Định	01/09/1996	01.007	Cử nhân Đại Học	Kế Toán	CNNVSP bậc 1 và 2	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/05/2026	Đạt	
2473	34	Vũ Văn Thi	10/10/1983		Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Định	01/10/2008	15c.207	ĐH SPKT TP Hồ Chí Minh	Điện Khí hoá cung cấp điện	Chứng nhận NVSP bậc I,II	CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07,05,15	6	3,99		01/4/2024	Đạt	
		94. Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình																		
2474	1	Phạm Thanh Lịch	06/08/1984		Phó Trưởng phòng	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	04/09/2006	15.113	ĐHSP kỹ thuật Thạc sĩ LL PPDH bộ môn KTCN	Sư Phạm kĩ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/06/2026	Đạt	
2475	2	Nguyễn Thị Thúy Vân		25/08/1979	Phó Trưởng phòng	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/09/2003	15.113	ĐHNN Tiếng Anh Thạc sĩ QL giáo dục	Tiếng Anh	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/06/2026	Đạt	
2476	3	Đào Thị Lệ Thúy		05/11/1977	Trưởng phòng	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	05/12/2001	15.113	ĐH	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/03/2025	Đạt	
2477	4	Đinh Thị Thu Hà		06/09/1982	Phó Trưởng phòng	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	04/09/2006	15.113	ĐH	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/07/2024	Đạt	
2478	5	Nguyễn Đình Toàn	11/11/1982		Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	21/07/2014	15.113	ĐH	Công nghệ Kỹ thuật điện	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
2479	6	Trần Văn Hải	27/09/1989		Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/06/2021	V.07.05.15	ĐH Điện tử viễn thông Thạc sĩ Khoa học máy tính	Kỹ thuật Điện tử Viễn Thông; Khoa học máy tính	CN NVSP	GV THPT hạng III	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/11/2023	Đạt	
2480	7	Vũ Thị Thanh Nhân		18/01/1985	Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/10/2008	15.113	ĐHSP Toán Thạc sĩ Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/04/2024	Đạt	
2481	8	Vũ Văn Cường	11/01/1985		Phó Trưởng phòng	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/11/2008	15a.201	ĐH Tin học Thạc sĩ Tin học	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/02/2026	Đạt	
2482	9	Lê Thanh Nguyệt		12/09/1991	Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	13/04/2021	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn Thạc sĩ Ngữ văn	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/01/2025	Đạt	
2483	10	Nguyễn Thị Thúy		28/10/1976	Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/10/1998	15.113	ĐHSP	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	7%	01/4/2026	Đạt	
2484	11	Lê Đức Dầu	27/02/1980		Phó Trưởng phòng	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	04/11/2003	15.113	ĐHSP	Kĩ thuật công nghiệp	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/05/2024	Đạt	
2485	12	Nguyễn Thanh Khuyết	31/07/1970		Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/10/1997	15.113	ĐHSPKT	Cơ khí chế tạo máy		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/12/2025	Đạt	
2486	13	Phạm Văn Toàn	15/02/1986		Tổ trưởng chuyên môn	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/09/2008	15.113	ĐH	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
2487	14	Nguyễn Thị Hong Lan		10/05/1981	Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
2488	15	Nguyễn Thị Thanh Hương		24/10/1980	Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/09/2003	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2024	Đạt	
2489	16	Nguyễn Thị Văn Bình		28/05/1976	Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/10/1998	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/04/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2490	17	Đinh Thị Hoà		09/05/1984	Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/10/2007	13.095	ĐHSP	Sư Phạm kĩ thuật		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/04/2025	Đạt	
2491	18	Vũ Trọng Võ	04/07/1986		Tổ trưởng chuyên môn	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	15/09/2010	15.113	ĐH	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2492	19	Đào Thị Hải Yến		11/11/1983	Trưởng phòng	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/03/2008	15a.203	ĐHSP Tiếng Nga ĐHNН Tiếng Anh Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
2493	20	Trịnh Thị Lan		12/07/1986	Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	19/05/2017	V.07.05.15	ĐHSP Thạc sĩ	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/03/2024	Đạt	
2494	21	Vũ Thái Hà		21/10/1978	Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	15/01/2002	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/01/2026	Đạt	
2495	22	Đỗ Văn Dương	01/10/1981		Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/02/2007	15.113	ĐH	Vật lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/08/2025	Đạt	
2496	23	Lã Thị Tháo		26/09/1974	Giáo viên	GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	01/10/1997	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/06/2026	Đạt	
		95. Trung tâm GDTX-HN Phú Lý																		
2497	1	Vũ Thị Phương Hoa		19/10/1976	Giáo viên	GDTX-HN Phú Lý	29/08/2003	15.113	ĐH	Tin học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
2498	2	Phạm Thị Duyên		20/10/1979	Giáo viên	GDTX-HN Phú Lý	01/09/2003	15.113	ĐH	SP Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/9/2023	Đạt	
2499	3	Trịnh Xuân Cảnh	10/06/1987		Phó Trưởng phòng	GDTX-HN Phú Lý	31/08/2011	15.113	ĐH	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
2500	4	Nguyễn Thanh Dung		08/06/1983	Giáo viên	GDTX-HN Phủ Lý	01/09/2008	15.113	ĐH	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2024	Đạt	
2501	5	Trịnh Thị Thu		07/08/1979	Giáo viên	GDTX-HN Phủ Lý	15/08/2022	15.113	ĐH	SP Ngữ văn		CC bồi dưỡng CDNN Giáo viên THPT	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		15/05/2025	Đạt	
		96. Trung tâm GDNN - GDTX Nho Quan																		
2502	1	Bùi Thị Tuyến		02/2/1984	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Nho Quan	12/9/2006	15.113	ĐHSP	Toán - Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/3/2025	Đạt	
2503	2	Phạm Thị Giang		16/11/1985	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Nho Quan	01/02/2008	15a.201	ĐH Lịch sử; Thạc sỹ Lịch sử	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/02/2026	Đạt	
2504	3	Quách Thị Thành		04/02/1977	Giáo viên	GDNN-GDTX Nho Quan	01/12/2001	15.113	ĐHSP	Sinh - Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/12/2025	Đạt	
2505	4	Nguyễn Thị Bình		25/10/1990	Giáo viên	GDNN-GDTX Nho Quan	10/09/2012	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		10/09/2025	Đạt	
		97. Trung tâm GDNN - GDTX Gia Viễn																		
2506	1	Nguyễn Thế Tài	05/08/1984		Giáo viên	GDNN - GDTX Gia Viễn	01/01/2009	13.096	Đại học	Vật lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2025	Đạt	
2507	2	Nguyễn Văn Thực	01/10/1985		Giáo viên	GDNN - GDTX Gia Viễn	01/01/2008	15a.201	Đại học Sư Phạm Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV hạng THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2026	Đạt	
2508	3	Đinh Thị Kim Cúc		13/09/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Gia Viễn	15/09/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2509	4	Trần Thị Hồng Nhung		23/01/1981	Giáo viên	GDNN - GDTX Gia Viễn	15/01/2014	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/01/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
		98. Trung tâm GDNN - GDTX Kim Sơn																		
2510	1	Lại Văn Tài	21/7/1980		Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Kim Sơn	14/09/2010	15.113	Đại học sư phạm Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2511	2	Nguyễn Thị Oanh		28/12/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Sơn	15/10/2014	15.113	Đại học sư phạm Lịch sử; Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		15/10/2023	Đạt	
2512	3	Đào Thị Bằng		20/01/1985	Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Sơn	16/01/2015	15.113	Đại học cử nhân Vật lý; Thạc sĩ Vật lý chất rắn.	Vật lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		02/02/2024	Đạt	
2513	4	Trương Thị Thu Thảo		01/01/1987	Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Kim Sơn	14/09/2010	15.113	Đại học sư phạm Ngữ Văn	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2514	5	Nguyễn Thị Tuyền		15/6/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Sơn	01/12/20214	15.113	Đại học sư phạm Ngữ Văn; Thạc sỹ Văn học Việt Nam hiện đại	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		02/08/2024	Đạt	
2515	6	Phạm Văn Hoàn	27/7/1991		Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Sơn	15/07/2013	15.113	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sỹ Quản lí giáo dục	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		15/01/2026	Đạt	
2516	7	Lê Thị Thu Bồn		18/8/1991	Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Sơn	01/03/2019	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Ngữ Văn; Thạc Sỹ Lý luận văn học	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/09/2024	Đạt	
2517	8	Bùi Thị Thu Hương		11/10/1993	Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Sơn	01/03/2019	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Vật lý; Thạc Sỹ Vật lý lý thuyết và Vật lý Toán	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/03/2025	Đạt	
2518	9	Vũ Thị Châu Huyền		01/01/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Sơn	02/08/2011	13.096	Đại học sư phạm Sinh Học	Sinh Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2025	Đạt	
		99. GDNN-GDTX Yên Khánh																		
2519	1	Phạm Thị Tuyết Mai Mai		26/12/1984	Giáo viên	GDNN-GDTX Yên Khánh	15/11/2007	15a.201	ĐHSP	SP Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/02/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2520	2	Phạm Ngọc Hiệp	20/3/1988		Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Yên Khánh	01/11/2013	15.113	ĐHSP kỹ thuật Công Nghệ; Thạc sĩ Kỹ thuật điện	Công nghệ tự động	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/02/2026	Đạt	
2521	3	Nguyễn Hồng Quân	30/8/1979		Tổ phó chuyên môn	GDNN-GDTX Yên Khánh	01/9/2013	15a.201	Cử Nhân Khoa Học Toán, Thạc sĩ toán học chuyên ngành Hình học và Tô pô	Hình học và Tô pô	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2522	4	Nguyễn Thị Thảo		1/7/1985	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN-GDTX Yên Khánh	01/10/2008	15.113	ĐHSP	Sư phạm sinh		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
2523	5	Đinh Thị Hải		8/5/1987	Giáo viên	GDNN-GDTX Yên Khánh	15/9/2010	15.113	ĐHSP	Sư phạm Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2524	6	Lê Thị Thu		5/11/1993	Giáo viên	GDNN-GDTX Yên Khánh	13/03/2017	V.07.05.15	ĐH SP Vật Lý; Thạc sỹ Vật Lý	SP Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	3	3,00		01/11/2023	Đạt	
2525	7	Nguyễn Thị Tươi		6/4/1986	Giáo viên	GDNN-GDTX Yên Khánh	01/09/2011	15.113	ĐH SP	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
2526	8	Lê Thị Hồng Hiền		22/9/1989	Giáo viên	GDNN-GDTX Yên Khánh	01/12/2016	V.07.05.15	ĐH SP Ngữ văn; Thạc sỹ Lý Luận văn học	SP Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2026	Đạt	
		100. GDNN-GDTX Yên Mô																		
2527	1	Trần Quý Đỗ Trọng	28/3/1977		Giáo viên	GDNN-GDTX Yên Mô	04/9/1999	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/3/2024	Đạt	
2528	2	Phạm Quốc Huy	09/10/1983		Phó bí thư Đoàn, Giáo viên	GDNN-GDTX Yên Mô	01/3/2022	V.07.05.15	Đại học	Vật lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/5/2025	Đạt	
2529	3	Trần Thị Ngoan		02/03/1988	Giáo viên	GDNN-GDTX Yên Mô	15/09/2010	15.113	Đại học sư phạm	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2530	4	Lê Thị Loan		01/9/1982	Giáo viên	GDNN-GDTX Yên Mô	15/04/2013	15.113	- Cử nhân SP Ngữ Văn; Thạc sĩ ngành Văn học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2025	Đạt	
2531	5	Trương Vũ Hiển	15/05/1986		Giáo viên	GDNN-GDTX Yên Mô	29/9/2009	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2025	Đạt	
2532	6	Nguyễn Đức Tùng	19/06/1984		Giáo viên	GDNN-GDTX Yên Mô	06/01/2010	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/7/2025	Đạt	
2533	7	Phạm Thị Hoan		15/7/1986	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN-GDTX Yên Mô	01/09/2009	15.113	Đại học sư phạm	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
		101. Trung tâm GDNN - GDTX Tam Điệp																		
2534	1	Phạm Trọng Đại	17/04/1983		Giáo viên	GDNN - GDTX Tam Điệp	01/10/2005	15.113	ĐHSP	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/07/2026	Đạt	
2535	2	Phạm Hồng Linh	22/6/1984		Giáo viên	GDNN-GDTX Tam Điệp	01/01/2008	15.113	ĐH Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/01/2026	Đạt	
2536	3	Nguyễn Thị Thủy Dung		05/10/1986	Giáo viên	GDNN-GDTX Tam Điệp	10/10/2008	15.113	ĐH Lịch sử	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II		V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
2537	4	Hứa Thị Thu Hà		17/03/1981	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Tam Điệp	03/09/2004	15.113	ĐHSP	GDCT		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
2538	5	Trần Thị Như Trang		05/01/1987	Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Tam Điệp	12/07/2011	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/07/2026	Đạt	
2539	6	Lê Thị Thanh Thảo		18/12/1987	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Tam Điệp	14/09/2010	15.113	ĐHSP	SP Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2540	7	Đào Thị Thủy Linh		09/11/1992	Giáo viên	GDNN - GDTX Tam Điệp	01/02/2015	15.113	ĐH Sư phạm Sinh; Thạc sỹ Động vật học	SP Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/08/2024	Đạt	
102. Trung tâm GDNN - GDTX Mỹ Lệ																				
2541	1	Nguyễn Thị Huyền		28/10/1979	Giáo viên	GDNN - GDTX Mỹ Lộc	01/9/2009	15.113	Đại học	SP Văn học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
2542	2	Nguyễn Thị Địu		25/04/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Mỹ Lộc	01/9/2009	15.113	Đại học	SP Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2543	3	Trần Thị Hà		29/07/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Mỹ Lộc	01/9/2009	15.113	Đại học	SP Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2544	4	Nguyễn Thị Thủy		25/02/1985	Giáo viên	GDNN - GDTX Mỹ Lộc	11/9/2012	15.113	Đại học và Thạc sỹ	Sinh học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	5	3,66		11/03/2025	Đạt	
2545	5	Nguyễn Thị Ánh		01/08/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Mỹ Lộc	01/9/2010	15.113	Đại học	SP Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2546	6	Trần Thị Ninh		15/06/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Mỹ Lộc	01/9/2010	15.113	Đại học	SP Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2547	7	Trần Thị Mến		03/10/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Mỹ Lộc	01/9/2010	15.113	Đại học	SP Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2548	8	Phạm Thị Loan		22/11/1993	Giáo viên	GDNN - GDTX Mỹ Lộc	06/10/2015	15.113	Đại học	SP GD&CD		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/04/2025	Đạt	
103. Trung tâm GDNN - GDTX Ý Yên																				
2549	1	Nguyễn Thị Kim Loan		20/01/1980	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Ý Yên	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2550	2	Phạm Thị Phượng		27/05/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Ý Yên	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
2551	3	Nguyễn Thị Hằng		29/07/1980	Giáo viên	GDNN - GDTX Ý Yên	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
2552	4	Hà Thị Phương		05/03/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Ý Yên	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Sinh - KTN		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2553	5	Bùi Thị Lan		20/10/1993	Giáo viên	GDNN - GDTX Ý Yên	06/10/2015	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		06/04/2025	Đạt	
2554	6	Trần Thị Tuyền		12/06/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Ý Yên	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
2555	7	Hoàng Thanh Đức	07/04/1987		Giáo viên	GDNN - GDTX Ý Yên	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2556	8	Phạm Thị Ninh		23/04/1985	Giáo viên	GDNN - GDTX Ý Yên	01/9/2010	15.113	ĐHSP	Sinh Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/01/2026	Đạt	
2557	9	Nguyễn Thị Thu Hương		22/07/1983	Giáo viên	GDNN - GDTX Ý Yên	15/02/2007	15.113	Đại học	Ngữ văn	Chứng chỉ lí luận dạy học và giáo dục	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
		104. Trung tâm GDNN - GDTX Nam Trực																		
2558	1	Bùi Thị Huyền		29/08/1980	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2005	15a.201	Đại học	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/03/2026	Đạt	
2559	2	Vũ Mạnh Hữu	09/04/1984		Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2009	15.113	ĐH Vật Lý	Vật Lý	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2560	3	Đoàn Thị Hoa		16/10/1988.	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
2561	4	Đỗ Thị Vân Anh		21/07/1984	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2007	15.113	Đại học,Thạc sĩ	Sư phạm Toán, Phương pháp Toán sơ cấp		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	
2562	5	Trần Thị Phương		25/11/1983	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2005	15a.201	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2023	Đạt	
2563	6	Đỗ Thị Hạnh		10/01/1990	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	06/11/2012	15.113	Đại học	Sư phạm Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2025	Đạt	
2564	7	Lê Thị Lan Phương		08/06/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2565	8	Phạm Thị Hoa		23/08/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2009	15.113	Đại học Sư phạm	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2566	9	Thiều Thế Ánh	04/02/1979		Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
2567	10	Vũ Mạnh Thắng	06/09/1984		Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Vật Lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
2568	11	Nguyễn Thị Dần		14/07/1984	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2569	12	Đặng Văn Cường	16/12/1976		Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Nam Trực	20/12/1998	15.113	ĐH	Tiếng Anh	CĐSP Ngoại ngữ	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	5%	01/01/2026	Đạt	
2570	13	Nguyễn Thị Hường		06/08/1990	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	06/10/2015	15.113	ĐH SP Địa lí; Thạc sĩ Địa lí	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		06/04/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng</i> <i>đủ</i> các tiêu chuẩn, <i>điều kiện thi ghi là</i> <i>Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2571	14	Vũ Văn Vinh	01/06/1983		Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Nam Trực	01/9/2006	15a.202	ĐHSP	Công nghệ thông tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2572	15	Đặng Văn Sơn	23/02/1985		Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	25/09/2009	15a.202	Đại học Sư phạm kỹ thuật	Công nghệ thông tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2573	16	Chu Thị Thơm		20/01/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Sư phạm Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2574	17	Phạm Thị Mai Anh		15/02/1989	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2013	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
2575	18	Đỗ Thị Khuyên		16/01/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2576	19	Phạm Thị Huệ		02/08/1992	Giáo viên	GDNN - GDTX Nam Trực	01/10/2014	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2024	Đạt	
105. Trung tâm GDNN - GDTX Vụ Bản																				
2577	1	Ngô Thị Huyền		13/03/1991	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Vụ Bản	01/09/2013	15.113	Cử nhân Giáo dục chính trị; Thạc sĩ: Triết học	Giáo dục chính trị; Triết học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2025	Đạt	
2578	2	Nguyễn Hồng Hải	02/12/1990		Giáo viên	GDNN - GDTX Vụ Bản	06/10/2015	15.113	ĐHSP Ngữ văn, Thạc sĩ Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam	- Đại học, chuyên ngành: Sư phạm Ngữ văn; - Thạc sĩ,		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		06/07/2024	Đạt	
2579	3	Trần Thị Thu		30/08/1980	Giáo viên	GDNN - GDTX Vụ Bản	11/09/2008	15.113	ĐHSP	Văn học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2023	Đạt	
2580	4	Nguyễn Thị Giang		16/10/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Vụ Bản	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		
2581	5	Phạm Thị Oanh		11/11/1985	Giáo viên	GDNN - GDTX Vụ Bản	01/9/2009	15.113	ĐHSP	Sư phạm Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
2582	6	Nguyễn Văn Điệp	09/03/1982		Giáo viên	GDNN - GDTX Vụ Bản	15/09/2005	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		15/09/2023	Đạt	
2583	7	Nguyễn Thị Tươi		08/01/1991	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Vụ Bản	06/10/2015	15.113	- ĐHSP Vật lý; - Thạc sĩ: Vật lý lý thuyết và vật lý toán	- ĐH, chuyên ngành Sư phạm Vật lý; - Thạc sĩ, chuyên ngành:		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		06/04/2025	Đạt	
2584	8	Trình Duy Phú	30/12/1982		Giáo viên	GDNN - GDTX Vụ Bản	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Sư phạm Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2585	9	Vũ Hồng Cẩm		13/08/1980	Giáo viên	GDNN - GDTX Vụ Bản	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2024	Đạt	
2586	10	Đinh Thị Dung		04/06/1985	Giáo viên	GDNN - GDTX Vụ Bản	01/09/2009	15.113	ĐH; Thạc sỹ Sư phạm Hóa học	- ĐH, ngành: Cử nhân Hóa học; - Thạc sĩ, Sư phạm Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
106. Trung tâm GDNN - GDTX Trục Ninh																				
2587	1	Vũ Thị Việt Bắc		20/10/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Trục Ninh	01/09/2010	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2588	2	Nguyễn Thị Anh		06/10/1984	Giáo viên	GDNN - GDTX Trục Ninh	01/09/2009	15.113	Đại học	Sư phạm Giáo dục Chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2589	3	Đinh Thị Thu Hương		17/05/1988	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Trục Ninh	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2590	4	Trần Thị Thu Hằng		10/12/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Trục Ninh	01/09/2009	15.113	Đại học	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2591	5	Vũ Thị Thuý		05/01/1977	Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Trưc Ninh	01/05/1999	15.113	Đại học	Công nghệ thông tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98			Đạt	
2592	6	Hoàng Thị Hằng		11/09/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Trưc Ninh	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2593	7	Vũ Thị Phương		06/06/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Trưc Ninh	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2594	8	Trần Thị Ngọc Thúy		21/10/1980	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Trưc Ninh	01/09/2006	15a.201	ĐHSP	Văn học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2595	9	Nguyễn Thị Dung		10/07/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Trưc Ninh	01/09/2013	15.113	ĐHSP	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2026	Đạt	
2596	10	Vũ Văn Phúc	04/06/1988		Giáo viên	GDNN - GDTX Trưc Ninh	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
		107. GDNN-GDTX Giao Thuý																		
2597	1	Vũ Thị Mai		28/03/1988	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN-GDTX Giao Thuý	01/9/2010	15.113	ĐH sư phạm, Thạc sĩ Toán	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/12/2024	Đạt	
2598	2	Đinh Thị Lan		22/11/1986	Giáo viên	GDNN-GDTX Giao Thuý	01/09/2009	15.113	ĐH Hóa học	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
2599	3	Trần Thị Ngọc Lành		01/07/1985	Giáo viên	GDNN-GDTX Giao Thuý	01/9/2013	15.113	ĐH Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2026	Đạt	
2600	4	Phạm Thị Hiền		12/06/1987	Giáo viên	GDNN-GDTX Giao Thuý	01/9/2010	15.113	ĐHSP Địa lí	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/11/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2601	5	Đặng Thị Hoan		07/12/1988	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN-GDTX Giao Thủy	01/9/2011	15.113	ĐHSP GDCD	Sư phạm GDCD		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2602	6	Mai Thị Kiều		18/11/1987	Giáo viên	GDNN-GDTX Giao Thủy	01/9/2010	15.113	ĐHSP	Sư phạm Hóa		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2603	7	Trần Thị Hoà		08/11/1988	Giáo viên	GDNN-GDTX Giao Thủy	lần 1: 01/10/2010 lần 2: 01/03/2025	15.113	ĐH Sư phạm Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/05/2024	Đạt	
2604	8	Đình Quốc Danh	15/12/1975		Giáo viên	GDNN-GDTX Giao Thủy	1/10/2004	15.113	ĐH Sư Phạm	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2025	Đạt	
2605	9	Trần Thị Yên		18/12/1987	Giáo viên	GDNN-GDTX Giao Thủy	01/9/2009	15.113	ĐH Sư phạm Toán	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/05/2026	Đạt	
2606	10	Ngô Thị Miên		08/03/1986	Giáo viên	GDNN-GDTX Giao Thủy	01/9/2010	15.113	ĐH Sư phạm Toán	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2023	Đạt	
108. Trung tâm GDNN - GDTX Hải Hậu																				
2607	1	Kim Thị Thín		02/03/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Hải Hậu	01/9/2010	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2025	Đạt	
2608	2	Vũ Văn Khoát	21/02/1980		Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Hải Hậu	01/09/2006	15a.201	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2609	3	Lê Thị Châu		01/05/1981	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Hải Hậu	14/03/2006	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II, III	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2024	Đạt	
2610	4	Hoàng Văn Cường	18/10/1986		Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Hải Hậu	01/9/2010	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Hóa học	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh <i>(dd/mm/yyyy)</i>		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ <i>(đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt)</i>	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2611	5	Phạm Thị Thủy Dương		25/09/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Hải Hậu	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2612	6	Lại Thị Hiền		13/05/1980	Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Hải Hậu	01/10/2003	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2024	Đạt	
2613	7	Nguyễn Thị Thêu		26/04/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Hải Hậu	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2614	8	Nguyễn Thị Thắm		01/01/1992	Giáo viên	GDNN - GDTX Hải Hậu	06/10/2015	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/04/2025	Đạt	
2615	9	Cao Thị Thắm		03/04/1987	Giáo viên	Trung tâm GDNN- GDTX Hải Hậu	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2616	10	Trịnh Thị Thành		11/03/1984	Giáo viên	GDNN - GDTX Hải Hậu	15/11/2007	15a.201	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2023	Đạt	
2617	11	Đỗ Thị Hòa		28/12/1990	Giáo viên	GDNN - GDTX Hải Hậu	06/10/2015	15.113	ĐHSP; Thạc sĩ Sinh học	Sinh Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		06/10/2025	Đạt	
2618	12	Nguyễn Thị Duyên		05/04/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Hải Hậu	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Giáo dục công dân		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2619	13	Nguyễn Thị Tho		22/08/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Hải Hậu	01/09/2010	15.113	ĐHSP, Thạc sĩ Vật lí	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2620	14	Trần Thị Ngọc		23/05/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Hải Hậu	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Vật lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
2621	15	Nguyễn Thị Thu Trang		17/07/1990	Giáo viên	GDNN - GDTX Hải Hậu	16/03/2015	15a.203	Đại học	Công nghệ thông tin	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		16/03/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2622	16	Nguyễn Thị Thanh Xuân		26/05/1982	Giáo viên	GDNN - GDTX Hải Hậu	10/09/2004	15.113	ĐH CNTT và truyền thông Thái Nguyên	Tin học	Chứng nhận BDSP bậc 1, 2 chứng chỉ BDNVSP cấp THPT	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II, III	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
		109. Trung tâm GDNN - GDTX Xuân Trường																		
2623	1	Trần Thị Trang		24/03/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Xuân Trường	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/7/2025	Đạt	
2624	2	Bùi Thị Hồng Thảo		08/05/1976	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Xuân Trường	01/10/1999	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98	9%	01/4/2026	Đạt	
2625	3	Trịnh Thị Nhung		16/11/1979	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Xuân Trường	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2024	Đạt	
2626	4	Đỗ Thu Huyền		31/07/1980	Giáo viên	GDNN - GDTX Xuân Trường	20/09/2002	15.113	ĐHSP	Toán Tin		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/10/2023	Đạt	
2627	5	Nguyễn Thị Hà		13/03/1985	Giáo viên	GDNN - GDTX Xuân Trường	09/01/2010	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2025	Đạt	
2628	6	Bùi Thị Dệt		08/04/1985	Giáo viên	GDNN - GDTX Xuân Trường	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/10/2024	Đạt	
2629	7	Đỗ Văn Dũng	10/12/1980		Giáo viên	GDNN - GDTX Xuân Trường	29/08/2003	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/04/2026	Đạt	
2630	8	Đỗ Thị Lan Hương		01/06/1982	Giáo viên	GDNN - GDTX Xuân Trường	01/9/2010	15.113	ĐHKHXH&NVTP. HCM	Địa lí	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/3/2026	Đạt	
2631	9	Đặng Thị Thu Hằng		11/10/1990	Giáo viên	GDNN - GDTX Xuân Trường	01/09/2013	15.113	ĐHGD - ĐG QGHN	Sư phạm Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2632	10	Nguyễn Anh Tuấn	10/6/1976		Giáo viên	GDNN - GDTX Xuân Trường	03/01/2000	15.113	ĐH SPKT	Điện khí hóa - Cung cấp điện	CCSP bậc II	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV GDNN lý thuyết hạng III	V.09.02.07	9	4,98		01/9/2023	Đạt	
2633	11	Đoàn Văn Thọ	24/04/1978		Giáo viên	GDNN - GDTX Xuân Trường	01/06/2006	15c.207	ĐH KT	Điện - Điện tử	CCSP bậc II	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV GDNN lý thuyết hạng III	V.09.02.07	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
		110. Trung tâm GDNN - GDTX Nghĩa Hưng																		
2634	1	Nguyễn Thị Loan		03/08/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Nghĩa Hưng	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Giáo dục chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2635	2	Ngô Thị Thảo		05/11/1984	Giáo viên	GDNN - GDTX Nghĩa Hưng	01/09/2010	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II		V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2636	3	Đỗ Thị Thêu		10/03/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Nghĩa Hưng	01/09/2009	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	
2637	4	Trần Thị Huyền		02/11/1985	Giáo viên	GDNN - GDTX Nghĩa Hưng	01//01/2014	15.113	- Đại học Hóa học - Thạc sĩ Hóa học	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/04/2026	Đạt	
2638	5	Ninh Thị Minh Nguyệt		23/08/1983	Giáo viên	GDNN - GDTX Nghĩa Hưng	01/09/2006	15.113	Đại học	Ngữ văn	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2024	Đạt	
2639	6	Ngô Thị Châu		02/09/1990	Giáo viên	GDNN - GDTX Nghĩa Hưng	06/10/2015	V.07.05.15	ĐHSP Toán Thạc sĩ Toán	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		06/04/2025	Đạt	
2640	7	Hoàng Thị Trang		03/12/1991	Giáo viên	GDNN - GDTX Nghĩa Hưng	15/10/2020	V.07.05.15	- Cử nhân Sư phạm Địa lí - Thạc sĩ Địa lí tự nhiên	Sư phạm Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	3	3,00		15/10/2023	Đạt	
2641	8	Trần Thị Thuý		26/12/1989	Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Nghĩa Hưng	25/08/2014	15.113	Đại học	Sư phạm Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2642	9	Nguyễn Thị Oanh		20/01/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Nghĩa Hưng	01/9/2011	15.113	ĐHSP	GD chính trị		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/06/2024	Đạt	
		111. Trung tâm GDNN - GDTX Bình Lục																		
2643	1	Nguyễn Văn Long	10/11/1987		Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Bình Lục	01/09/2011	15.113	ĐHSP; Thạc sỹ	Lịch sử; Lịch sử Việt Nam		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2026	Đạt	
2644	2	Mai Thị Hải		28/11/1988	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Bình Lục	20/08/2010	15.113	ĐHSP	Toán		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2645	3	Nguyễn Thị Sen		01/11/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Bình Lục	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Hoá Học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
2646	4	Nguyễn Bích Ngọc		29/12/1985	Giáo viên	GDNN - GDTX Bình Lục	25/08/2010	15.113	ĐHSP	Địa Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
		112. Trung tâm GDNN - GDTX Duy Tiên																		
2647	1	Đình Thị Huệ		12/10/1983	Giáo viên	GDNN - GDTX Duy Tiên	10/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V07.05.15	6	3,99		01/04/2024	Đạt	
2648	2	Ngô Minh Tiến	22/01/1987		Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Duy Tiên	20/8/2009	15.113	ĐHSP	Vật lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GVTHPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/06/2024	Đạt	
2649	3	Nguyễn Thị Hà Phương		04/01/1978	Giáo viên	GDNN - GDTX Duy Tiên	01/9/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/6/2025	Đạt	
2650	4	Trần Thị Thúy Hằng		12/01/1983	Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Duy Tiên	01/10/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Ngữ Văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
2651	5	Lại Thị Mơ		28/08/1987	Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Duy Tiên	01/9/2011	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/12/2023	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2652	6	Trần Thị Thu Hương		04/11/1981	Giáo viên	GDNN - GDTX Duy Tiên	10/01/2010	V.07.05.15	Cử nhân	Lịch sử	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2025	Đạt	
2653	7	Ngô Thị Hải Toan		01/10/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Duy Tiên	01/10/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/11/2025	Đạt	
2654	8	Phạm Thị Thoa		11/12/1989	Giáo viên	GDNN - GDTX Duy Tiên	01/10/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Sinh học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/12/2023	Đạt	
2655	9	Nguyễn Thị Vân		31/12/1989	Giáo viên	GDNN - GDTX Duy Tiên	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
2656	10	Nguyễn Thị Ngoan		01/01/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Duy Tiên	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Hóa học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2026	Đạt	
		113. Trung tâm GDNN - GDTX Lý Nhân																		
2657	1	Trần Thị Hà		12/09/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Lý Nhân	10/09/2012	15.113	ĐHSP	Văn - Giáo dục công dân		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II, III	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		10/09/2026	Đạt	
2658	2	Cao Xuân Nghĩa	19/03/1984		Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Lý Nhân	10/11/2011	15.113	ĐHSP	Hoá học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II, III	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		10/11/2025	Đạt	
2659	3	Lưu Khánh Ly		15/12/1988	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Toán học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2660	4	Nguyễn Thị Xuân		01/11/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Lý Nhân	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2025	Đạt	
2661	5	Trần Thị Loan		12/01/1983	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Lý Nhân	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/09/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau		
2662	6	Đào Thị Thanh Tuyền		06/11/1990	Giáo viên	GDNN - GDTX Lý Nhân	02/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP; Thạc sĩ Sư phạm	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2025	Đạt	
2663	7	Nguyễn Thị Hạnh Lê		17/09/1984	Giáo viên	GDNN - GDTX Lý Nhân	02/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Địa lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		1/11/2024	Đạt	
2664	8	Nguyễn Thị Thanh		30/09/1987	Giáo viên	GDNN - GDTX Lý Nhân	02/01/2020	V.07.05.15	ĐH Sinh học; Thạc sỹ Sinh học	Sinh học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
2665	9	Cao Thị Thu Hằng		19/04/1989	Giáo viên	GDNN - GDTX Lý Nhân	01/08/2022	V.07.05.15	ĐHSP	Vật Lí		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/01/2026	Đạt	
		114. Trung tâm GDNN - GDTX Kim Bảng																		
2666	1	Đinh Xuân Phú	04/01/1984		Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Bảng	01/09/2008	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		01/03/2026	Đạt	
2667	2	Hoàng Minh Hòa		06/10/1978	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Kim Bảng	01/09/2001	15.113	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	9	4,98		01/09/2024	Đạt	
2668	3	Trần Thị Yến		22/09/1980	Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Bảng	01/09/2004	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	8	4,65		01/09/2025	Đạt	
2669	4	Nguyễn Dương Độ	24/02/1987		Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Bảng	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/09/2024	Đạt	
2670	5	Chu Kim Huệ		18/05/1990	Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Bảng	01/02/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2025	Đạt	
2671	6	Nguyễn Thu Nga		28/8/1987	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Kim Bảng	01/01/2020	V.07.05.15	Đại học	CN Toán	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99		01/03/2025	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thi ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính đề xét nâng bậc lương lần sau		
2672	7	Trần Thị Thu Hương		04/09/1990	Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Bảng	01/01/2020	V.07.05.15	ĐHSP	Sinh học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/04/2025	Đạt	
2673	8	Vũ Thị Thơ		03/12/1988	Giáo viên	GDNN - GDTX Kim Bảng	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
		115. Trung tâm GDNN - GDTX Thanh Liêm																		
2674	1	Đỗ Thế Hải	27/12/1981		Tổ phó chuyên môn	GDNN - GDTX Thanh Liêm	03/02/2025	V.07.05.15	ĐHSP	Ngữ văn		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	7	4,32		04/02/2025	Đạt	
2675	2	Đinh Thị Thái		06/07/1989	Giáo viên	GDNN - GDTX Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Lịch sử		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2676	3	Trương Thị Thanh Thúy		07/08/1991	Giáo viên	GDNN - GDTX Thanh Liêm	01/08/2014	15.113	ĐHSP	Hóa học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33		01/08/2024	Đạt	
2677	4	Nguyễn Thị Vinh		05/01/1988	Tổ trưởng chuyên môn	GDNN - GDTX Thanh Liêm	01/09/2011	15.113	ĐHSP	Địa lý		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/03/2024	Đạt	
2678	5	Đỗ Thị Minh Phương		22/11/1986	Giáo viên	GDNN - GDTX Thanh Liêm	01/02/2020	V.07.05.15	ĐH	Sinh học	CN NVSP	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV THPT hạng II	GV THPT hạng III	V.07.05.15	5	3,66		01/09/2024	Đạt	
		116. Trường CDSP Nam Định																		
2679	1	Nguyễn Minh Cường	22/8/1980		Trưởng bộ môn, Giảng viên	CDSP Nam Định	25/8/2010	15.113	- ĐHSP - Thạc sĩ	Mĩ thuật; Mĩ thuật tạo hình Hội họa		Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên CDSP	GV CDSP hạng III	V.07.08.22	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
2680	2	Nguyễn Thị Lan Hương		08/01/1981	Giảng viên	CDSP Nam Định	01/9/2013	15.111	- ĐHSP Thạc sĩ	Ngữ văn; LL&PPDH bộ môn Văn và Tiếng Việt		Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN Giảng viên CDSP	GV CDSP hạng III	V.07.08.22	6	3,99		01/9/2025	Đạt	
2681	3	Bùi Thị Thúy		21/09/1975	Phó trưởng bộ môn, Giảng viên	CDSP Nam Định	25/12/1997	15.111	- ĐHSP Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	Chứng chỉ NVSP dành cho giảng viên đại học	Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN Giảng viên CDSP	GV CDSP hạng III	V.07.08.22	9/9	4,98	6%	01/7/2026	Đạt	

STT	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Tuyển dụng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng đề nghị thăng hạng				Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương lương hiện hưởng						Kết quả thẩm định hồ sơ của Ban thẩm định hồ sơ (<i>dáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì ghi là Đạt</i>)	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngày tháng năm tuyển dụng	Mã chức danh nghề nghiệp khi tuyển dụng	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Hạng CDNN	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính để xét năng bậc lương lần sau		

Danh sách có 2681 người./.